



**DSPACE**

<https://dspace.org/>

**Nhng vn lý lun và thc tin v các trng hp ti phm cha hoàn thành trong Lut hình s Vit Nam: Sách chuyên kho dùng cho ào to trình i hc CSND, h chính quy 4 nm theo tín ch - Lu hành ni b**

**H Thanh Giang; Nguyn Quc Khánh; Nguyn Hoàng Yên**

**2024**

Trng i hc CSND

<https://library.dhcsnd.edu.vn/handle/123456789/61>

BỘ CÔNG AN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT NHÂN DÂN

SÁCH CHUYÊN KHẢO

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÁC  
TRƯỜNG HỢP TỘI PHẠM CHƯA HOÀN THÀNH  
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

*(Dùng cho đào tạo trình độ Đại học CSND, hệ chính quy 4 năm theo tín chỉ)*

LƯU HÀNH NỘI BỘ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – 2024

TS. Hồ Thanh Giang (chủ biên)

SÁCH CHUYÊN KHẢO

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÁC  
TRƯỜNG HỢP TỘI PHẠM CHƯA HOÀN THÀNH  
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

*(Dùng cho đào tạo trình độ Đại học CSND, hệ chính quy 4 năm theo tín chỉ)*

LƯU HÀNH NỘI BỘ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – 2024

## **BAN BIÊN SOẠN**

**Chủ biên:** TS. Hồ Thanh Giang – GVC, Khoa Luật, Trường Đại học CSND

**Tham gia biên soạn:**

**1. ThS. Nguyễn Quốc Khánh**

*Phó Trưởng phòng, Phòng QLNCKH – Chương 1*

**2. TS. Hồ Thanh Giang**

*Giảng viên chính, Khoa Luật – Chương 2*

**3. ThS. Nguyễn Hoàng Yên**

*Giảng viên chính, Khoa Luật – Chương 3*

## HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH SÁCH CHUYÊN KHẢO

(Thành lập theo Quyết định số 701/QĐ-T05 ngày 11 tháng 4 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học CSND)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh trong hội đồng thẩm định
1	PGS.TS Nguyễn Giang Nam	Phó Hiệu trưởng	T05	Chủ tịch
2	TS Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng khoa Luật	T04	UV phản biện 1
3	TS Ngô Quang Cảnh	Phó Trưởng khoa	T05	UV phản biện 2
4	TS Nguyễn Thái Bình	Cán bộ	T05	Thư ký
5	PGS.TS Trần Ngọc Đức	Trưởng khoa	T05	Ủy viên
6	PGS.TS Bùi Ngọc Hà	Trưởng phòng	T05	Ủy viên
7	TS Lê Thanh Hồng	Phó Trưởng phòng	T05	Ủy viên

(Thư ký hành chính: Ths Nguyễn Thị Mai Thanh – Cán bộ Phòng QLNCKH)

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong quá trình thực hiện tội phạm, không phải lúc nào người phạm tội cũng thực hiện tội phạm được đến cùng và gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội, có những trường hợp người phạm tội đang có các hoạt động chuẩn bị phạm tội hoặc bắt đầu thực hiện hành vi khách quan của tội phạm thì dừng lại vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội, khoa học Luật hình sự xác định là các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành và trong BLHS hiện hành cũng đã có những quy định cụ thể liên quan đến các trường hợp này. Tuy nhiên hiện nay, việc nhận thức và áp dụng quy định của pháp luật hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành trong thực tiễn đang nảy sinh một số vấn đề vướng mắc, chưa thống nhất, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, kể cả khách quan và chủ quan. Điều này đòi hỏi cần có công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này cả về phương diện lý luận và thực tiễn, từ đó có những định hướng cụ thể, góp phần nâng cao nhận thức và hiệu quả áp dụng.

Trong Chương trình đào tạo trình độ Đại học Cảnh sát nhân dân, hệ chính quy 4 năm theo tín chỉ, học phần Luật hình sự có vị trí quan trọng, là học phần bắt buộc của nhóm kiến thức cơ sở, thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó các chế định liên quan đến các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành như chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt là những nội dung trọng tâm của học phần và là nội dung kiến thức thường được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng vận dụng trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Điều này đòi hỏi cần có hệ thống tài liệu dạy học đầy đủ, chuyên sâu và mang tính thực tiễn cao nhằm đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu và học tập của giảng viên, sinh viên. Trên cơ sở đó, với mục đích bổ sung nguồn tài liệu tham khảo có giá trị, chuyên sâu, phục vụ việc nghiên cứu và học tập học phần Luật hình sự nói chung, cũng như các quy định của pháp luật hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành nói riêng, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân tổ chức biên soạn sách chuyên khảo *“Những vấn đề lý luận và thực tiễn về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành trong Luật hình sự Việt Nam”* theo Quyết định số 2855/QĐ-T05, ngày 08/11/2023, của Hiệu trưởng Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, về việc giao biên soạn tài liệu dạy học năm 2023 – 2024.

Nội dung chuyên khảo khảo tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành; nghiên cứu, phân tích quan điểm áp dụng của các cơ quan tiến hành tố tụng về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành trong các vụ án hình sự xảy ra, qua đó có những đánh giá khách quan, toàn diện

về kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của nó trong thực tiễn áp dụng; trên cơ sở đó, đề xuất một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng, trong đó có vai trò, trách nhiệm của lực lượng Cảnh sát nhân dân.

Với những nội dung đó, sách chuyên khảo được kết cấu gồm 03 chương:

- Chương 1: Những vấn đề lý luận về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành trong Luật hình sự Việt Nam.

- Chương 2: Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành.

- Chương 3: Định hướng nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành và trách nhiệm của lực lượng Cảnh sát nhân dân.

Trong quá trình biên soạn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Tập thể tác giả rất mong nhận được những góp ý về chuyên môn để nội dung được hoàn thiện và phục vụ tốt hơn cho việc nghiên cứu, học tập của sinh viên.

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CSND**

# Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TRƯỜNG HỢP TỘI PHẠM CHƯA HOÀN THÀNH TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

## I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, Ý NGHĨA CỦA VIỆC QUY ĐỊNH CÁC TRƯỜNG HỢP TỘI PHẠM CHƯA HOÀN THÀNH

### 1. Khái niệm

Trong các văn bản quy phạm pháp luật hình sự từ khi pháp điển hóa lần thứ nhất cho đến nay, chưa có khái niệm pháp lý nào về tội phạm chưa hoàn thành và các trường hợp phạm tội cụ thể. Vấn đề này chỉ mới được đề cập dưới góc độ khoa học pháp lý, như: “*Tội phạm chưa hoàn thành là hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt*”<sup>1</sup>; “*Việc thực hiện tội phạm chưa hoàn thành là hành vi phạm tội mà trong đó bao hàm việc thực hiện 02 loại hành vi tương ứng với 02 giai đoạn là chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt*”<sup>2</sup>; “*Chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt - cả hai đều là những dạng của trường hợp tội phạm chưa hoàn thành*”<sup>3</sup>; “*Tội phạm chưa hoàn thành bao gồm hai trường hợp: chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt*”<sup>4</sup>; “*Phạm tội chưa hoàn thành là hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt của cá nhân, pháp nhân thương mại cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng do những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội nhưng họ đã thực hiện hết hoặc chưa hết các hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội mà họ dự định làm*”<sup>5</sup>. Các quan điểm khoa học nêu trên đều xác định tội phạm chưa hoàn thành bao gồm hai trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, đây là những trường hợp cụ thể của quá trình thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp và được phân biệt với trường hợp tội phạm hoàn thành. Với việc xác định các trường hợp cụ thể của tội phạm chưa hoàn thành như các cách tiếp cận trên cho thấy tính hợp lý, phù hợp với lý luận về tội phạm và các giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm.

Theo khoa học pháp lý hình sự, các giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm là các mức độ trong quá trình thực hiện tội phạm do lỗi cố ý (trực tiếp), phản ánh tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội ở từng thời điểm khác nhau, bao gồm chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành. Tội phạm hoàn thành là giai đoạn cuối cùng của quá trình thực hiện tội phạm với lỗi

<sup>1</sup> Lê Cẩm (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

<sup>2</sup> Lê Cẩm, Vũ Trung, Nông Thị Như Quỳnh, “Các giai đoạn phạm tội và tiếp tục hoàn thiện điều khoản có liên quan trong pháp luật hình sự tương lai”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 01/2021, trang 23.

<sup>3</sup> Trịnh Tiến Việt (2009), “Về phạm tội chưa đạt và một số hình thức phạm tội khác trong quá trình thực hiện tội phạm”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học* 25 (2009) 125-133.

<sup>4</sup> Dương Tiết Miên (2021), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

<sup>5</sup> Ngô Ngọc Diễm, Ngô Ngọc Trà (2021), “Tội phạm chưa hoàn thành theo luật hình sự Việt Nam và một số giải pháp hoàn thiện”, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*.

cố ý trực tiếp, đây là trường hợp hành vi phạm tội đã thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm của một tội phạm cụ thể; có nghĩa là tội phạm đã xảy ra phản ánh được đầy đủ nhất bản chất của một tội phạm cụ thể mà các nhà làm luật xây dựng (án định) cho nó thông qua các quy phạm pháp luật hình sự, không phụ thuộc vào việc thực tế xảy ra hậu quả hay không, mục đích của người phạm tội đã đạt được hay chưa; hay nói cách khác, “hoàn thành” ở đây là hoàn thành về mặt pháp lý, không phải là hoàn thành trên thực tế; có trường hợp chỉ cần thực hiện hành vi khách quan của tội phạm và thỏa mãn dấu hiệu hành vi đó thì tội phạm được coi là hoàn thành, có trường hợp phải thực hiện hành vi khách quan và gây ra hậu quả thì tội phạm mới được coi là hoàn thành. Còn đối với chuẩn bị phạm tội hay phạm tội chưa đạt (các trường hợp đã được luật định), có trường hợp người phạm tội đang tạo ra những điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tội phạm, có trường hợp đang thực hiện hành vi khách quan của tội phạm thì dừng lại vì những nguyên nhân ngoài ý muốn; hậu quả của tội phạm chưa xảy ra hoặc có xảy ra nhưng hậu quả đó không phải là hậu quả pháp lý (theo ý chí của các nhà làm luật) của tội phạm mà họ thực hiện. Nếu đặt các trường hợp này trong cùng một tội danh để so sánh với trường hợp tội phạm hoàn thành, có thể thấy, hành vi của người phạm tội chưa thỏa mãn hết được các dấu hiệu pháp lý của tội phạm cụ thể đó.

Lý luận về các giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm cũng đề cập đến trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được BLHS quy định như là một trường hợp có liên quan đến các giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm. Một số quan điểm khoa học cho rằng, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội cũng là một trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, vì trường hợp này cũng là tội phạm và người phạm tội cũng không thực hiện tội phạm được đến cùng như chuẩn bị phạm tội hay phạm tội chưa đạt, chỉ khác nhau ở nguyên nhân tội phạm không thực hiện được đến cùng. Chúng tôi cho rằng, hành vi của người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội cũng là tội phạm, nhưng BLHS không quy định đặc điểm riêng về hành vi đối với trường hợp này mà chỉ xác định các điều kiện để được miễn trách nhiệm hình sự; một trong những điều kiện để được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được khoa học pháp lý ghi nhận đó là tội phạm được thực hiện phải đang ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt (thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành) thì dừng lại; tức là việc xác định đặc điểm hành vi trong trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội phải dựa trên đặc điểm của chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt; cho nên nó không được coi là một trường hợp tội phạm chưa hoàn thành với tính chất là một trường hợp độc lập, bên cạnh chuẩn bị phạm tội và phạm tội

chưa đạt.

Kế thừa các quan điểm tiếp cận về tội phạm chưa hoàn thành và luận giải các vấn đề liên quan dựa trên lý luận về các giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm, có thể đưa ra khái niệm về tội phạm chưa hoàn thành như sau: *Tội phạm chưa hoàn thành là trường hợp hành vi phạm tội chưa thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm của một tội phạm cụ thể.*

Như vậy, tội phạm chưa hoàn thành không phải là một trường hợp phạm tội được BLHS quy định và cũng không phải là một giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm; đây là khái niệm khoa học với nội hàm phản ánh đặc điểm chung của hai giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm là chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Việc đặt ra và nghiên cứu về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành giúp chúng ta có góc nhìn sâu sắc hơn về trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt khi đặt chúng trong một mối quan hệ chung với tính chất là các trường hợp đặc biệt của tội phạm để phân biệt với trường hợp phạm tội thông thường (tội phạm hoàn thành). Những phân tích, luận giải về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành còn là cơ sở lý luận để các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng các quy định của BLHS có liên quan trong khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đúng pháp luật, khách quan, toàn diện và đảm bảo được các yêu cầu đặt ra.

## **2. Đặc điểm**

Tội phạm chưa hoàn thành không phải là một trường hợp phạm tội cụ thể mà bao gồm hai trường hợp độc lập với nhau, đó là chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Do đó, đặc điểm của tội phạm chưa hoàn thành được xác định dựa trên đặc điểm của các trường hợp cụ thể của nó.

### *Thứ nhất, về hành vi*

Hành vi phạm tội trong trường hợp tội phạm chưa hoàn thành thể hiện dưới hai dạng, tương ứng với đặc điểm về hành vi của hai trường hợp phạm tội, đó là hành vi chuẩn bị phạm tội hoặc hành vi khách quan của một tội phạm cụ thể. Theo đó, đối với trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, người phạm tội mới có các hoạt động như tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện phạm tội; tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm; thành lập, tham gia nhóm tội phạm hoặc đã bắt đầu thực hiện hành vi khách quan của tội phạm, các dạng hành vi được mô tả trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm cụ thể hoặc trong một số trường hợp đặc biệt, người phạm tội đã bắt đầu thực hiện hành vi đi liền trước hành vi khách quan của tội phạm. Các hành vi mà người phạm tội thực hiện ở trường hợp tội phạm chưa hoàn thành đều là hành vi phạm tội, vì nó chứa đựng tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đó là đã gây ra, đang gây ra

hoặc đe dọa gây ra hậu quả thiệt hại cho các quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ.

Xem xét trong mối quan hệ giữa các giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm, cho thấy, hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi trong trường hợp phạm tội chưa đạt có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong đó: hành vi chuẩn bị phạm tội đã tạo ra những điều kiện cần thiết cho người phạm tội thực hiện hành vi khách quan được mô tả trong mặt khách quan của tội phạm cụ thể đó; hành vi chuẩn bị phạm tội thường phù hợp với phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm; hành vi chuẩn bị phạm tội càng chu đáo, kỹ lưỡng bao nhiêu thì việc thực hiện hành vi khách quan của tội phạm càng dễ dàng, thuận lợi và khả năng gây ra hậu quả nguy hiểm cao; khi xem xét, đánh giá hành vi phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, đều phải xem xét, đánh giá tính chất của các hành vi chuẩn bị phạm tội trước đó; ngược lại người phạm tội thường chỉ bắt đầu thực hiện hành vi khách quan của tội phạm khi đã đảm bảo được các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, đây là hai giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm nên giữa hai trường hợp này có tính độc lập tương đối với nhau; thời điểm kết thúc của trường hợp chuẩn bị phạm tội và thời điểm bắt đầu của trường hợp phạm tội chưa đạt được xác định rõ, có khoảng cách nhất định về mặt thời gian; nếu người phạm tội đã chuẩn bị xong và bắt đầu thực hiện hành vi khách quan của tội phạm, thì trách nhiệm hình sự đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội không được đặt ra.

#### *Thứ hai, về hậu quả*

Hậu quả của tội phạm chưa hoàn thành chưa xảy ra hoặc có hậu quả xảy ra nhưng không thỏa mãn dấu hiệu hậu quả được mô tả trong cấu thành tội phạm cụ thể mà người phạm tội thực hiện. Chúng ta có thể thấy rằng, nếu người phạm tội dừng lại ở các hoạt động chuẩn bị phạm tội, thì hậu quả của tội phạm chưa xảy ra, vì hành vi chuẩn bị phạm tội chưa tác động lên đối tượng tác động của tội phạm, tức là chưa đủ khả năng thực tế gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội, hành vi này mới chỉ đe dọa xâm phạm đến các quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ, đe dọa gây ra hậu quả thiệt hại; nếu người phạm tội đã bắt đầu thực hiện hành vi khách quan của tội phạm, tức là khả năng gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã cao hơn, mang tính thực tế hơn, một số trường hợp đã có hậu quả xảy ra, nhưng khi đối chiếu, so sánh với hậu quả pháp lý mà BLHS quy định cho tội phạm đó thì chưa thỏa mãn. Các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành thường xảy ra đối với các tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất; còn đối với cấu thành tội phạm hình thức, thường chỉ có trường hợp chuẩn

bị phạm tội, ít xảy ra trường hợp phạm tội chưa đạt, bởi vì, đối với tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức, chỉ cần người phạm tội thực hiện hành vi khách quan của tội phạm và thỏa mãn dấu hiệu hành vi khách quan đó, không cần hậu quả xảy ra, thì tội phạm được coi là hoàn thành.

### *Thứ ba, về ý thức chủ quan của người phạm tội*

Các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành đều được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Bởi vì theo lý luận luật hình sự thì chỉ có tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp mới có các giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm; người phạm tội có động cơ phạm tội, mục đích phạm tội rõ ràng nên mới có sự chuẩn bị phạm tội và trong quá trình thực hiện tội phạm mới xảy ra trường hợp không thực hiện tội phạm được đến cùng; đối với tội phạm được thực hiện với lỗi vô ý hoặc cố ý gián tiếp, sẽ không có trường hợp tội phạm chưa hoàn thành.

Mục đích của người phạm tội trong trường hợp tội phạm chưa hoàn thành là để nhằm thực hiện một tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS. Đây là dấu hiệu quan trọng để xác định hành vi chuẩn bị phạm tội có chịu trách nhiệm hình sự hay không, vì BLHS quy định người chuẩn bị phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 25 tội danh. Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, việc xác định mục đích của người phạm tội giúp phân biệt giữa các tội phạm có đặc điểm về hành vi giống nhau, từ đó xác định tội danh được chính xác, như hành vi dùng vũ lực trong tội giết người, tội cướp tài sản, tội hiếp dâm...

### *Thứ tư, về nguyên nhân tội phạm dừng lại*

Tội phạm chưa hoàn thành dừng lại là vì nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Các nguyên nhân tồn tại một cách khách quan, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của người phạm tội; người phạm tội không mong muốn nó xảy ra, nhưng thực tế nó đã xảy ra và ngăn cản họ thực hiện tội phạm đến cùng, như: bị phát hiện, ngăn chặn, do điều kiện thời tiết không thuận lợi, do công cụ phạm tội bị hư hỏng... Ý thức của người phạm tội luôn mong muốn thực hiện tội phạm được đến cùng. Đây là cơ sở lý luận cho việc xác định trách nhiệm hình sự đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành. Nguyên nhân tội phạm dừng lại cũng là đặc điểm để phân biệt với trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt phạm tội (trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS); hành vi của người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội có những đặc điểm giống như hành vi của người phạm tội trong trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, nhưng nguyên nhân tội phạm dừng lại trong trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt là do tự bản thân người phạm tội không muốn thực hiện tội phạm nữa (tự mình), không phải vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người

phạm tội ngăn cản, như: sợ bị trả thù, gia đình bị ảnh hưởng, không muốn thực hiện tội phạm đối với người quen biết, do người khác thuyết phục tác động...; đặc điểm này có ý nghĩa quan trọng mà chủ thể tiến hành tố tụng cần phải làm rõ để xác định trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành được chính xác.

### *Thứ năm, về trách nhiệm hình sự*

Do hành vi và hậu quả xảy ra đối với trường hợp tội phạm chưa hoàn thành chưa thỏa mãn cấu thành tội phạm của một tội phạm cụ thể, nên trách nhiệm hình sự đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành nhẹ hơn đối với tội phạm hoàn thành và chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự trong phạm vi giới hạn về tội phạm và hình phạt. Theo đó, người chuẩn bị phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 25 tội danh được quy định trong BLHS và mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 05 năm tù; người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt, không giới hạn các tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự như chuẩn bị phạm tội, nhưng hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội chưa đạt nhẹ hơn so với trường hợp tội phạm hoàn thành nếu xem xét trong cùng một tội danh, vấn đề này thể hiện trong các quy định của BLHS về hình phạt và quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm tội chưa đạt. Ngoài trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội chưa hoàn thành; người phạm tội còn phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội phạm độc lập khác nếu hành vi phạm tội đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập đó theo nguyên tắc phạm từ 02 tội trở lên, ví dụ: hành vi chiếm đoạt vũ khí quân dụng để chuẩn bị cướp tài sản hoặc hành vi sử dụng vũ khí quân dụng để tước đoạt tính mạng của người khác; ngoài tội cướp tài sản hoặc tội giết người, người phạm tội còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội chiếm đoạt vũ khí quân dụng hoặc tội sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

### **3. Ý nghĩa**

*Thứ nhất*, về phương diện lý luận, việc nghiên cứu các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành giúp chúng ta nhận thức sâu sắc hơn, toàn diện hơn lý luận về tội phạm và hình phạt của pháp luật hình sự Việt Nam. Các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành đã phản ánh được phần nào chính sách hình sự của nhà nước ta qua một số vấn đề cụ thể sau đây:

Một là, khi nghiên cứu diễn biến của quá trình thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, thông thường người phạm tội sẽ nảy sinh ý định phạm tội, đây là những suy nghĩ vẫn còn tồn tại trong ý thức chủ quan của người phạm tội về tội phạm sẽ được thực hiện như tội phạm gì, thực hiện ở đâu, vào thời điểm nào, sử

dụng công cụ, phương tiện nào?... Ý định phạm tội mặc dù chứa đựng tính chất nguy hiểm đến mức độ nào đi nữa mà không thể hiện ra bên ngoài thế giới khách quan bằng các hành vi cụ thể thì cũng không phải là tội phạm, đây là nguyên tắc hành vi trong pháp luật hình sự Việt Nam. Việc xác định hành vi chuẩn bị phạm tội là tội phạm và là giai đoạn đầu tiên của quá trình thực hiện tội phạm, cũng như đặt ra vấn đề trách nhiệm hình sự đối với trường hợp này là sự thể hiện rõ nét nhất về nguyên tắc này của pháp luật hình sự Việt Nam.

Hai là, tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội ở mức độ đáng kể. Đây là vấn đề quan trọng để xác định một hành vi vi phạm pháp luật có phải là tội phạm và phải bị xử lý về hình sự hay không cả về phương diện lập pháp và thực tiễn. Về phương diện lập pháp, cần phải đánh giá được tính chất nguy hiểm đáng kể hay không đáng kể của hành vi nguy hiểm cho xã hội xảy ra trên thực tế để xác định đó có phải là tội phạm hay không và thể hiện nó trong các quy phạm pháp luật hình sự. Có những hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng phải có hậu quả xảy ra thì mới được coi là tội phạm, nhưng cũng có những hành vi nguy hiểm cho xã hội không cần hậu quả xảy ra, các nhà làm luật đánh giá dựa trên tính chất, mức độ của hành vi, khả năng gây ra hậu quả thiệt hại cho các quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ để quy định hành vi nguy hiểm đó là tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự trong BLHS. Các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành trong pháp luật hình sự Việt Nam là những trường hợp cụ thể, khẳng định quan điểm nhất quán trong đường lối xử lý đối với những hành vi phạm tội có tính nguy hiểm cao cho dù chưa gây ra hậu quả thiệt hại.

Ba là, các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành là sự thể hiện sâu sắc các nguyên tắc cơ bản của Luật hình sự Việt Nam như nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Về phạm vi phải chịu trách nhiệm hình sự, về loại và mức hình phạt được áp dụng đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành được quy định trong BLHS (kể cả đối với người dưới 18 tuổi phạm tội) vừa đảm bảo tính nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhưng vẫn đảm bảo được mức giảm nhẹ cần thiết đối với người phạm tội so với trường hợp tội phạm hoàn thành. Đặc biệt, các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành đều không bị áp dụng các loại hình phạt nghiêm khắc nhất của nhà nước như tù chung thân và tử hình; điều này thể hiện sự nhân đạo, tiến bộ trong tư duy lập pháp và phù hợp với xu hướng chung của pháp luật hình sự một số quốc gia trên thế giới.

*Thứ hai*, về phương diện thực tiễn, quy định của BLHS về các trường hợp

tội phạm chưa hoàn thành như chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt là cơ sở pháp lý quan trọng để xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với các hành vi phạm tội xảy ra nhưng chưa thể hiện đầy đủ các dấu hiệu, yếu tố cấu thành tội phạm cụ thể mà BLHS quy định. Đây cũng là cơ sở để đánh giá một cách khách quan, toàn diện về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, từ đó quyết định hình phạt đối với người phạm tội đúng quy định của pháp luật và phù hợp với hành vi phạm tội. Điều này đòi hỏi các chủ thể áp dụng pháp luật hình sự cần nắm vững quy định của BLHS về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành để vận dụng đúng, có hiệu quả trong thực tiễn.

Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, việc xác định đúng các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành cũng là cơ sở để các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng các hoạt động tố tụng hình sự đúng quy định như: giữ người trong trường hợp khẩn cấp; các quy định về thời hạn tạm giam để điều tra, thời hạn điều tra; đình chỉ điều tra...

## **II. ĐỊNH TỘI DANH VÀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP TỘI PHẠM CHƯA HOÀN THÀNH**

### **1. Sơ lược lịch sử lập pháp hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành từ khi Bộ luật Hình sự năm 1985 được ban hành**

#### ***a. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 1985 về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành***

Dưới góc độ lập pháp hình sự, lần đầu tiên, quy định chung về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành được ghi nhận chính thức với tính chất là các chế định pháp lý độc lập tại BLHS đầu tiên của nhà nước ta. Trước khi BLHS năm 1985 được ban hành, các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành cũng đã được đề cập trong các văn bản pháp luật hình sự đơn hành, nhưng với tính chất hướng dẫn về một trường hợp phạm tội cụ thể, như: Tại bản Tổng kết số 452-HS2 ngày 10/8/1970 của Tòa án nhân dân Tối cao về thực tiễn xét xử các tội giết người có giải thích như sau: “*Tội giết người chưa hoàn thành khi người bị nạn chết, đối với trường hợp giết người nhưng không chết, nên thống nhất gọi là giết người chưa đạt*”; mặc dù chưa có quy định chung, song việc tiếp cận các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành cụ thể cả về lý luận và thực tiễn ở giai đoạn này là nền tảng quan trọng cho việc pháp điển hóa sau này.

Trong BLHS năm 1985, các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành được quy định tại Điều 15 và sau 04 lần sửa đổi, bổ sung vào các năm 1989, 1991, 1992 và 1997, các quy định này không có sự thay đổi.

### **“Điều 15. Chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt**

1. Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm.

Người chuẩn bị phạm một tội nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm hình sự.

2. Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.

3. Đối với những hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi phạm tội chưa đạt, hình phạt được quyết định theo các Điều của Bộ luật này về các tội phạm tương ứng, tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng”.

Trong lần pháp điển hóa lần thứ nhất, các trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt đã được ghi nhận trong cùng một điều luật. Xét về mặt kỹ thuật lập pháp, vấn đề này chưa đảm bảo được tính độc lập của các trường hợp này, song BLHS năm 1985 cũng đã xác định được các nội dung cơ bản về đặc điểm hành vi phạm tội, trách nhiệm hình sự đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và vẫn được kế thừa cho đến nay. Theo quy định tại Điều 15 BLHS năm 1985 “người chuẩn bị phạm một tội nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm hình sự”; BLHS năm 1985 chỉ phân loại tội phạm thành 02 loại là tội phạm nghiêm trọng và tội phạm ít nghiêm trọng, theo đó: “Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên năm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình. Những tội phạm khác là tội phạm ít nghiêm trọng”; việc xác định người chuẩn bị phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội nghiêm trọng là phù hợp với yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm trong giai đoạn bấy giờ. BLHS năm 1985 chưa có quy định về phạm vi chịu trách nhiệm hình sự đối với trường hợp phạm tội chưa đạt như chuẩn bị phạm tội, mà chỉ được xác định thông qua nguyên tắc quyết định hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 15 BLHS năm 1985; ngoài ra, BLHS năm 1985 chưa quy định cụ thể về hình phạt được áp dụng đối với các trường hợp này, điều này chưa đảm bảo được tính chặt chẽ và phân hóa trách nhiệm hình sự.

Để áp dụng BLHS năm 1985, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 02/1986/HĐTP ngày 05/01/1986 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS. Trong nội dung nghị quyết, có hướng dẫn một số vấn đề liên quan đến trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt để thống nhất áp dụng trong thực tiễn, như: Khẳng định chỉ đối với những tội phạm

thực hiện do cố ý thì mới có giai đoạn chuẩn bị phạm tội, vì khi cố ý phạm tội thì người phạm tội mới thường tiến hành một số hoạt động như: bàn bạc với người khác, tìm kiếm, sửa soạn phương tiện phạm tội hoặc tạo những điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện tội phạm; do BLHS năm 1985 xác định phạm vi chịu trách nhiệm hình sự đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội khá rộng, cho nên việc khẳng định đối với tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý thì mới có giai đoạn chuẩn bị phạm tội là phù hợp cả về lý luận và thực tiễn; vấn đề nhận thức này cũng đã được thống nhất vận dụng khi áp dụng quy định của BLHS về chuẩn bị phạm tội sau này. Tổng kết và phân biệt được hai trường hợp phạm tội chưa đạt trong thực tiễn là phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành và phạm tội chưa đạt đã hoàn thành; xác định phạm tội chưa đạt đã hoàn thành nguy hiểm hơn trường hợp phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành và yêu cầu xử phạt nặng hơn nhưng lại không hướng dẫn cụ thể mức xử nặng hơn như thế nào giữa hai trường hợp nêu trên. Nghị quyết số 02/1986/HĐTP còn hướng dẫn về trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội; mặc dù không phải là nội dung hướng dẫn liên quan trực tiếp đến các trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt nhưng các nguyên nhân làm cho người phạm tội tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được nêu trong nghị quyết là những ví dụ cụ thể giúp cơ quan tiến hành tố tụng xác định trường hợp một người mới có hành vi chuẩn bị phạm tội thì dừng lại có phải chịu trách nhiệm hình sự hay được miễn trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, tại Thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 07/01/1995 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ hướng dẫn áp dụng điều 95, điều 96 BLHS đã hướng dẫn về trường hợp người có hành vi chế tạo, tàng trữ, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, với mục đích là chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện một tội phạm khác và tội phạm khác chưa được thực hiện là một tội nghiêm trọng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hai tội; đây là cơ sở pháp lý để các cơ quan tiến hành tố tụng thống nhất trong việc xác định tội danh đối với hành vi chuẩn bị vũ khí quân dụng, phương tiện quân sự để thực hiện tội phạm.

Có thể đánh giá, quy định của pháp luật hình sự Việt Nam giai đoạn này về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành đã có một bước phát triển đáng kể trên phương diện lập pháp là quy định chính thức và khái quát về chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt với định nghĩa pháp lý, các căn cứ quyết định hình phạt chung cho hai trường hợp này trong Bộ luật hình sự và chú trọng đến việc hướng dẫn thống nhất áp dụng trong thực tiễn. Tuy nhiên, quy định của pháp luật hình sự vẫn chưa thể hiện rõ sự phân hóa trách nhiệm hình sự giữa các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành và tội phạm hoàn thành, cũng như chưa có

căn cứ rõ ràng cho việc đưa ra mức hình phạt cụ thể, hợp lý đối với chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Ngoài ra, BLHS năm 1985 còn phạm lỗi nghiêm trọng về kỹ thuật lập pháp khi đề cả định nghĩa và căn cứ quyết định hình phạt đối với chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt trong cùng một điều luật và ở chương tội phạm; định nghĩa pháp lý về chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt đặt ở chương quy định về tội phạm của BLHS là đúng bởi vì đây là các giai đoạn thực hiện tội phạm, tuy nhiên, căn cứ quyết định hình phạt đối với chúng rõ ràng không phải một vấn đề về tội phạm, không thể đặt cùng trong chương này; đó là những trường hợp đặc biệt của quyết định hình phạt, quy định về chúng phải nằm trong chế định quyết định hình phạt mới bảo đảm logic.

### ***b. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành***

Các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành và quyết định hình phạt đối với các trường hợp cụ thể được quy định tại Điều 17, Điều 18 và Điều 52 BLHS năm 1999. Trong lần sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1999 vào năm 2009, các quy định này không có sự thay đổi. Theo đó, BLHS năm 1999 quy định về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành như sau:

#### ***“Điều 17. Chuẩn bị phạm tội***

*Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm.*

*Người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện.*

#### ***Điều 18. Phạm tội chưa đạt***

*Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.*

*Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt.*

#### ***Điều 52. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt***

*1. Đối với hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi phạm tội chưa đạt, hình phạt được quyết định theo các điều của Bộ luật này về các tội phạm tương ứng tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng.*

2. Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng là không quá hai mươi năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

3. Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì chỉ có thể áp dụng các hình phạt này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định”.

BLHS năm 1999 quy định các trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt ở các điều luật riêng, đảm bảo về kỹ thuật lập pháp đối với hai trường hợp độc lập này. Trên cơ sở kế thừa các quy định của BLHS năm 1985, nội dung quy định liên quan đến trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt đã có những sửa đổi, bổ sung phù hợp hơn. Cụ thể: BLHS năm 1999 đã bỏ từ “cần thiết” trong cụm từ “*tạo ra những điều kiện cần thiết khác để thực hiện tội phạm*” khi mô tả hành vi chuẩn bị phạm tội; sửa đổi này giúp các cơ quan tiến hành tố tụng thuận lợi hơn khi đánh giá hành vi của người chuẩn bị phạm tội, tránh các quan điểm khác nhau khi đánh giá hành vi tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm xảy ra trong thực tiễn có cần thiết hay không cần thiết. Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội chỉ giới hạn ở các tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng theo cách phân loại tội phạm của BLHS năm 1999; cùng với việc phân loại tội phạm khoa học hơn, phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của trường hợp chuẩn bị phạm tội được giới hạn ở những tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt đến 15 năm tù trở lên đã phản ánh được chính sách hình sự của nhà nước ta, vừa nghiêm khắc, vừa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. BLHS năm 1999 đã bổ sung quy định về phạm vi chịu trách nhiệm hình sự đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, khắc phục được hạn chế này của BLHS năm 1985, theo đó, người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt, không phân biệt loại tội phạm nào như chuẩn bị phạm tội. Nguyên tắc quyết định hình phạt và phạm vi hình phạt được áp dụng đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt được quy định tại một điều luật riêng (Điều 52) tại chương quyết định hình phạt của BLHS; điểm sửa đổi, bổ sung này đã khắc phục hạn chế của BLHS năm 1985, đồng thời thể hiện sự phân hóa trách nhiệm hình sự cụ thể, rõ ràng, giúp viện kiểm sát, tòa án thống nhất trong việc đề xuất và quyết định hình phạt đối với người phạm tội.

Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng đã ban hành Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999, trong đó có hướng dẫn về trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Các nội dung hướng dẫn nhằm giải quyết những hạn chế trong các quy định của BLHS năm 1999 và thống nhất một số vấn đề nhận thức trong thực tiễn áp dụng, ví dụ: Khi xét xử một người chuẩn bị phạm một tội nào đó khi có đầy đủ căn cứ chứng minh rằng tội phạm mà họ chuẩn bị thực hiện là tội phạm do cố ý và là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng theo cách phân loại tội phạm của BLHS năm 1999 hoặc chỉ khi có đầy đủ căn cứ chứng minh rằng tội phạm mà người phạm tội không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn chủ quan của họ thuộc khoản nào của điều luật tương ứng quy định về tội phạm đó, thì mới áp dụng khoản, điều luật tương ứng đó; trong trường hợp không xác định được tội phạm mà họ thực hiện không đạt thuộc khoản tăng nặng cụ thể nào của điều luật tương ứng quy định về tội phạm đó, thì áp dụng khoản nhẹ nhất của điều luật tương ứng đó... Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP cũng hướng dẫn về việc xác định các điều luật cụ thể của BLHS cần phải áp dụng khi quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt nhằm thống nhất về căn cứ pháp lý khi quyết định hình phạt, ví dụ: Khi quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, ngoài việc phải áp dụng điểm, khoản, điều luật quy định về tội phạm đó, cần phải áp dụng Điều 17 và các khoản 1 và 2 Điều 52 BLHS năm 1999; Khi quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt, ngoài việc phải áp dụng điểm, khoản, điều luật quy định về tội phạm đó, cần phải áp dụng Điều 18 và các khoản 1 và 3 Điều 52 BLHS năm 1999.

***c. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành***

Trên cơ sở kế thừa những quy định còn phù hợp của BLHS năm 1999, đồng thời tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp hình sự của các nước trong khu vực và trên thế giới để sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn hạn chế, tồn tại, có thể nói các quy định về trường hợp tội phạm chưa hoàn thành trong BLHS năm 2015 đã cụ thể hóa được mục tiêu và quan điểm đặt ra khi xây dựng dự án bộ luật hình sự. Quy định về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành trong BLHS năm 2015 đã thể hiện được sự đổi mới nhận thức về chính sách hình sự mà trọng tâm là đổi mới quan niệm về tội phạm và hình phạt đối với những trường hợp này, qua đó giải quyết những vướng mắc, bất cập đang đặt ra trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Kỹ thuật lập pháp cũng được hoàn thiện, bảo đảm tính thống nhất nội tại của BLHS và tính thống nhất của hệ

thống pháp luật; nâng cao tính minh bạch, khả thi và tính dự báo của BLHS.

Về trường hợp chuẩn bị phạm tội, tại Điều 14 BLHS năm 2015 quy định như sau:

**“Điều 14. Chuẩn bị phạm tội**

1. Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm, trừ trường hợp thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 của Bộ luật này.

2. Người chuẩn bị phạm tội quy định tại một trong các điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 299, 300, 301, 302, 303 và 324 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự.

3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội quy định tại Điều 123, Điều 168 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự”.

Bên cạnh các hành vi chuẩn bị phạm tội đã được quy định như: tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm, BLHS năm 2015 còn bổ sung thêm hành vi thành lập, tham gia nhóm tội phạm. Quy định này phù hợp với diễn biến của quá trình thực hiện tội phạm của các đối tượng phạm tội trên thực tế, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, thống nhất để chủ động ngăn chặn sớm tội phạm xảy ra, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm, đồng thời phù hợp với tinh thần của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia mà Việt Nam là thành viên. BLHS năm 2015 đã thu hẹp đáng kể phạm vi xử lý đối với hành vi chuẩn bị phạm tội, chủ yếu tập trung vào một số tội danh cần thiết phải có biện pháp ngăn chặn sớm, phù hợp với tinh thần nhân đạo, vì con người, tránh suy diễn, áp đặt, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử; trên tinh thần đó, BLHS năm 2015 quy định phạm vi 25 tội danh mà người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự (14 tội danh thuộc chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia, 02 tội danh thuộc chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, 02 tội danh thuộc chương các tội xâm phạm sở hữu; 01 tội danh thuộc chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và 06 tội danh thuộc các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng)<sup>6</sup>, không còn quy định chung

<sup>6</sup> Trước khi sửa đổi, bổ sung năm 2017, BLHS năm 2015 quy định người chuẩn bị phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 21 tội danh, không quy định người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội quy định tại Điều 109 (Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân), Điều 115 (Tội phá hoại việc thực

chung như trước đây (BLHS năm 1999 quy định người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện). BLHS năm 2015 còn bổ sung quy định về trách nhiệm hình sự đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội, theo đó, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội quy định tại Điều 123, Điều 168 của BLHS năm 2015 thì phải chịu trách nhiệm hình sự<sup>7</sup>; đây là quy định mới đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra và phù hợp với chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội của nhà nước ta.

Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, BLHS năm 2015 đã kế thừa quy định của BLHS năm 1999 và không có sự sửa đổi, bổ sung.

#### ***“Điều 15. Phạm tội chưa đạt***

*Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.*

*Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt”.*

Về vấn đề quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, BLHS năm 2015 tiếp tục quy định về nguyên tắc quyết định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Theo đó khoản 1 Điều 57 BLHS năm 2015 quy định: *“Đối với hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi phạm tội chưa đạt, hình phạt được quyết định theo các điều của Bộ luật này về các tội phạm tương ứng tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng”.* Cùng với việc giới hạn các tội phạm cụ thể mà người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự, BLHS năm 2015 đã bổ sung quy định mới về nguyên tắc quyết định hình phạt đối với trường hợp này tại khoản 2 Điều 57 BLHS năm 2015: *“Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, hình phạt được quyết định trong phạm vi khung hình phạt được quy định trong các điều luật cụ thể”;* đồng thời tại 25 tội danh mà người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự đều quy định khung hình phạt cụ thể đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội với mức hình phạt cao nhất có thể được áp dụng đến 05 năm tù (theo quy định của BLHS năm 1999 thì người chuẩn bị phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tù lên đến 20 năm tù); điểm mới trong quy định này thể hiện sự tiến bộ trong tư duy lập pháp hình sự của nước ta,

---

hiện các chính sách kinh tế - xã hội), Điều 116 (Tội phá hoại chính sách đoàn kết) và Điều 207 (Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả).

<sup>7</sup> Trước khi sửa đổi, bổ sung năm 2017, BLHS năm 2015 quy định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi chuẩn bị phạm tội đối với 04 tội danh.

đảm bảo cơ sở pháp lý cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ, đáp ứng được mục đích, yêu cầu áp dụng hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi chuẩn bị phạm tội. Đối với vấn đề quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt, một điểm mới đáng ghi nhận trong quy định của BLHS năm 2015, thể hiện tính nhân đạo trong chính sách hình sự của nhà nước ta, đó là tại khoản 3 Điều 57 BLHS năm 2015, các nhà làm luật không còn quy định việc áp dụng hình phạt chung thân hoặc tử hình đối với trường hợp phạm tội chưa đạt trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng như quy định tại khoản 3 Điều 52 BLHS năm 1999 trước đây, thay vào đó, đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm; còn đối với trường hợp phạm tội chưa đạt mà điều luật được áp dụng có quy định là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định, không có sự thay đổi so với BLHS năm 1999.

BLHS năm 2015 đã bổ sung quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm giải quyết vướng mắc, bất cập trên thực tiễn do chưa có quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp này trước đây. Việc BLHS năm 2015 vẫn tiếp tục quy định trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt xuất phát từ lý do sau: Hành vi trong giai đoạn phạm tội chưa đạt là hành vi khách quan của tội phạm và đã có tính nguy hiểm cho xã hội, việc phạm tội chưa đạt (chưa đạt về hành vi hoặc chưa đạt về hậu quả) do nhiều yếu tố nằm ngoài ý muốn của người dưới 18 tuổi phạm tội; nếu loại bỏ hoàn toàn việc xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi trong trường hợp này sẽ chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là trong bối cảnh tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện đang có diễn biến phức tạp như hiện nay; do đó, nên giữ như quy định của BLHS hiện hành về trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt, nhưng cần bổ sung quy định về chính sách xử lý giảm nhẹ đối với trong trường hợp này. Theo đó, Điều 102 BLHS năm 2015 quy định như sau:

***“Điều 102. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt***

*1. Tòa án quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi trong trường hợp chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 57 của Bộ luật này.*

*2. Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi*

*chuẩn bị phạm tội không quá một phần ba mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng.*

*Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần hai mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng.*

*3. Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần ba mức hình phạt quy định tại Điều 100 và Điều 101 của Bộ luật này.*

*Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần hai mức hình phạt quy định tại các điều 99, 100 và 101 của Bộ luật này”.*

Nhằm đảm bảo tính thống nhất trong việc áp dụng các quy định của BLHS năm 2015 về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành một số văn bản hướng dẫn mang tính quy phạm pháp luật hoặc các văn bản trao đổi nghiệp vụ mang tính nội bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, các văn bản này chủ yếu hướng dẫn đối với các tội phạm cụ thể, vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chung về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành thay thế cho Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP trước đây. Cụ thể như:

- Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của BLHS và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi quy định về hành vi giao cấu và quan hệ tình dục khác. Đây là cơ sở để xác định thời điểm hoàn thành của các tội phạm cụ thể có liên quan. Theo nội dung hướng dẫn tại nghị quyết: “*Giao cấu quy định tại khoản 1 Điều 141, khoản 1 Điều 142, khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 144 và khoản 1 Điều 145 của Bộ luật Hình sự là hành vi xâm nhập của bộ phận sinh dục nam vào bộ phận sinh dục nữ, với bất kỳ mức độ xâm nhập nào. Giao cấu với người dưới 10 tuổi được xác định là đã thực hiện không phụ thuộc vào việc đã xâm nhập hay chưa xâm nhập*”; với hướng dẫn trên chúng ta có thể hiểu, đối với trường hợp hiếp dâm người từ đủ 10 tuổi trở lên, khi người phạm tội thực hiện được hành vi xâm nhập vào bộ phận sinh dục của nạn nhân thì tội phạm được coi là hoàn thành; nếu người phạm tội mới chỉ thực hiện các hành vi khách quan như dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực... với mục đích giao cấu với nạn nhân

nhưng chưa thực hiện được hành vi xâm nhập vào bộ phận sinh dục của nạn nhân thì thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

- Khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 201 của BLHS và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự hướng dẫn về trường hợp phạm tội chưa đạt của tội phạm này như sau: *“Trường hợp người cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên, nhưng vì nguyên nhân ngoài ý muốn mà người cho vay chưa thu lợi bất chính hoặc đã thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khung hình phạt tương ứng với tổng số tiền thu lợi bất chính mà họ nhằm đạt được. Việc xác định số tiền thu lợi bất chính được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết này. Khi quyết định hình phạt, Tòa án áp dụng Điều 15 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự về phạm tội chưa đạt”*.

- Đoạn 2 Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐTP ngày 09/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 304, Điều 305, Điều 306, Điều 307 và Điều 308 của BLHS quy định: *“Trường hợp người được trang bị vũ khí quân dụng đã sử dụng trái phép vũ khí quân dụng được trang bị thực hiện tội phạm hoặc người tuy không được trang bị nhưng đã dùng vũ khí quân dụng thực hiện tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 304 của Bộ luật Hình sự và tội phạm đã thực hiện theo điều luật tương ứng của Bộ luật Hình sự. Nếu tội phạm đã thực hiện mà điều luật có quy định “sử dụng vũ khí”, “dùng vũ khí” là tình tiết định khung hình phạt thì phải truy cứu trách nhiệm hình sự về khoản tương ứng của điều luật”;* nội dung hướng dẫn này là cơ sở pháp lý cho việc định tội danh đối với người sử dụng trái phép vũ khí quân dụng thực hiện tội phạm nhưng thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Ngoài ra, tại Khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐTP quy định: *“Người nào thực hiện hành vi quy định tại các điều 304, 305, 306 của Bộ luật Hình sự với mục đích là chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện một tội phạm tại một trong các điều 108, 109, 110, 111, 112, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 301, 302, 303 và 324 của Bộ luật Hình sự thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về cả 02 tội”;* nội dung quy định này được kế thừa trên tinh thần hướng dẫn tại Thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 07/01/1995 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ hướng dẫn áp dụng Điều 95, Điều 96 BLHS trước đây để làm căn cứ cho việc xác định tội danh đối với hành vi chuẩn bị vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, vật liệu nổ, súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ để thực hiện tội phạm.

- Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xử lý trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015. Nội dung hướng dẫn như sau: “Quy định này không bắt buộc người phạm tội phải hoàn thành hành vi khách quan là gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của người khác và cũng không bắt buộc phải có hậu quả xảy ra. Người có hành vi chuẩn bị một trong các loại công cụ, phương tiện phạm tội như: vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thì đã đủ dấu hiệu về mặt hành vi khách quan để xử lý hình sự người phạm tội. Do đó, đối với trường hợp nêu trên thì các đối tượng mặc dù chưa thực hiện hành vi gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng đã có sự bàn bạc thống nhất, câu kết chặt chẽ với nhau và đã hoàn thành việc chuẩn bị các loại hung khí nguy hiểm nhằm mục đích tấn công gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Do đó, các đối tượng này có đủ dấu hiệu về mặt hành vi khách quan theo quy định tại khoản 6 Điều 134 của Bộ luật Hình sự”.

- Mục 15, Công văn số 5442/VKSTC-V14 ngày 30/11/2020, về việc giải đáp một số khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy định của BLHS, BLTTHS năm 2015 và thi hành án hình sự có giải đáp về trường hợp phạm tội chưa đạt đối với tội tàng trữ trái phép chất ma túy để viện kiểm sát các cấp nghiên cứu áp dụng đối với các trường hợp tương tự. Tình huống và giải đáp như sau: X có ý định mua 65,2 gam thuốc phiện về cất giữ để sử dụng. X đã chuyển đủ 4.000.000 đồng cho T để mua 65,2 gam thuốc phiện. T đã nhận đủ 4.000.000 đồng của X. Tuy nhiên, khi T mang thuốc phiện đem giao cho X thì bị bắt quả tang cùng tang vật. Việc T bị bắt khi chưa kịp giao 65,2 gam thuốc phiện cho X dẫn đến X chưa nhận được 65,2 gam thuốc phiện như đã thỏa thuận là nằm ngoài ý muốn chủ quan của T và X. X đã cố ý thực hiện tội phạm tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng không thực hiện được đến cùng vì nguyên nhân ngoài ý muốn của X. Như vậy, X có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

- Tiểu mục 2.5 Mục 2 Công văn số 1557/VKSTC-V1 ngày 20/4/2021, về việc hướng dẫn nghiệp vụ áp dụng các điều 347, 348 và 349 BLHS có nội dung hướng dẫn liên quan đến việc xử lý hành vi tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép (Điều 348 BLHS) hoặc tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài (Điều 349 BLHS) nhưng chưa đưa được qua biên giới thì bị phát hiện, bắt giữ. Theo đó, đối với hành vi tổ chức, môi giới cho người khác

xuất cảnh trái phép hoặc trốn đi nước ngoài nhưng chưa đưa được qua biên giới, thì tùy từng vụ việc cụ thể để đánh giá, phân loại, xử lý theo đúng quy định của pháp luật; trường hợp chưa đưa được qua biên giới mà bị phát hiện, bắt giữ, nhưng người phạm tội đã thực hiện hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp phạm tội chưa đạt.

Thể chế hóa Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020” và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” trong đó có các nội dung liên quan đến việc phát triển án lệ; cụ thể hóa nhiệm vụ tổng kết phát triển án lệ và công bố án lệ của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và nội dung Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ ngày 28/10/2015 (được thay thế bằng Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18/6/2019), Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã công bố nhiều án lệ về hình sự, trong đó có các án lệ liên quan đến việc áp dụng quy định của BLHS về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng thống nhất đối với các tình huống tương tự. Việc xây dựng và ban hành án lệ đã bổ sung thêm một hình thức hướng dẫn pháp luật có giá trị vận dụng cao không chỉ đối với hoạt động xét xử, mà còn đối với hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Trong các án lệ về hình sự đã được công bố, có 02 án lệ đề cập trực tiếp đến việc xác định tội danh đối với trường hợp phạm tội chưa đạt của tội giết người (Án lệ số 45/2021/AL và Án lệ số 47/2021/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 25/11/2021 và được công bố theo Quyết định số 594/QĐ-CA ngày 31/12/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao); đối với các bản án lệ khác (Án lệ số 17/2018/AL và Án lệ số 18/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao), mặc dù không đề cập trực tiếp trong tình huống án lệ nhưng trong nội dung bản án, Hội đồng xét xử cũng đã áp dụng các quy định của BLHS về trường hợp phạm tội chưa đạt, cho nên cũng có giá trị tham khảo nhất định đối với các cơ quan tiến hành tố tụng.

## **2. Định tội danh đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành**

Nghiên cứu các luận giải về nội hàm khái niệm định tội danh nói chung cho thấy, mặc dù mục đích tiếp cận, phương pháp diễn đạt có sự khác nhau,

nhưng nhận thức chung đều cho rằng định tội danh là hoạt động áp dụng pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, là quá trình nhận thức và tư duy của chủ thể định tội danh (có thể là các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong trường hợp định tội danh chính thức hoặc có sự tham gia của các chủ thể khác không có thẩm quyền trong trường hợp định tội danh không chính thức), nhằm xác định sự phù hợp giữa hành vi phạm tội đã xảy ra với cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS. Định tội danh là hoạt động bắt buộc và được tiến hành trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự và cho dù tiến hành ở bất kỳ giai đoạn tố tụng hình sự nào, thì định tội danh cũng phải đảm bảo được các đặc điểm cơ bản nêu trên. Trong đó cấu thành tội phạm chính là căn cứ quan trọng cho việc định tội danh.

So với định tội danh trong trường hợp thông thường (trường hợp tội phạm hoàn thành), thì định tội danh đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành có những đặc trưng riêng, xuất phát từ chính đặc điểm của các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành cụ thể (chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt) đã được BLHS quy định. Để đảm bảo căn cứ cho việc định tội danh, cần phải xây dựng được mô hình cấu thành tội phạm trong trường hợp chuẩn bị phạm tội hoặc cấu thành tội phạm trong trường hợp phạm tội chưa đạt của một tội phạm cụ thể được BLHS quy định với những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của từng trường hợp cụ thể đó. Từ nhận thức trên, dưới góc độ áp dụng pháp luật, có thể hiểu định tội danh đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành là hoạt động áp dụng pháp luật hình sự và tố tụng hình sự của chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng, nhằm xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp giữa hành vi phạm tội đã xảy ra với cấu thành tội phạm trong trường hợp chuẩn bị phạm tội hoặc cấu thành tội phạm trong trường hợp phạm tội chưa đạt của một tội phạm cụ thể được BLHS quy định.

#### ***a. Chuẩn bị phạm tội***

Chuẩn bị phạm tội là một trường hợp đặc biệt của tội phạm và là giai đoạn đầu tiên của quá trình thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 BLHS năm 2015: “*Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm, trừ trường hợp thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 của Bộ luật này*”. Để xác định một hành vi được thực hiện trên thực tế có phải là chuẩn bị phạm tội hay không, chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần phải căn cứ vào cấu thành tội phạm trong trường hợp chuẩn bị

phạm tội với các dấu hiệu đặc trưng sau đây:

### *Về mặt khách quan của tội phạm*

Trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, người phạm tội chưa thực hiện hành vi khách quan được mô tả trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm, chưa có hành vi xâm phạm trực tiếp đến đối tượng tác động của tội phạm, hành vi chuẩn bị phạm tội mới chỉ là những hành vi tạo ra điều kiện, tiền đề cần thiết để thực hiện tội phạm. Trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, người phạm tội mới có các hoạt động cụ thể như sau:

- Tìm kiếm công cụ, phương tiện phạm tội: Người phạm tội bằng mọi cách, mọi hoạt động để có được công cụ, phương tiện phục vụ cho việc thực hiện tội phạm, như: mua, mượn, chế tạo, dùng vật chất để trao đổi... hoặc có thể người phạm tội thực hiện một tội phạm khác để có được công cụ, phương tiện phạm tội, ví dụ: Chiếm đoạt vũ khí quân dụng để sử dụng tước đoạt tính mạng người khác hoặc cướp tài sản...

- Sửa soạn công cụ, phương tiện phạm tội: Sửa soạn công cụ, phương tiện có thể hiểu là trên cơ sở công cụ, phương tiện sẵn có, người phạm tội sẽ tân trang, sửa chữa, chế tạo lại sao cho phù hợp với tội phạm sẽ thực hiện, ví dụ: tháo bóng súng, cưa nòng súng để thuận tiện cho việc cất giấu hoặc mài dao, đóng đinh vào cây gỗ để gây thương tích cho người khác...

- Tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm: Bên cạnh việc tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện phạm tội thì người phạm tội còn tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm, như: thăm dò, theo dõi, thu thập thông tin về nạn nhân như thói quen, nghề nghiệp, các mối quan hệ, quy luật sinh hoạt; bàn bạc, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng người đồng phạm...; chuẩn bị kế hoạch phạm tội (tùy thuộc vào từng loại tội phạm, tính chất mức độ của tội phạm, quyết tâm thực hiện tội phạm của người phạm tội mà kế hoạch phạm tội đề ra sẽ có mức độ khác nhau); dự kiến các tình huống xảy ra và cách ứng phó đối với tình huống đó; loại trừ trước những trở ngại khách quan có thể cản trở việc thực hiện tội phạm; chờ thời cơ thuận lợi hoặc chủ động tạo ra thời cơ thuận lợi để thực hiện hành vi phạm tội...

- Thành lập, tham gia nhóm tội phạm: Đây là một dạng hành vi tạo điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tội phạm, giúp cho việc thực hiện tội phạm được thuận lợi và có khả năng gây hậu quả nguy hiểm cao hơn. Biểu hiện cụ thể của dạng hành vi này là người phạm tội tiến hành lôi kéo, dụ dỗ người khác tham gia nhóm tội phạm, xây dựng cương lĩnh, quy định hoạt động của nhóm, tổ chức các hoạt động thành lập nhóm, xin tham gia hoặc đồng ý tham gia nhóm tội

phạm theo sự lôi kéo, dụ dỗ của người khác... Nhóm tội phạm có thể có tổ chức chặt chẽ hoặc mang tính chất tự phát, thiếu tính bền vững. Tuy nhiên, đối với trường hợp thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân và thành lập, tham gia tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố thì không được coi là hành vi chuẩn bị phạm tội, vì đây là hành vi khách quan của các tội phạm được quy định tại Điều 109. Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, Điều 113. Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân và Điều 299. Tội khủng bố.

Như vậy, về biểu hiện khách quan, trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, ý định phạm tội đã được thể hiện ra ngoài thế giới khách quan bằng những hành vi cụ thể, nhưng những hành vi này lại chưa phải là hành vi được quy định trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm; nếu người phạm tội đã thực hiện hành vi khách quan rồi thì không còn là hành vi chuẩn bị phạm tội nữa. Với những hành vi đặc trưng của chuẩn bị phạm tội, chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể nhận diện được hành vi xảy ra trên thực tế có thuộc trường hợp chuẩn bị phạm tội hay không để tiến hành các bước tiếp theo của quá trình định tội danh.

Về hậu quả của tội phạm, do người phạm tội chưa bắt đầu thực hiện hành vi khách quan được quy định trong cấu thành tội phạm cụ thể, chưa có sự tác động lên đối tượng tác động của tội phạm nên hậu quả trong trường hợp chuẩn bị phạm tội chưa xảy ra. Tuy nhiên, hành vi chuẩn bị phạm tội chứa đựng khả năng gây nguy hiểm cho xã hội vì đã đặt các quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ vào tình trạng đe dọa bị xâm hại. Thực tế cho thấy, chuẩn bị phạm tội càng chu đáo, kỹ lưỡng bao nhiêu thì khả năng thực hiện tội phạm và gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội càng lớn bấy nhiêu. Sự gây ra thiệt hại cho khách thể có thể xảy ra hay không và với mức độ nào, rõ ràng có sự phụ thuộc nhất định vào hành vi chuẩn bị. Nguyên nhân người chuẩn bị phạm tội không tiếp tục thực hiện tội phạm được nữa và chưa gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội là vì nguyên nhân ngoài ý muốn của họ ngăn cản, có thể là do người khác phát hiện, ngăn chặn, do điều kiện thời tiết không thuận lợi... Do đó, dấu hiệu hậu quả không có ý nghĩa đối với việc định tội danh trong trường hợp chuẩn bị phạm tội.

#### *Về ý thức chủ quan của người phạm tội*

Trong mối quan hệ với mặt khách quan của tội phạm, về ý thức chủ quan, người phạm tội thực hiện hành vi tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện; tạo ra những điều kiện khác hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm là để thực hiện một tội phạm cụ thể. Đây là vấn đề mà các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải

chú ý trong quá trình chứng minh để đảm bảo cơ sở cho việc xử lý trách nhiệm hình sự đối với người chuẩn bị phạm tội, ví dụ: Một đối tượng có hành vi mua vũ khí quân dụng và cất giấu trong nhà thì bị phát hiện, trường hợp này phải xác định rõ các hành vi chuẩn bị này là để thực hiện tội phạm cụ thể nào, thì hành vi đó mới được coi là chuẩn bị phạm tội.

Khoản 2 và khoản 3 Điều 14 BLHS năm 2015 quy định việc xác định trách nhiệm hình sự đối với người chuẩn bị phạm tội như sau: “... 2. *Người chuẩn bị phạm tội quy định tại một trong các điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 299, 300, 301, 302, 303 và 324 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự; 3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội quy định tại Điều 123, Điều 168 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự*”.

Theo quy định trên, người chuẩn bị phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 25 tội danh được BLHS năm 2015 quy định, tập trung ở nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia, một số tội phạm có tính chất mức độ nguy hiểm cao được quy định ở nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người, các tội xâm phạm sở hữu, tội phạm liên quan đến lĩnh vực tài chính, tiền tệ, các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người và tội cướp tài sản. Hình phạt được áp dụng đối với người chuẩn bị phạm tội cao nhất là 05 năm tù và được quy định tại một khoản riêng của điều luật tương ứng. Như vậy, người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi chuẩn bị phạm tội của mình đối với một số tội phạm, do đó, vấn đề định tội danh đối với trường hợp này được đặt ra ngay ở giai đoạn điều tra.

*Một số vấn đề chú ý khi định tội danh trong trường hợp chuẩn bị phạm tội*

*Một là*, phạm vi định tội danh đối với người chuẩn bị phạm tội chỉ giới hạn ở 25 tội danh được quy định trong BLHS năm 2015 mà người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự, trong đó có 14 tội thuộc chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia (Điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121), Điều 123. Tội giết người, Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, Điều 168. Tội cướp tài sản, Điều 169. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, Điều 207. Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, Điều 299. Tội khủng bố, Điều 300. Tội tài trợ khủng bố, Điều 301. Tội bắt cóc con tin, Điều 302. Tội cướp biển, Điều 303. Tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia và Điều

324. Tội rửa tiền. Nếu xác định người có hành vi chuẩn bị phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, thì phạm vi giới hạn của việc định tội danh chỉ đối với 02 tội danh quy định tại Điều 123 và Điều 168 BLHS năm 2015. Như vậy, chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần phải căn cứ vào các cấu thành tội phạm cụ thể của 25 tội danh nêu trên, kết hợp với các dấu hiệu pháp lý đặc trưng đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội được quy định tại Điều 14 BLHS năm 2015 để làm cơ sở pháp lý cho việc định tội danh.

*Hai là*, BLHS năm 2015 không quy định về vấn đề trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại có hành vi chuẩn bị phạm tội, do đó việc định tội danh đối với pháp nhân thương mại trong trường hợp chuẩn bị phạm tội không được đặt ra<sup>8</sup>.

*Ba là*, trong quá trình định tội danh đối với hành vi chuẩn bị phạm tội, nếu chỉ căn cứ vào biểu hiện của hành vi chuẩn bị thì khó có thể xác định được chính xác tội danh cần khởi tố. Chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần kết hợp đánh giá ý thức chủ quan của người phạm tội để xác định hành vi chuẩn bị phạm tội đó là dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể nào để khẳng định tội danh được chính xác, ví dụ: Cùng là hành vi chuẩn bị vũ khí quân dụng, nhưng nếu mục đích của người phạm tội là để tước đoạt tính mạng của người khác nhằm chống chính quyền nhân dân thì phạm tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân; nếu chỉ nhằm gây ra tình trạng hoảng sợ trong công chúng, không có mục đích chống chính quyền nhân dân thì phạm tội khủng bố; nếu tước đoạt tính mạng người khác do mâu thuẫn cá nhân thì xác định là tội giết người; nếu mục đích là để cướp tài sản trên tàu biển đang ở biển cả thì phạm tội cướp biển; nếu mục đích là cướp tài sản tại tiệm vàng thì xác định là tội cướp tài sản...

*Bốn là*, chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng cũng cần chú ý, nếu hành vi chuẩn bị phạm tội có đủ yếu tố cấu thành của một tội khác, thì ngoài tội danh mà họ phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp chuẩn bị phạm tội thì người phạm tội còn phải chịu trách nhiệm hình sự thêm về tội phạm độc lập đó theo nguyên tắc phạm nhiều tội. Liên quan đến vấn đề này, tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐTP, ngày 09/9/2022 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 304, Điều 305, Điều 306, Điều 307 và Điều 308 của BLHS đã hướng dẫn như sau: “*Người nào thực hiện hành vi quy định tại các điều 304,*

---

<sup>8</sup> Khoản 2, khoản 3 Điều 14 BLHS năm 2015 chỉ đề cập đến vấn đề trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Có 21/33 tội danh pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự quy định pháp nhân thương mại phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 BLHS năm 2015, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, đó là trường hợp pháp nhân thương mại được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm; trường hợp này không phải là chuẩn bị phạm tội, đây là dấu hiệu định khung đặc biệt tăng nặng và chỉ được áp dụng khi pháp nhân thương mại đã thực hiện hành vi khách quan của tội phạm và đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

305, 306 của Bộ luật Hình sự với mục đích là chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện một tội phạm tại một trong các điều 108, 109, 110, 111, 112, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 301, 302, 303 và 324 của Bộ luật Hình sự thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về cả 02 tội”. Chú ý vấn đề này đảm bảo cho việc định tội danh được đầy đủ, tránh bỏ lọt tội phạm.

Năm là, một số dạng hành vi biểu hiện như chuẩn bị phạm tội nhưng là hành vi khách quan của một số tội phạm khác như: thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân trong tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (khoản 1 Điều 109 BLHS năm 2015); thành lập, tham gia tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố trong tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (điểm a khoản 2 Điều 113 BLHS năm 2015) và tội khủng bố (điểm a khoản 2 Điều 299 BLHS năm 2015). Các tội phạm này đều là tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức nên phải xác định tội danh đối với các hành vi trên trong trường hợp tội phạm hoàn thành. Ngoài ra, chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần phân biệt hành vi chuẩn bị phạm tội với hành vi tổ chức hoạt động phạm tội của một số tội phạm cụ thể, như: hành vi cung cấp trái phép chất ma túy cho người khác để họ sử dụng trái phép chất ma túy; chuẩn bị chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào (mua, xin, tàng trữ, sản xuất...) nhằm đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác; chuẩn bị địa điểm (thuê địa điểm, mượn địa điểm, sử dụng địa điểm không thuộc quyền chiếm hữu của mình hoặc đang do mình quản lý để làm nơi đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác); chuẩn bị dụng cụ, phương tiện dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào (mua, xin, tàng trữ...) nhằm sử dụng để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác; tìm người sử dụng chất ma túy để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của họ trong tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Đây là các dạng hành vi khách quan của tội phạm, không phải là hành vi chuẩn bị phạm tội.

Sáu là, đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo quy định tại khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015, BLHS chỉ quy định các dạng hành vi như: chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm. Như vậy, hành vi tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện khác, không phải là vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm theo quy định tại Điều 14 BLHS năm 2015 thì không phải là hành vi chuẩn bị phạm tội của tội phạm này.

*Bấy là*, so với BLHS năm 1999, hình phạt được áp dụng đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội được BLHS năm 2015 quy định cụ thể thành một khoản riêng trong nội dung điều luật của 25 tội danh mà người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, khi ghi nhận tội danh đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội trong quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can... phải viện dẫn các khoản, điều tương ứng này, ví dụ: Trường hợp xác định người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về tội cướp tài sản thuộc trường hợp chuẩn bị phạm tội thì phải viện dẫn quy định tại khoản 5 Điều 168 BLHS năm 2015.

### ***b. Phạm tội chưa đạt***

Sau khi chuẩn bị xong các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tội phạm, nếu không có gì ngăn cản, người phạm tội sẽ bắt đầu thực hiện hành vi khách quan của tội phạm. Tuy nhiên, không phải lúc nào người phạm tội cũng thực hiện tội phạm được đến cùng, mà có thể dừng lại vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Trường hợp này, BLHS quy định là phạm tội chưa đạt. Đây là giai đoạn tiếp theo của quá trình thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Điều 15 BLHS năm 2015 quy định về phạm tội chưa đạt như sau: *“Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội”*.

Trong trường hợp phạm tội chưa đạt, người phạm tội đã bắt đầu thực hiện tội phạm, nghĩa là bắt đầu thực hiện hành vi khách quan trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm. Hành vi khách quan của tội phạm có thể được mô tả cụ thể trong điều luật, ví dụ: hành vi khách quan của tội hiếp dâm được mô tả tại Điều 141 BLHS năm 2015 là dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ... nhưng cũng có thể chỉ được quy định một cách chung chung, không được mô tả cụ thể, rõ ràng trong điều luật, thì cần căn cứ vào lý luận cũng như thực tiễn tội phạm diễn ra để xác định hành vi khách quan của những tội phạm đó là những hành vi cụ thể nào, ví dụ: Đối với tội trộm cắp tài sản, điều luật không mô tả cụ thể như thế nào là trộm cắp tài sản nhưng khoa học Luật hình sự xác định hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản là lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản bằng các hoạt động cụ thể như: móc túi, rạch giỏ để lấy tài sản, dùng đoạn phá khóa phá ổ điện xe máy để chiếm đoạt xe... Ngoài ra, trong một số trường hợp đặc biệt, được coi là đã bắt đầu thực hiện tội phạm khi người phạm tội thực hiện hành vi đi liền trước hành vi khách quan; đây là những hành vi gắn liền, không có khoảng cách về mặt thời gian với hành vi khách quan, chúng ta không thể tách biệt là sự chuẩn bị hay là đã thực hiện hành vi

khách quan của tội phạm, ví dụ: hành vi nhắm vào nạn nhân để bắn... Ở trường hợp phạm tội chưa đạt, hành vi của người phạm tội đã trực tiếp xâm hại đến quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ và có thể gây ra thiệt hại hoặc đe dọa trực tiếp, ngay tức khắc gây ra thiệt hại cho những quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ.

Trong trường hợp phạm tội chưa đạt, người phạm tội không thực hiện tội phạm được đến cùng. Không thực hiện tội phạm được đến cùng không có nghĩa là người phạm tội chưa đạt được mục đích hay chưa gây ra hậu quả hay chưa thực hiện hết hành vi khách quan..., mà hiểu theo góc độ pháp lý thì không thực hiện tội phạm được đến cùng tức là người phạm tội chưa thực hiện đầy đủ các dấu hiệu được mô tả trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm. Trong thực tế không thực hiện tội phạm được đến cùng được xác định qua các trường hợp cụ thể sau đây: Một là, người phạm tội mới chỉ thực hiện “hành vi đi liền trước” hành vi khách quan của cấu thành tội phạm thì bị dừng lại; Hai là, người phạm tội đã thực hiện hành vi khách quan nhưng chưa thực hiện hết hành vi khách quan trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm, ví dụ: Trong tội trộm cắp tài sản, người phạm tội mới thực hiện hành vi leo tường vào nhà người khác để trộm cắp tài sản thì bị chủ nhà phát hiện và bắt giữ; Ba là, người phạm tội đã thực hiện hết hành vi khách quan được quy định trong cấu thành tội phạm nhưng chưa gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội hoặc có hậu quả nhưng hậu quả không như mong muốn của người phạm tội (trường hợp này chỉ xảy ra đối với những tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất), ví dụ: Với mục đích tước đoạt tính mạng nạn nhân, người phạm tội đã dùng súng bắn vào người nạn nhân nhưng bắn không trúng hoặc bắn trúng nạn nhân nhưng nạn nhân không chết...

Tội phạm không thực hiện được đến cùng là vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Thực tế cho thấy, việc người phạm tội không thực hiện tội phạm được đến cùng có thể là vì nguyên nhân khách quan hay chủ quan; trường hợp vì nguyên nhân chủ quan của người phạm tội thì có thể xem xét thuộc trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội; còn trường hợp phạm tội chưa đạt, nguyên nhân làm cho tội phạm không thực hiện được đến cùng là vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của họ. Nguyên nhân ngoài ý muốn đó là những hoàn cảnh, điều kiện, yếu tố xảy ra hoàn toàn nằm ngoài suy nghĩ, dự báo, phương án loại trừ của người phạm tội trước khi thực hiện tội phạm; người phạm tội không mong muốn các nguyên nhân này xảy ra và cản trở việc thực hiện tội phạm của họ; nếu không có những nguyên nhân này xảy ra thì người phạm tội có thể thực hiện tội phạm được đến cùng, đạt được mục đích của họ. Trong thực tế, các nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội tác động làm

cho người phạm tội không thực hiện tội phạm được đến cùng rất đa dạng: do người bị hại chống trả lại, do người khác ngăn chặn, bắt giữ, do điều kiện tự nhiên, thời tiết không thuận lợi, do công cụ, phương tiện phạm tội bị hỏng hóc, trục trặc, người phạm tội không biết sử dụng công cụ, phương tiện phạm tội hoặc sử dụng công cụ, phương tiện phạm tội không thành thạo...

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, khoa học Luật hình sự đã phân chia phạm tội chưa đạt thành hai trường hợp: phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành và phạm tội chưa đạt đã hoàn thành.

*Phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành* là trường hợp người thực hiện hành vi phạm tội chưa thực hiện hết các hành vi khách quan được quy định trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm do nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội và hậu quả của tội phạm chưa xảy ra. Trong trường hợp này, về hành vi, người phạm tội mới thực hiện hành vi đi liền trước hành vi khách quan hoặc bắt đầu thực hiện hành vi khách quan được quy định trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm cụ thể nhưng chưa thực hiện đầy đủ hành vi khách quan. Đây là trường hợp chưa đạt về hậu quả và chưa hoàn thành về hành vi.

*Phạm tội chưa đạt đã hoàn thành* là trường hợp người phạm tội đã thực hiện hết các hành vi khách quan được quy định trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm nhưng do nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội mà hậu quả chưa xảy ra hoặc đã xảy ra nhưng không như mong muốn của người phạm tội. Đây là trường hợp chưa đạt về hậu quả nhưng đã hoàn thành về hành vi.

Hành vi của người phạm tội trong trường hợp phạm tội chưa đạt đã xâm hại trực tiếp đến khách thể được Luật hình sự bảo vệ. Đây là những hành vi nguy hiểm, đe dọa trực tiếp gây ra thiệt hại cho các quan hệ xã hội được Luật hình sự bảo vệ, trong một số trường hợp đã gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Người phạm tội có động cơ, mục đích phạm tội rõ ràng, luôn mong muốn thực hiện tội phạm đến cùng. Người phạm tội không thực hiện tội phạm được đến cùng hoàn toàn là vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của họ. Xem xét trong mối quan hệ giữa các yếu tố khách quan và chủ quan của tội phạm, hành vi phạm tội trong trường hợp phạm tội chưa đạt đã đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự. Đoạn 2 Điều 15 BLHS năm 2015 quy định về trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội chưa đạt như sau: “*Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt*”. Như vậy, BLHS không đặt ra vấn đề giới hạn những trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội chưa đạt như trường hợp người chuẩn bị phạm tội, mà người phạm tội chưa đạt sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự về bất kỳ tội phạm nào do cố ý khi

thỏa mãn các điều kiện theo luật định. Tuy nhiên, trong thực tế hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội ở trường hợp phạm tội chưa đạt chưa xảy ra hoặc trong một số trường hợp có hậu quả xảy ra nhưng hậu quả đó ít nguy hiểm hơn so hậu quả mà tội phạm đó quy định, nên việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội trong trường hợp phạm tội chưa đạt chỉ ở mức độ giới hạn.

*Một số vấn đề chú ý khi định tội danh trong trường hợp phạm tội chưa đạt*

*Thứ nhất*, trong trường hợp phạm tội chưa đạt, người phạm tội đã thực hiện hành vi khách quan của tội phạm, trong một số trường hợp hậu quả của tội phạm đã xảy ra nhưng không như mục đích của người phạm tội và chưa phản ánh đúng tính chất dấu hiệu hậu quả mà tội phạm đó quy định. Cho nên, quá trình định tội danh trong trường hợp phạm tội chưa đạt chủ yếu căn cứ vào dấu hiệu hành vi khách quan của tội phạm, kết hợp với ý thức chủ quan của người phạm tội, nhất là đối với những hành vi khách quan được quy định ở nhiều tội phạm cụ thể, ví dụ: Người phạm tội đang thực hiện hành vi dùng vũ lực với nạn nhân thì bị ngăn chặn, bắt giữ; do hành vi dùng vũ lực được quy định trong mặt khách quan của nhiều tội phạm cụ thể, trường hợp này phải xác định mục đích của người phạm tội là gì để định tội danh được chính xác, nếu người phạm tội có mục đích tước đoạt tính mạng của người khác thì xác định là tội giết người, nếu người phạm tội có mục đích giao cấu hoặc quan hệ tình dục khác đối với nạn nhân thì lại phạm tội hiếp dâm...

*Thứ hai*, căn cứ vào đặc điểm của trường hợp phạm tội chưa đạt, có thể thấy, phạm tội chưa đạt thường chỉ xảy ra đối với các tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất và được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Đối với tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức thường sẽ không có giai đoạn phạm tội chưa đạt, bởi vì khi người phạm tội thực hiện hành vi khách quan của tội phạm thì tội phạm đã được coi là hoàn thành (về mặt pháp lý). Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt, tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức có trường hợp phạm tội chưa đạt, đây là trường hợp người phạm tội đã thực hiện hành vi khách quan của tội phạm nhưng chưa thỏa mãn dấu hiệu hành vi khách quan được mô tả trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm cụ thể đó (trường hợp phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành). Trong quá trình định tội danh, chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần chú ý đến đặc điểm này để xác định tội danh được chính xác, ví dụ: Người phạm tội vừa bỏ thuốc mê vào ly nước của nạn nhân thì bị phát hiện, nếu mục đích của người phạm tội là để chiếm đoạt tài sản của nạn nhân thì xác định hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội cướp tài sản và thuộc trường hợp phạm

tội chưa đạt, vì người phạm tội đã thực hiện hành vi khác trong mặt khách quan của tội cướp tài sản, nhưng chưa làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được.

*Thứ ba*, một trong những yêu cầu của định tội danh là phải xác định được người phạm tội bị áp dụng điều, khoản, điểm nào của BLHS, do đó, chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng cũng cần phải xác định người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm theo điểm, khoản nào của tội danh mà họ phải chịu trách nhiệm hình sự. Về vấn đề này, chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần chú ý là chỉ khi có đầy đủ căn cứ chứng minh rằng tội phạm mà người phạm tội không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn chủ quan của họ thuộc khoản nào của điều luật tương ứng quy định về tội phạm đó, thì mới áp dụng khoản, điều luật tương ứng đó; trong trường hợp không xác định được tội phạm mà họ thực hiện không đạt thuộc khoản tăng nặng cụ thể nào của điều luật tương ứng quy định về tội phạm đó, thì áp dụng khoản nhẹ nhất của điều luật tương ứng đó.

*Thứ tư*, giống như trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu hành vi của người phạm tội chưa đạt đã đủ yếu tố cấu thành một tội phạm độc lập khác thì người phạm tội cũng sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự thêm về tội phạm độc lập đó ở giai đoạn tội phạm hoàn thành. Lưu ý vấn đề này để xác định tội danh đối với người phạm tội được đầy đủ và chính xác, ví dụ: Với mục đích tước đoạt tính mạng của nạn nhân, người phạm tội dùng súng K54 bắn nạn nhân nhưng nạn nhân không chết do được cấp cứu kịp thời, trường hợp này người phạm tội sẽ phải chịu trách nhiệm về tội giết người thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt và tội sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

### **3. Hình phạt và quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành**

#### ***a. Loại và mức hình phạt được áp dụng đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành***

*Thứ nhất, đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội*

Về hình phạt chính: Căn cứ vào loại và mức hình phạt được quy định đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội của 25 tội phạm cụ thể mà người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự cho thấy, loại hình phạt chính được áp dụng đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội là hình phạt cải tạo không giam giữ (có thể được áp dụng đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả quy định tại khoản 4 Điều 207 và chuẩn bị phạm tội có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác quy định tại

khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015) và hình phạt tù có thời hạn, trong đó mức cao nhất của hình phạt cải tạo không giam giữ là đến 03 năm đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả và đến 02 năm đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; đối với hình phạt tù có thời hạn, có 18 tội danh quy định khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, 05 tội danh quy định khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, 01 tội danh quy định khung hình phạt tù từ 01 năm đến 03 năm và có 01 tội danh quy định khung hình phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm, như vậy mức cao nhất của hình phạt tù được áp dụng đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội là 05 năm và thấp nhất là 03 tháng.

Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội, theo quy định tại khoản 2 Điều 102 BLHS năm 2015 thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần ba ( $1/3$ ) mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng. Như vậy, nếu người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội giết người hoặc cướp tài sản thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 01 năm 08 tháng tù ( $1/3 \times 05$  năm tù).

Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai ( $1/2$ ) mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng, ví dụ: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội giết người hoặc cướp tài sản thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 02 năm 06 tháng tù ( $1/2 \times 05$  năm tù).

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào hình phạt bổ sung có thể được áp dụng đối với người phạm tội quy định tại 25 tội danh mà người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự thì tùy thuộc vào hành vi chuẩn bị phạm một tội phạm cụ thể, người chuẩn bị phạm tội có thể bị áp dụng các hình phạt bổ sung mà BLHS năm 2015 quy định, ví dụ: Người chuẩn bị phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia, có thể bị tước một số quyền công dân, phạt quản chế, cấm cư trú, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản; người chuẩn bị phạm tội giết người có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, phạt quản chế hoặc cấm cư trú ...; phạt tiền được áp dụng là hình phạt bổ sung đối với trường hợp chuẩn bị phạm các tội quy định tại Điều 168, Điều 169, Điều 207 và Điều 324 BLHS năm 2015. Đối với người nước ngoài chuẩn bị phạm tội, còn có thể bị áp dụng trục xuất là hình phạt bổ sung. Mức hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số

quyền công dân theo quy định chung là từ 01 năm đến 05 năm; mức phạt tiền (hình phạt bổ sung) có thể được áp dụng đối với người chuẩn bị phạm tội thấp nhất là 10.000.000 đồng và cao nhất là 100.000.000 đồng. Việc lựa chọn loại hình phạt bổ sung đối với người phạm tội chưa đạt cần tính toán đến sự phù hợp, tương quan với hình phạt chính được áp dụng.

Theo quy định của BLHS năm 2015 thì không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Do đó, đối với người dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội thì không được áp dụng các hình phạt bổ sung được quy định trong các tội phạm mà người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự.

#### *Thứ hai, đối với trường hợp phạm tội chưa đạt*

Về hình phạt chính: Theo quy định của BLHS năm 2015, người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt và các cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định được người phạm tội chưa đạt về tội phạm gì, theo điểm, khoản nào của điều luật quy định về tội phạm đó. BLHS năm 2015 không quy định khung hình phạt riêng đối với trường hợp phạm tội chưa đạt và loại hình phạt được áp dụng như trường hợp chuẩn bị phạm tội, cho nên, hình phạt chính được áp dụng đối với người phạm tội chưa đạt là những hình phạt được quy định tại khoản, điều của tội phạm cụ thể mà họ phạm tội chưa đạt. Một điểm mới so với quy định trước đây là BLHS năm 2015 không còn quy định về trường hợp người phạm tội chưa đạt có thể bị áp dụng hình phạt tù chung thân hoặc tử hình do đó, loại hình phạt nghiêm khắc nhất được áp dụng đối với người phạm tội chưa đạt là tù có thời hạn và theo quy định tại khoản 3 Điều 57 BLHS năm 2015 thì đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm, ví dụ: Người phạm tội giết người theo khoản 1 Điều 123 nhưng thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 20 năm. Đối với các hình phạt chính khác, được áp dụng đối với người phạm tội chưa đạt nếu khoản, điều được áp dụng có quy định hình phạt đó, ví dụ: Người phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 nhưng thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt thì bị cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù có thời hạn. Về mức phạt tù có thời hạn đối với người phạm tội chưa đạt trong trường hợp điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư (3/4) mức phạt tù mà điều luật quy định, ví dụ: Người phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 như trường hợp nêu trên, quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 03 năm tù thì mức phạt tù cao nhất được áp dụng đối với

người phạm tội chưa đạt không quá 02 năm 03 tháng (3/4x03 năm tù). Đối với hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với người phạm tội chưa đạt, BLHS năm 2015 không quy định mức hình phạt cao nhất được áp dụng như tù có thời hạn (trừ trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt), cho nên về nguyên tắc người phạm tội chưa đạt có thể bị áp dụng mức hình phạt như trường hợp tội phạm hoàn thành.

Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt, theo quy định tại khoản 3 Điều 102 BLHS năm 2015 thì mức hình phạt cao nhất áp dụng không quá một phần ba (1/3) mức hình phạt quy định tại Điều 100 và Điều 101 của BLHS năm 2015. Theo đó, hình phạt chính được áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt là cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn. Nếu người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thì mức hình phạt cao nhất áp dụng không quá một phần ba (1/3) của một phần hai (1/2) thời hạn mà điều luật quy định (theo quy định tại đoạn 2 khoản 2 Điều 100 BLHS năm 2015 thì thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai (1/2) thời hạn mà điều luật quy định), ví dụ: Trường hợp điều luật quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm thì mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá 06 tháng; Nếu người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất áp dụng không quá một phần ba (1/3) của 12 năm trong trường hợp điều luật được áp dụng có quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình và không quá một phần ba (1/3) của một phần hai (1/2) mức phạt tù mà điều luật quy định trong trường hợp điều luật được áp dụng tù có thời hạn là hình phạt cao nhất, ví dụ: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt theo khoản 1 Điều 123 BLHS năm 2015 (có mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình) thì hình phạt tù cao nhất được áp dụng không quá 04 năm, nếu phạm tội theo khoản 2 Điều 123 BLHS năm 2015 (có mức cao nhất của khung hình phạt là 15 năm tù) thì hình phạt tù cao nhất được áp dụng không quá 02 năm 06 tháng (1/3x1/2x15 năm tù).

Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt, theo quy định tại đoạn 2 khoản 3 Điều 102 BLHS năm 2015 thì mức hình phạt cao nhất áp dụng không quá một phần hai (1/2) mức hình phạt quy định tại Điều 99, Điều 100 và Điều 101 của BLHS năm 2015. Bên cạnh cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn thì người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt có thể bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nếu người đó có thu nhập hoặc tài sản riêng. Trong trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt bị

phạt tiền thì mức phạt tiền cao nhất áp dụng không quá một phần hai (1/2) của một phần hai (1/2) mức tiền phạt mà điều luật quy định (theo quy định tại Điều 99 BLHS năm 2015 thì mức tiền phạt đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai (1/2) mức tiền phạt mà điều luật quy định), ví dụ: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 188 BLHS năm 2015, nếu bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính (phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng) thì mức phạt tiền cao nhất áp dụng không quá 7.500.000 đồng ( $1/2 \times 1/2 \times 200.000.000$  đồng). Nếu người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt bị áp dụng hình phạt chính cải tạo không giam giữ thì mức hình phạt cao nhất áp dụng không quá một phần hai (1/2) của một phần hai (1/2) thời hạn mà điều luật quy định (theo quy định tại đoạn 2 khoản 2 Điều 100 BLHS năm 2015 thì thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai (1/2) thời hạn mà điều luật quy định), ví dụ: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 (có quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm), nếu áp dụng hình phạt này là hình phạt chính thì mức cao nhất được áp dụng không quá 09 tháng ( $1/2 \times 1/2 \times 3$  năm). Còn đối với hình phạt tù có thời hạn, mức hình phạt cao nhất được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không quá một phần hai (1/2) của 18 năm trong trường hợp điều luật được áp dụng có quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình và không quá một phần hai (1/2) của ba phần tư (3/4) mức phạt tù mà điều luật quy định trong trường hợp điều luật được áp dụng tù có thời hạn là hình phạt cao nhất, ví dụ: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt theo khoản 3 Điều 141 BLHS năm 2015 (quy định hình phạt cao nhất là chung thân) thì hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 09 năm tù ( $1/2 \times 18$  năm tù); nếu bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 4 Điều 173 BLHS năm 2015 (quy định mức cao nhất của khung hình phạt đến 20 năm tù) thì hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 07 năm 06 tháng tù ( $1/2 \times 3/4 \times 20$  năm tù).

Về hình phạt bổ sung: Người phạm tội chưa đạt có thể bị áp dụng các hình phạt bổ sung được quy định trong các tội phạm mà họ phạm tội chưa đạt, ví dụ: Nếu người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt thì có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm; trường hợp trộm cắp tài sản nhưng chưa đạt còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Cũng như trường hợp chuẩn bị phạm tội, đối với người dưới

18 tuổi phạm tội chưa đạt không bị áp dụng hình phạt bổ sung.

***b. Căn cứ quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành***

Quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành là việc Tòa án lựa chọn loại và mức hình phạt để áp dụng đối với người phạm tội trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt dựa trên các căn cứ quyết định hình phạt mà BLHS quy định. Trước tiên, việc quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành cần phải tuân thủ các nguyên tắc chung của quyết định hình phạt (nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc cá thể hóa hình phạt, nguyên tắc công bằng) cũng như các căn cứ quyết định hình phạt được quy định tại Điều 50 BLHS năm 2015 (căn cứ vào quy định của BLHS, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự). Đồng thời, với tính chất là những trường hợp đặc biệt của tội phạm, để đảm bảo sự phân hóa trách nhiệm hình sự so với trường hợp tội phạm hoàn thành, việc quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành còn có những đặc trưng riêng, thể hiện trong các quy định tại Điều 57, Điều 102 BLHS năm 2015.

*Thứ nhất, căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự về các tội phạm tương ứng được áp dụng đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành*

Căn cứ vào quy định của BLHS về các tội phạm tương ứng được áp dụng đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, giúp Tòa án xác định được loại và mức hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội.

Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, khi quyết định hình phạt Tòa án phải căn cứ vào loại và mức hình phạt được quy định cụ thể đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội của 25 tội danh mà người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự; trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội, mức hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 102 BLHS năm 2015.

Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, loại và mức hình phạt được áp dụng căn cứ vào loại hình phạt quy định tại khoản (khung) của tội phạm tương ứng mà người phạm tội chưa đạt bị truy cứu trách nhiệm hình sự; mức hình phạt được áp dụng phải tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 57 BLHS năm 2015 và khoản 3 Điều 102 BLHS năm 2015.

*Thứ hai, căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi*

Giống như tội phạm hoàn thành, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội

của hành vi phạm tội chưa hoàn thành cũng được đánh giá dựa trên sự cân nhắc một cách tổng thể các tình tiết thuộc cấu thành tội phạm, có nghĩa xem xét hành vi phạm tội ở các phương diện: ý nghĩa, tính chất, tầm quan trọng và giá trị của các quan hệ xã bị hành vi đó xâm hại hoặc bị đe dọa xâm hại; tính chất và mức độ hậu quả thiệt hại đã gây ra hoặc đe dọa gây ra; các thức tiến hành tội phạm như phạm tội riêng lẻ hay là đồng phạm, đồng phạm giản đơn hay đồng phạm có tổ chức; công cụ, phương tiện phạm tội, phương pháp, thủ đoạn, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh thực hiện tội phạm...; mức độ lỗi, động cơ, mục đích phạm tội và các đặc điểm nhân thân khác của người phạm tội.

Ngoài những đánh giá chung này, khi cân nhắc về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt để quyết định hình phạt cần lưu ý rằng về cơ bản tính chất và mức độ nguy hiểm của các trường hợp này thấp hơn tội phạm hoàn thành, do vậy tính giảm nhẹ của hình phạt cần được chú trọng.

*Thứ ba, căn cứ vào mức độ thực hiện ý định phạm tội*

Mức độ thực hiện ý định phạm tội cũng chính là lí do khiến cho việc quyết định hình phạt đối với trường hợp tội phạm chưa hoàn thành được xem xét giảm nhẹ so với quyết định hình phạt trong các trường hợp thông thường. Do có mức độ thực hiện ý định phạm tội thấp hơn nên chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt được đánh giá là ít nguy hiểm hơn so với trường hợp tội phạm hoàn thành. Không chỉ là lý do để đặt ra quy định về trách nhiệm hình sự riêng cho chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt mà “mức độ thực hiện ý định phạm tội” còn là căn cứ đặc biệt quan trọng để phân hóa trách nhiệm hình sự trong các trường hợp này. Sở dĩ như vậy vì mức độ thực hiện ý định phạm tội thể hiện diễn biến của tội phạm và diễn biến càng gần tới mức tội phạm hoàn thành thì càng thể hiện mức độ nguy hiểm cao, hình phạt áp dụng khi đó càng phải nghiêm khắc hơn. Chẳng hạn như cùng phạm vào một tội nhưng hành vi chuẩn bị phạm tội sẽ chịu mức hình phạt thấp hơn hành vi phạm tội chưa đạt; hành vi mới bắt đầu chuẩn bị cho việc phạm tội một cách sơ sài phải được quyết định mức hình phạt thấp hơn hành vi chuẩn bị đầy đủ, chu đáo, cẩn thận; hành vi phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành được áp dụng hình phạt thấp hơn hành vi phạm tội chưa đạt đã hoàn thành...

*Thứ tư, căn cứ vào những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng*

Sự xuất hiện của những yếu tố khách quan ngăn cản tội phạm hoàn thành mặc dù người phạm tội vẫn muốn thực hiện tội phạm là đặc trưng của chuẩn bị

phạm tội và phạm tội chưa đạt. Sở dĩ như vậy là bởi vì nếu nguyên nhân khiến tội phạm không được thực hiện đến cùng xuất phát từ ý thức chủ quan của người phạm tội thì hành vi trong trường hợp này có thể xem xét thuộc trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, một ngoại lệ xen vào quá trình thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, có bản chất pháp lý khác hẳn chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt.

Pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành chưa quy định hay hướng dẫn cụ thể tình tiết nào được coi là “những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng”. Chỉ từ trong thực tế có thể thấy rằng các trở ngại khách quan phổ biến ngăn cản tội phạm hoàn thành như: người bị hại chống cự; người bị hại hoặc người khác phát giác, ngăn chặn; do chưa có thời cơ, điều kiện; công cụ, phương tiện vô hiệu; khả năng, trình độ của chính người phạm tội hạn chế; ngoại cảnh, thiên nhiên gây khó khăn, cản trở... Hơn nữa, mặc dù những tình tiết ấy phát sinh bên ngoài ý chí của người phạm tội nhưng việc xác định, phân tích chứng minh chúng là cơ sở cho việc phát hiện và làm rõ thái độ chủ quan của người phạm tội. Căn cứ trên đó, Tòa án sẽ có mức hình phạt tương xứng và thích hợp để vừa bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội.

Căn cứ vào “những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng” để quyết định hình phạt, cần xem xét mối tương quan giữa mức độ khó khăn mà các tình tiết khách quan gây ra và ý chí quyết tâm thực hiện tội phạm của người phạm tội; thái độ, phản ứng của người phạm tội khi gặp phải các trở ngại đó, ví dụ: trường hợp nguyên nhân khách quan mới gây ra trở ngại ở mức độ nhất định mà người phạm tội đã từ bỏ việc thực hiện tội phạm đến cùng chứng tỏ quyết tâm phạm tội không cao, ít nguy hiểm hơn trường hợp người phạm tội nỗ lực thực hiện tội phạm nhưng yếu tố khách quan xuất hiện làm triệt tiêu khả năng hoàn thành tội phạm. Khi quyết định hình phạt thì chắc chắn đối với trường hợp thứ nhất cần phải xử phạt nhẹ hơn trường hợp thứ hai.

## **Chương 2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TRƯỜNG HỢP TỘI PHẠM CHƯA HOÀN THÀNH**

### **I. THỰC TIỄN ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP TỘI PHẠM CHƯA HOÀN THÀNH**

#### **1. Chuẩn bị phạm tội**

Thực tiễn khởi tố, điều tra, truy tố xét xử cho thấy, việc áp dụng quy định của pháp luật hình sự đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội không nhiều. Trên tổng số gần 300.000<sup>9</sup> bản án về hình sự được đăng tải trên trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Tòa án của Tòa án nhân dân tối cao, chỉ có 11 bản án có áp dụng quy định của BLHS năm 2015 về trường hợp chuẩn bị phạm tội, trong đó chưa ghi nhận trường hợp nào các cơ quan tiến hành tố tụng xử lý trách nhiệm hình sự đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội. Thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, kể cả khách quan và chủ quan như: Nghiên cứu các vụ án hình sự xảy ra trong thực tiễn chúng ta thấy, đối với các tội phạm thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, các đối tượng phạm tội thường có sự chuẩn bị về công cụ, phương tiện phạm tội cũng như các điều kiện khác để thực hiện tội phạm, nhưng do quá trình thực hiện tội phạm diễn biến liên tục, thủ đoạn chuẩn bị phạm tội của các đối tượng tinh vi, xảo quyệt, gây khó khăn cho việc phát hiện, ngăn chặn tội phạm ở giai đoạn này của các cơ quan chức năng. Bên cạnh đó, một trong những khó khăn trong việc định tội danh đối với hành vi chuẩn bị phạm tội là phải chứng minh được ý thức chủ quan của người chuẩn bị công cụ, phương tiện... là để nhằm thực hiện một tội phạm cụ thể nào được quy định trong BLHS; trong một số trường hợp, các cơ quan chức năng đã kịp thời phát hiện và ngăn chặn được đối tượng mới có hành vi chuẩn bị nhưng quá trình thu thập chứng cứ chứng minh, đánh giá về ý thức chủ quan của người phạm tội không đảm bảo được yêu cầu, không thu thập được đầy đủ các căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm tội của họ. Mặt khác, theo quy định của BLHS năm 2015, người chuẩn bị phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 25 tội danh, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi chuẩn bị phạm tội đối với 02 tội danh quy định tại Điều 123, Điều 168 BLHS năm 2015, điều này cũng giới hạn việc xử lý trách nhiệm hình sự đối với trường hợp này của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Định tội danh đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội là quá trình nhận thức

<sup>9</sup> Tính đến thời điểm tháng 04/2024.

và tư duy của các chủ thể tiến hành tố tụng nhằm xác định và ghi nhận sự phù hợp giữa hành vi phạm tội xảy ra với cấu thành tội phạm của trường hợp chuẩn bị phạm tội của một tội phạm cụ thể được BLHS quy định. Quá trình này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, như: nền tảng kiến thức pháp luật, đặc biệt là kiến thức pháp luật hình sự và khả năng tư duy lô gíc của chủ thể tiến hành tố tụng, các bước và phương pháp tiến hành... So với các trường hợp phạm tội khác (phạm tội chưa đạt, tội phạm hoàn thành), việc định tội danh đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội có những yêu cầu riêng, trước tiên, các chủ thể tiến hành tố tụng phải đánh giá đúng hành vi phạm tội xảy ra có phải là chuẩn bị phạm tội hay là hành vi khách quan của một tội phạm cụ thể; thứ hai, căn cứ quan trọng để xử lý trách nhiệm hình sự đối với người chuẩn bị phạm tội là phải làm rõ được ý thức chủ quan của người chuẩn bị phạm tội là để nhằm thực hiện một tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS và việc tội phạm dừng lại phải do nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.

Nghiên cứu các vụ án có áp dụng quy định của pháp luật hình sự về trường hợp chuẩn bị phạm tội, chúng tôi thấy rằng việc định tội danh của các chủ thể tiến hành tố tụng đã đảm bảo được các yêu cầu này; chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội và ý thức chủ quan của người phạm tội được thu thập đầy đủ từ nhiều nguồn hợp pháp khác nhau, phân tích, đánh giá kỹ càng ở giai đoạn điều tra, truy tố và được làm rõ ngay tại phiên tòa xét xử; trên cơ sở các tình tiết của vụ án đã được làm rõ, các cơ quan tiến hành tố tụng đã so sánh, đối chiếu với dấu hiệu đặc trưng của từng tội phạm cụ thể để định tội danh, đây là vấn đề quan trọng để xác định tội danh được chính xác đối với hành vi chuẩn bị phạm tội; quá trình định tội danh được tiến hành theo từng bước chặt chẽ, khoa học, tội danh được áp dụng đối với người chuẩn bị phạm tội đúng quy định của BLHS và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, được sự thống nhất cao từ các cơ quan tiến hành tố tụng, trong quá trình xét xử, người bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, cũng như điều luật áp dụng đối với bị cáo và không có kháng cáo về tội danh... Có thể thấy rõ được kết quả đáng ghi nhận này qua việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá quan điểm áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng qua các ví dụ sau đây.

*Trường hợp xác định đúng hành vi chuẩn bị phạm tội giết người và áp dụng quy định có lợi của BLHS năm 2015 đối với người phạm tội*

*Nội dung vụ án<sup>10</sup>*: Năm 2012, Nạ Văn N chung sống với chị Lò Thị B như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, hai bên

---

<sup>10</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 83/2017/HS-ST ngày 18/08/2017 về tội giết người (chuẩn bị phạm tội).

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh, cãi nhau. Từ năm 2015, chị B nhiều lần bỏ nhà đi Hà Nội và về nhà bố mẹ đẻ. Đến ngày 12/9/2016, N và chị B cùng con út sang nhà bố mẹ vợ chơi (nhà ông Lò Văn S và bà Lò Thị A) sau đó N bảo vợ con về nhưng chị B không về và không cho N mang con về. Do bức tức nên N đã nảy sinh ý định dùng thuốc nổ để giết vợ và tự sát. Ngày 20/9/2016, N mua của Lò Văn G hai thỏi thuốc nổ và hai kíp nổ, dây cháy chậm, dây điện hết 100.000 đồng với mục đích tự chế 02 quả mìn để thực hiện ý đồ giết vợ và tự sát. N còn hỏi G cách để tăng tính sát thương của mìn tự chế. Ngày 23/9/2016, N cùng Mòng Văn H ở cùng bản chặt đoạn sắt phi 6 dài 20 cm thành từng đoạn nhỏ nhưng N không nói cho H biết dùng vào việc gì. Sau đó, N dùng 02 chai nhựa, mỗi chai cắt đi 1/3 rồi cho vào mỗi chai một thỏi thuốc nổ, củi gỗ giã nhỏ trộn với thuốc nổ cùng với bi sắt và các đoạn sắt đã cắt nhỏ để tăng tính sát thương. N nén chặt lại, dùng dao khoét một lỗ ở giữa chai để đút kíp nổ rồi lấy nilon quấn chặt lại. Sáng ngày 24/9/2016, N đi xe máy đến nhà ông Lò Văn S mang theo 02 quả mìn tự chế. Đến nơi, N gói 02 quả mìn trong chiếc quần đen và giấu ở đồng củi dưới gầm sàn nhà ông S thì bị vợ chồng ông S phát hiện. Ông S đã giao 02 quả mìn cho Đoàn công an L. Đến chiều N bảo chị B đưa con cùng về nhà nhưng chị B không đồng ý, N xuống sàn tìm 02 quả mìn không thấy đâu nên đi xe về nhà tiếp tục lên kế hoạch giết vợ và tự sát. Ngày 25/9/2016, N gọi điện thoại cho Quàng Văn X để mua 02 thỏi thuốc nổ. Sau khi được X đưa cho 02 thỏi thuốc nổ, N đến nhà Nạ Văn T xin 02 kíp nổ (01 kíp đốt bằng dây cháy chậm và 01 kíp kích nổ bằng điện) mang về nhà. Sáng ngày 26/9/2016, N tự chế thành 02 quả mìn như cách thức đã làm lần đầu rồi lấy quả mìn có kíp điện giắt vào cặp quần trước bụng, luồn dây điện theo đường cúc áo lên cổ, để hở đầu dây điện ra ngoài để có thể kích nổ bằng một cục pin tiêu. N đưa cho H quả mìn có kíp đốt nhờ cất hộ, còn quả mìn có kíp điện N để trong người rồi đi xe máy đến nhà ông S. Ý định của N là gặp chị B để bảo chị B cùng con đi về nhà, nếu chị B không đồng ý thì N sẽ rử chị B ra bãi đất trống cạnh nhà vệ sinh, có tà ly âm cách xa nhà ông S khoảng 17 đến 18 mét thì kích nổ để giết vợ và tự sát. Hồi 15 giờ cùng ngày, khi gần đến nhà ông S thì N bị cơ quan công an bắt quả tang và thu giữ quả mìn N tự tạo, 01 pin tiêu, 01 dây điện màu xanh dài 1,2 mét.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng:* Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 26/9/2016; Kết luận giám định số 686/GĐ-PC54 ngày 30/9/2016; Biên bản ghi lời khai; Biên bản hỏi cung bị can; Bản tự khai của bị cáo; Biên bản ghi lời khai của người bị hại; Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nạ Văn N đã phạm tội “Giết người” theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 93 BLHS năm 1999. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Nạ Văn N về tội “Giết người” theo quy định tại Điều 93 BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật, bị cáo không bị oan sai. Do bị cáo chuẩn bị phạm tội thì bị phát hiện nên được áp dụng khoản 2 Điều 52 BLHS năm 1999. Theo quy định tại khoản 1 Điều 93 BLHS năm 1999, bị cáo có thể bị xử phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Theo khoản 3 Điều 123 BLHS năm 2015 quy định: “*Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*”, áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7 BLHS năm 1999, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo.

*Phân tích, đánh giá:* Đối với vụ án trên, bên cạnh việc làm rõ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi chuẩn bị phạm tội, mục đích tước đoạt tính mạng của người khác, nguyên nhân bị cáo không thực hiện tội phạm được đến cùng dựa trên lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để đảm bảo căn cứ kết luận bị cáo phạm tội giết người thuộc trường hợp chuẩn bị phạm tội đúng quy định của pháp luật; các cơ quan tiến hành tố tụng còn áp dụng quy định có lợi của BLHS năm 2015 về trường hợp chuẩn bị phạm tội của tội giết người theo khoản 3 Điều 123 BLHS năm 2015 đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước khi quy định này có hiệu lực chính thức theo đúng quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 về việc thi hành BLHS số 100/2015/QH đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về việc áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015 như: Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016, Công văn số 327 TANDTC-PC ngày 07/11/2016, Công văn số 5003/VKSTC-V14 ngày 02/12/2016, Công văn số 3010/VKSTC-V14 ngày 09/8/2017... Điều này thể hiện sự nắm vững quy định pháp luật hình sự của các chủ thể tiến hành tố tụng trong thực tiễn định tội danh đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội.

*Trường hợp xác định đúng hành vi chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác*

*Nội dung vụ án<sup>11</sup>:* Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 05/5/2021, tại khu vực vòng xoay Nguyễn Khuyến, thuộc tổ 2, khu phố 5, phường Trảng Dài, thành

---

<sup>11</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 188/2022/HS-ST ngày 10/05/2022 về tội cố ý gây thương tích (chuẩn bị phạm tội).

phố B, tỉnh Đ do mâu thuẫn và nhân tin thách thức đánh nhau với nhóm Trần Quốc Đ3 nên Bùi Đình N cùng với Nguyễn Ngọc Qu, Nguyễn Trọng B1, Đỗ Minh Ch, Nguyễn Thành Đ2, Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Thanh T, Lê Đào Trường D1, Võ Hoàng D, Nguyễn Thành Tr1 và Nguyễn Quốc C1, C2, Q1, B3, K cùng khoảng 10 đối tượng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tập hợp lực lượng, chuẩn bị nhiều hung khí gồm: 02 cây dao phóng lộn (lưỡi dao bầu dài khoảng 25cm gắn cán bằng ống tuýp dài 220cm); 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 90cm; 01 cây kiếm dài 85cm, cán cuốn dây vải màu đen; 01 cây kiếm dài 90cm cán cuốn vải màu trắng; 01 con dao tự chế dài khoảng 1,3m; 01 con dao tự chế dài khoảng 1,5m; 04 cây giáo phóng lộn (lưỡi dao bầu dài khoảng 25cm gắn cán bằng ống tuýp dài 1,5m); 02 viên gạch ống và nhiều loại hung khí để tham gia đánh nhau nhằm gây thương tích cho nhóm của Đ3 thì bị tổ tuần tra Công an phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ phát hiện chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng:* Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, cáo trạng mô tả. Bản cáo trạng số 39/CT-VKSBH ngày 06/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ và Bản án hình sự sơ thẩm số 188/2022/HS-ST ngày 10/05/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ đều xác định các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” thuộc trường hợp chuẩn bị phạm tội theo khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015.

*Phân tích, đánh giá:* Việc các cơ quan tiến hành tố tụng xử lý trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội về tội “Cố ý gây thương tích” và thuộc trường hợp chuẩn bị phạm tội là đúng quy định của BLHS và tinh thần hướng dẫn tại Mục 14 Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xử lý trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 6 Điều 134 BLHS. Trong vụ án này, các đối tượng chưa thực hiện hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích, mới có hành vi chuẩn bị hung khí (dao phóng lộn, dao tự chế bằng kim loại, kiếm dài...) thì bị phát hiện, bắt giữ; dựa trên nội dung kết luận tại Bản kết luận giám định số 2698/C09B ngày 13/5/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan tiến hành tố tụng đã xác định hung khí mà các đối tượng chuẩn bị là hung khí nguy hiểm (theo quy định tại khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015, nếu chuẩn bị hung khí nhưng không phải là hung khí nguy hiểm thì không phải là hành vi chuẩn bị phạm tội này); căn cứ vào lời khai của các người phạm tội, lời khai của người làm chứng thể hiện trong hồ sơ vụ án, tại

phiên tòa và các chứng cứ khác, các cơ quan tiến hành tố tụng đã có đủ căn cứ chứng minh các đối tượng đã có hành vi thành lập, tham gia nhóm tội phạm và chuẩn bị hung khí nguy hiểm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Việc định tội danh đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội trong vụ án này đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện khách quan, toàn diện, đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án trên có 08 đối tượng vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi (Bùi Đình N sinh ngày 02/6/2004, Nguyễn Trọng B1 sinh ngày 11/9/2003, Đỗ Minh Ch sinh ngày 20/8/2003, Nguyễn Thành Đ2 sinh ngày 24/6/2004, Nguyễn Hoàng T2 sinh ngày 03/12/2004, Nguyễn Thanh T sinh ngày 15/8/2003, Lê Đào Trường D1 sinh ngày 05/01/2004 và Nguyễn Thành Tr1 sinh ngày 18/8/2003) bị cơ quan tiến hành tố tụng xử lý trách nhiệm hình sự về tội cố ý gây thương tích thuộc trường hợp chuẩn bị phạm tội là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 14 BLHS năm 2015. Ngoài ra, nghiên cứu một số vụ án về tội cố ý gây thương tích thuộc trường hợp chuẩn bị phạm tội, một số đối tượng phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi cũng bị các cơ quan tiến hành tố tụng xử lý trách nhiệm hình sự về tội phạm này, điều này thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, phát huy được hiệu quả của BLHS năm 2015 nói chung và quy định về chuẩn bị phạm tội nói riêng trong phòng ngừa và đấu tranh chống loại tội phạm này do người dưới 18 tuổi thực hiện, đang có những diễn biến phức tạp như giai đoạn hiện nay.

#### *Trường hợp xác định đúng hành vi chuẩn bị phạm tội cướp tài sản*

*Nội dung vụ án*<sup>12</sup>: Phạm Thị T (sinh năm 1982) và chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1982) có mối quan hệ bạn bè với nhau. T biết chị H hàng ngày đi làm không để tiền ở nhà, đến tối chị H mới mang tiền về. Do cần tiền trả nợ nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị H. Thực hiện ý định trên, ngày 06/01/2019 T đến nhà chị H chơi, lợi dụng lúc chị H làm việc nhà không để ý, T đã tự lấy chum chìa khóa nhà chị H ở trên mặt bàn gần cửa ra vào, rồi ra khu vực ngã tư đường Tr và đường Ph, thành phố N đánh thêm chum chìa khóa mới. Sau khi đánh xong, T mang chum chìa khóa cũ để lại trên bàn nhà chị H, còn chum chìa khóa mới T cất giữ. Vào ngày 08/01/2019, chị H bị cảm và nhờ T chở đến hiệu thuốc Th tại số B đường Tr, phường L, thành phố N của dược sĩ Đỗ Thị M để mua thuốc. Chị M kê đơn và bán cho chị H 06 liều thuốc cảm đựng trong 06 túi ni lông, mỗi túi có 06 viên thuốc. T tiếp tục nảy sinh ý định cho thuốc ngủ vào các liều thuốc cảm của chị H để khi chị H ngủ say, T sẽ sử dụng chìa khóa

<sup>12</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 151/2019/HS-ST ngày 17/05/2019 về tội cướp tài sản (chuẩn bị phạm tội).

đã đánh sẵn mở cửa vào nhà chị H chiếm đoạt tài sản. Khoảng 11 giờ ngày 13/01/2019, T gọi điện thoại cho chị H, biết chị H không về nhà nên T đã điều khiển xe máy Wave biển kiểm soát M, mang theo 01 lọ nhựa bên trong có 10 viên thuốc ngủ đến nhà chị H. T sử dụng chìa khóa đã đánh từ trước để mở cửa vào phòng ngủ nhà chị H, phát hiện 02 túi thuốc cảm của chị H để trên thảm gần cửa ra vào phòng ngủ, T lấy ra 02 viên trong lọ thuốc ngủ rồi lần lượt bỏ vào mỗi túi thuốc cảm 01 viên thuốc ngủ. Khi T vừa bỏ xong thuốc ngủ vào 02 túi thuốc cảm thì bị anh Đinh Công Ng đến nhà chị H lấy hàng phát hiện, chụp ảnh. Anh Ng đã thu giữ của T chùm chìa khóa mà T dùng để mở cửa vào nhà chị H, 01 lọ nhựa bên trong chứa 08 viên thuốc hình tròn màu trắng đường kính 0,8cm; 02 túi ni lông (mỗi túi có 07 viên thuốc, trong đó có 01 viên thuốc hình tròn màu trắng đường kính 0,8cm mà T vừa bỏ vào). Anh Ng đã gọi điện, gửi ảnh báo cho chị H biết rồi cho T về nhà. Sau đó, chị H và anh Ng đã đến Công an phường trình báo sự việc và giao nộp số vật chứng mà anh Ng đã giữ của T.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng:* Bản cáo trạng số 146/CT-VKS ngày 19/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố Phạm Thị T về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 5 Điều 168 BLHS năm 2015. Hội đồng xét xử nhận định lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; hành vi của bị cáo là sửa soạn công cụ, phương tiện thực hiện thủ đoạn nhằm làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản; do đó, bị cáo đã phạm tội “Cướp tài sản” thuộc trường hợp chuẩn bị phạm tội, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 5 Điều 168 BLHS năm 2015; quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định là có căn cứ.

*Phân tích, đánh giá:* Việc các cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá hành vi của người phạm tội chưa phải là hành vi khách quan của tội phạm (hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản trong cấu thành tội phạm của tội cướp tài sản) mà chỉ là hành vi chuẩn bị phạm tội là có căn cứ, thể hiện sự nhận thức đúng đắn về dấu hiệu pháp lý của tội phạm này, cũng như tư duy lô gíc của chủ thể tiến hành tố tụng. Mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu pháp lý có ý nghĩa quan trọng, bắt buộc để xác định trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm tội cướp tài sản, đây là dấu hiệu để phân biệt với các hành vi chuẩn bị phạm tội của một số tội phạm cụ thể khác. Nghiên cứu nội dung Bản án 151/2019/HS-ST ngày 17/05/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định cho thấy, việc xác định mục đích chiếm đoạt tài sản của đối tượng phạm tội được Hội đồng xét xử làm rõ thông qua lời khai nhận tội của đối tượng ngay tại phiên tòa

và phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Điều này cho thấy sự thận trọng, khách quan trong việc đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử, nhất là các chứng cứ trực tiếp, có giá trị quan trọng trong việc chứng minh tội phạm, từ đó áp dụng đúng các quy định của BLHS có liên quan.

Bên cạnh kết quả đạt được, thực tiễn định tội danh đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội vẫn còn một số hạn chế cần phải được khắc phục. Về phương diện lý luận và thực tiễn định tội danh đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội cho thấy việc phân biệt hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi khách quan của một tội phạm cụ thể không phải lúc nào cũng dễ dàng, có những trường hợp, các cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá chưa đúng về hành vi phạm tội đã xảy ra, dẫn đến sự nhầm lẫn giữa trường hợp chuẩn bị phạm tội với hành vi khách quan của tội phạm, từ đó áp dụng không đúng quy định của pháp luật, có trường hợp phải trả hồ sơ điều tra, xét xử lại.

*Trường hợp nhầm lẫn trong việc xác định hành vi chuẩn bị phạm tội giết người với hành vi khách quan của tội phạm*

*Nội dung vụ án*<sup>13</sup>: Do có mâu thuẫn trong chuyện vợ chồng nên chị Nguyễn Thị Tố L bỏ về nhà mẹ ruột là bà Nguyễn Thị N (Trú tại: Tổ 16, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng) để sống. Lương V nhiều lần liên lạc và đến nhà nói chuyện với chị L - vợ của Lương V, nhưng chị L không đồng ý quay về nhà. Ngày 05/10/2018, Lương V sử dụng mạng xã hội gọi điện thoại nói chuyện với chị L rồi đe dọa chị L “Mi mà không về nhà thì tao cho mi chết” và quay camera cho chị L thấy 02 (hai) quả mìn (loại mìn dùng để đánh cá) do V nhặt được trước đó nhưng chị L vẫn tỏ thái độ không sợ mà còn đòi ly hôn với Lương V. Đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 08/10/2018, sau khi uống rượu, do bức tức việc chị L bỏ nhà đi không chịu về, còn đòi ly hôn và nghi ngờ chị L ngoại tình nên Lương V nảy sinh ý định giết chị L, Lương V lấy 02 (hai) quả mìn cùng 01 (một) bật lửa ga giấu trong túi áo khoác, điều khiển xe mô tô BKS 43K9 - 7223 đi đến nhà bà N tìm chị L cho mìn phát nổ giết chị L. Khi V đến nhà bà N tìm chị L nhưng chị L không có ở nhà. Lương V gặp bà N, lúc này giữa V và bà N có to tiếng với nhau. Anh Nguyễn Thanh S (em vợ V) thấy vậy ra đuổi V về, S cầm cò áo kéo V đi ra ngoài đường. Khi ra đường kiệt số 67 T, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, S nhặt 01 (một) cục gạch và đe dọa đuổi Lương V về thì Lương V nói lại “Mi muốn chết không tao cho mi nổ”, nghi ngờ trong túi áo mà V đang mặc có vật liệu nổ nên S ôm giữ V và tri hô mọi

<sup>13</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 382/2019/HS-PT ngày 25/11/2019 về tội giết người.

người dân đến không chế V. S lục trong túi áo của V lấy được 01 (một) quả mìn, 01 (một) quả mìn còn lại bị rơi ra ngoài khi anh S và V giằng co. Sau đó, Công an phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng đến đưa V về trụ sở để làm việc.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng:* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2019/HS-ST ngày 21/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xác định bị cáo Lương V phạm tội “Giết người” và thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Ngày 03/9/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-P1, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng xử phạt bị cáo Lương V theo khoản 3 Điều 123 BLHS năm 2015 (trường hợp chuẩn bị phạm tội). Quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm như sau: “Về ý thức chủ quan của bị cáo: Bị cáo do bức tức chị L bỏ nhà ra đi mà không nói cho bị cáo biết đi đâu và bị cáo có nghi ngờ chị L ngoại tình vì vậy trước đó bị cáo có đe dọa chị L về việc nổ mìn nhưng chị L không về. Ngày 8/10/2018 bị cáo liền có ý nghĩ sẽ dùng mìn để tìm chị L tấn công. Và để thực hiện ý chí của mình bị cáo đã mang 02 quả mìn cùng bật lửa đến nhà bà N là mẹ chị L để tìm chị L. Do chị L không có nhà vì chị L đi uống cà phê cùng bạn, đồng thời bị anh S túm cổ áo và đuổi bị cáo ra khỏi nhà, nên bị cáo không thực hiện được hành vi dùng mìn để tấn công chị L, như ý thức ban đầu của bị cáo. Khi giằng co với anh S bị cáo cũng đe dọa anh S về việc cho mìn nổ, tuy nhiên bị cáo bị anh S cùng mọi người không chế do vậy không thực hiện được hành vi nổ mìn. Với ý thức chủ quan và hành vi khách quan của bị cáo như nhận định nêu trên, Bản án sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt là có căn cứ đúng pháp luật. Do vậy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng là không có căn cứ chấp nhận”.

*Phân tích, đánh giá:* Giữa các cơ quan tiến hành tố tụng có những quan điểm khác nhau trong việc xác định hành vi của người phạm tội có phải là chuẩn bị phạm tội hay là đã thực hiện hành vi khách quan của tội giết người. Trong vụ án trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã phân tích về ý thức chủ quan của người phạm tội khi thực hiện hành vi là có mục đích tước đoạt tính mạng người khác là có cơ sở, đã được làm rõ thông qua lời khai của người phạm tội và các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án; tuy nhiên, chúng tôi đồng ý với quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, cần xác định trường hợp này là chuẩn bị phạm tội, không phải là phạm tội chưa đạt, bởi vì lý do sau đây: Hành vi khách quan của tội giết người là tước đoạt tính mạng của người khác trái pháp luật, người phạm tội có thể thực hiện nhiều dạng hành vi khác nhau, trong đó có việc sử dụng vũ khí quân dụng (súng cầm tay, bom, mìn, lựu đạn...), khi người phạm tội bắt đầu có các hành vi sử dụng vũ khí quân dụng

với mục đích tước đoạt tính mạng người khác thì được coi là thực hiện hành vi khách quan của tội giết người (không còn là hành vi chuẩn bị phạm tội); tùy thuộc vào từng loại vũ khí, hành vi sử dụng sẽ khác nhau nhằm phát huy tác dụng của loại vũ khí đó, như: hành vi sử dụng súng quân dụng là lên đạn, bóp cò, hành vi sử dụng lựu đạn là rút chốt, giật nụ xùy...; tương tự, để phát huy tác dụng của mìn thì phải kích nổ, tùy theo từng loại mìn thì sẽ có các nguyên tắc kích nổ khác nhau, như: đè nổ, vướng nổ, cảm biến từ trường, cảm biến chấn động, hẹn giờ, kích nổ điện, đốt nổ bằng dây cháy chậm... Với tình tiết trong vụ án trên cho thấy, người phạm tội đã có hành vi chuẩn bị “02 quả mìn cùng bật lửa” với mục đích tước đoạt tính mạng người khác và theo kết luận giám định thì trên 02 quả mìn có dây cháy chậm, với những tình tiết đó cho thấy, để kích nổ 02 quả mìn này phải đốt dây cháy chậm; tuy nhiên, diễn biến của vụ án cho thấy, người phạm tội chưa thực hiện hành vi đốt dây cháy chậm của quả mìn (kích nổ mìn), nghĩa là chưa bắt đầu thực hiện hành vi khách quan của tội phạm, do đó không phù hợp với đặc điểm về hành vi của trường hợp phạm tội chưa đạt. Một số quan điểm cho rằng, người phạm tội đã có hành vi để mìn trong túi áo và nói “Mi muốn chết không tau cho mi nổ” chính là hành vi đi liền trước hành vi khách quan của tội giết người, nên cũng được coi là đã bắt đầu thực hiện tội phạm, phù hợp với đặc điểm của trường hợp phạm tội chưa đạt; về phương diện lý luận, hành vi đi liền trước hành vi khách quan của tội phạm là hành vi gắn liền với hành vi khách quan, không thể tách rời, không có khoảng cách về mặt thời gian với hành vi khách quan, nếu không có hành vi đi liền trước thì không thể thực hiện được hành vi khách quan; hành vi của người phạm tội trong trường hợp này không phải là bắt buộc phải có trước khi thực hiện hành vi kích nổ mìn, do đó không phải là dạng hành vi đi liền trước hành vi khách quan của tội phạm. Một vụ án tương tự mà chúng tôi đã phân tích, đánh giá (theo nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2017/HS-ST ngày 18/08/2017 về tội giết người (chuẩn bị phạm tội)), đối tượng phạm tội mới chỉ chuẩn bị mìn với mục đích tước đoạt tính mạng của người khác, cũng chưa có hành vi kích nổ mìn, các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ xác định là trường hợp chuẩn bị phạm tội.

*Trường hợp nhầm lẫn trong việc xác định hành vi chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với hành vi khách quan của tội phạm cụ thể khác*

*Nội dung vụ án<sup>14</sup>*: Vào lúc 19 giờ 00 ngày 23/7/2021, anh Huỳnh Thành O (chiến sỹ Cảnh sát cơ động thuộc K02E, Bộ Công an) đang thực hiện nhiệm vụ

<sup>14</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 144/2022/HS-PT ngày 19/05/2022 về tội cố ý gây thương tích (chuẩn bị phạm tội).

tại chốt kiểm soát phòng chống dịch Covid 19 ở chân cầu Tân Thuận 2, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện Nguyễn Thanh A điều khiển xe máy mang biển số 59H1-739.56 đi vào đường dẫn lên cầu Tân Thuận 2 hướng về Quận 4 (nhưng cấm xe máy). Anh O yêu cầu A dừng xe để kiểm tra và khai báo y tế. Trong lúc làm việc thì giữa A và anh O xảy ra cự cãi với nhau do anh O nhầm tưởng A chưa khai báo y tế mà đã bỏ đi. A điều khiển xe chạy về hướng Quận 4 nhưng trong lòng còn bực tức, nên sau đó điều khiển xe quay lại chốt kiểm soát, lấy trong cốp xe ra 01 con dao nhọn (loại dao Thái Lan dài khoảng 30cm, cán màu vàng) để đâm anh O. Khi A cầm dao đi đến gần chốt kiểm dịch thì anh O phát hiện. Anh O chạy vào trong chốt và hô hoán, rồi cùng một số đồng chí trong tổ công tác truy bắt A nhưng A điều khiển xe máy bỏ chạy nên bắt không được. Trên đường bỏ chạy, A đã vứt bỏ dao. Sau đó, A điều khiển xe máy về nơi làm việc của tại địa chỉ số 16 đường Phan Đình Giót, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, cất xe và đồ dùng cá nhân tại đây. Tuy nhiên, do vẫn còn bực tức nên A tiếp tục nuôi ý định đâm anh O. Để thực hiện ý định này, A lấy 01 dao Thái Lan cán vàng ở nơi làm việc của A. Sau đó, A nhờ người quen là ông Ứng Chí Bình chở đến chốt kiểm soát nơi anh O làm việc để đâm anh O. Tuy nhiên, A chỉ nói với ông Bình rằng chở A qua Quận 7 có công việc. Do vậy, ông Bình đã đồng ý và giao chiếc xe máy hiệu Luvias biển số 59-D2 454.51 cho A điều khiển chở ông Bình sang Quận 7. Khi gần đến chốt kiểm dịch, A dừng xe, giao xe cho ông Bình và bảo “đi đi”. Sau đó, A cầm dao bằng tay phải đi đến chỗ anh O đang đứng trực tại chốt kiểm soát dịch và đâm vào lưng anh O nhưng đâm trượt nên không gây thương tích cho anh O. Do bị mất thế nên A và anh O cùng té xuống đường. Lúc này, nhân viên Tổ công tác phòng chống Covid – 19 không chế, bắt giữ A giao cho Công an phường Tân Thuận Tây, Quận 7.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng:* Bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 27/12/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 truy tố Nguyễn Thanh A về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015 và Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2022/HS-ST ngày 03/3/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã xét xử Nguyễn Thanh A về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 6 Điều 134 BLHS năm 2015. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 144/2022/HS-PT ngày 19/05/2022, Hội đồng xét xử đã nhận định như sau: “*Với hành vi khách quan như đã nêu, Việc cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo về tội cố ý gây thương tích theo khoản 6 Điều 134 BLHS là không đúng pháp luật, sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Bởi lẽ, khoản 6 Điều 134 BLHS chỉ được áp dụng đối*

với trường hợp chuẩn bị phạm tội. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng không thực hiện được đến cùng do nguyên nhân ngoài ý muốn của bị cáo. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có dấu hiệu cho thấy bị cáo đã phạm tội chống người thi hành công vụ quy định tại Điều 330 BLHS”. Sau đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2022/HS-ST ngày 03/3/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, xét xử lại theo trình tự sơ thẩm với thành phần Hội đồng xét xử khác.

*Phân tích, đánh giá:* Với nội dung vụ án đã được làm rõ trên cho thấy, đối tượng đã dùng dao “đâm vào lưng anh O nhưng đâm trượt”, rõ ràng người phạm tội đã thực hiện hành vi khách quan của tội phạm, hành vi dùng dao đâm người khác, không còn là hành vi chuẩn bị phạm tội, do đó quyết định của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm là có căn cứ. Sai sót nghiêm trọng của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm dẫn đến việc hủy bản án và điều tra lại trong trường hợp này xuất phát từ việc chưa đánh giá đúng tính chất của hành vi phạm tội, nhầm lẫn trong việc phân biệt giữa hành vi chuẩn bị phạm tội với hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích, dẫn đến áp dụng không đúng các quy định của BLHS. Sai sót dạng này trong thực tiễn xảy ra không nhiều, song có ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng, cũng như hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội.

Không chỉ là đối với tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác như các trường hợp nêu trên, đối với một số tội phạm khác việc phân biệt giữa hành vi chuẩn bị phạm tội hay hành vi khách quan của tội phạm trong một số trường hợp cũng đang có sự nhầm lẫn. Ví dụ:

*Nội dung vụ án<sup>15</sup>:* Vào khoảng 18 giờ ngày 28/11/2017, Trần Mạnh H điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Xmas, biển số 90F6-27XX đi từ huyện L về huyện T, tỉnh ĐN để xin việc làm. Khi đi ngang qua nhà ông Trần Thanh D, Hùng nhìn thấy 02 con gái của ông D là cháu Trần Hoàng L, sinh ngày 19/6/200X và cháu Trần Bảo N sinh ngày 03/8/201X đang chơi ở trước nhà, nên H nảy sinh ý định bắt cóc 01 trong 02 đứa con của ông D để đe dọa và yêu cầu ông D đưa tiền chuộc. Trong các ngày 28 và 29/11/2017, H đã hai lần đến trước nhà của ông D; để quan sát và lên kế hoạch thực hiện việc bắt cóc con ông D. Sau khi quan sát, thấy trước nhà ông D có nuôi 01 con chó, nhà có hàng rào lưới B40; nên H đã mua 01 bịch thuốc bả chó (làm bằng hạt mã tiền già nhỏ), 01 cái

<sup>15</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 63/2018/HS-ST ngày 08/10/2018 về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (phạm tội chưa đạt).

kìm sửa xe, 01 cái tuốc nơ vít, 01 cuộn băng keo màu trắng, 01 đôi găng tay bằng vải màu trắng hồng, 01 cái võng bằng vải dù màu xanh và 02 sợi dây cao su dài khoảng 02 mét để sử dụng làm công cụ phạm tội mang về phòng trọ cất giấu. Đến khoảng 21 giờ ngày 30/11/2017, H điều khiển xe mô tô nêu trên, mang theo các công cụ đã chuẩn bị trước, đi từ phòng trọ của H tại ấp L, xã T, huyện T đến khu rẫy điều vắng người, cách nhà ông D khoảng 100 mét. Tại đây, H giấu xe mô tô vào trong vườn điều, dùng bút bi mực màu đen viết lên 01 tờ giấy khổ A4 với nội dung gửi gia đình ông D thông báo là mình đã bắt cóc con gái của ông D và đe dọa, yêu cầu ông D phải nộp số tiền 200.000.000 đồng thì mới được nhận lại con. Viết xong, H cất tờ giấy này trong túi quần đi bộ đến trước nhà ông D ném bả chó vào sân rồi quay lại rẫy điều, mắc võng nằm ngủ, đợi đến gần sáng khi con chó của ông D chết thì đột nhập vào nhà. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 01/12/2017, H mang theo các công cụ đã chuẩn bị sẵn gồm: 01 cái kìm, 01 cái tuốc nơ vít, 01 cuộn băng keo, 01 đôi găng tay và 02 sợi dây cao su; đi bộ đến cổng nhà ông D, dùng kìm cắt hàng rào (bằng lưới thép B40) và đi vào sân; sau đó, dùng tuốc nơ vít cạy cửa trước nhưng không được. H đi ra cửa sau nhà, thấy có 01 khoảng trống giữa chân cánh cửa và nền nhà kích thước 20cm x 25cm, H chui qua khoảng trống này, định đột nhập vào nhà thì bị ông D phát hiện và tri hô cùng người dân bắt quả tang.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng:* Bản cáo trạng số 617/CT-VKS-P2 ngày 29/6/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, cũng như Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2018/HS-ST ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đều xác định hành vi của Trần Mạnh H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Hội đồng xét xử đã nhận định: Trần Mạnh H đã có hành vi chuẩn bị phương tiện, công cụ và đột nhập vào nhà ông Trần Thanh D để nhằm bắt cóc một trong hai đứa con gái của anh D là cháu Trần Hoàng L, sinh ngày 19/6/20XX và cháu Trần Bảo N, sinh ngày 03/8/20XX làm con tin; nhằm đe dọa để buộc ông D phải đưa cho H số tiền 200.000.000 đồng. Trong khi bị cáo đang định đột nhập vào nhà anh D, thì bị phát hiện và bắt quả tang.

*Phân tích, đánh giá:* Việc các cơ quan tiến hành tố tụng xác định Trần Mạnh H phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, theo chúng tôi là chưa thực sự chính xác. Xem xét hành vi phạm tội của H cho thấy: Với mục đích bắt cóc một trong hai đứa con của ông Trần Thanh D để đe dọa và yêu cầu ông D đưa tiền chuộc. H đã hai lần đến trước nhà của ông D, quan sát và lên kế hoạch thực hiện việc bắt cóc con ông D; chuẩn bị công cụ phạm tội (01 bịch thuốc bả chó (làm bằng hạt mã tiền giã nhỏ), 01 cái kìm sửa xe, 01 cái tuốc nơ vít, 01

cuộn băng keo màu trắng...); loại trừ trở ngại khách quan để thuận lợi cho việc phạm tội (ném bả chó vào sân rồi quay lại rẫy điều, mắc võng nằm ngủ, đợi đến gần sáng khi con chó của ông D chết thì đột nhập vào nhà); khi H đang đột nhập vào nhà ông D thì bị phát hiện và bắt quả tang. Đây chưa phải là hành vi khách quan của tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; hành vi khách quan của tội phạm là hành vi bắt, giữ, giam người khác làm con tin nhằm buộc người khác phải đưa tài sản cho mình; trường hợp này người phạm tội chưa thực hiện hành vi bắt, giữ, giam người khác, mới chỉ chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm thì bị phát hiện, bắt giữ. Do đó, chúng tôi cho rằng hành vi của H mới chỉ là chuẩn bị phạm tội.

Bên cạnh nhầm lẫn trong việc xác định hành vi chuẩn bị phạm tội với hành vi khách quan của tội phạm như các ví dụ đã phân tích, thực tiễn định tội danh đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội của các cơ quan tiến hành tố tụng còn cho thấy có những khó khăn, vướng mắc về mặt pháp lý khi định tội danh độc lập đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong trường hợp người phạm tội chuẩn bị các loại vũ khí tự chế để thực hiện tội phạm thì dừng lại. Có thể thấy rõ vấn đề này qua nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2017/HS-ST ngày 18/08/2017 về tội giết người (chuẩn bị phạm tội) và Bản án hình sự phúc thẩm số 382/2019/HS-PT ngày 25/11/2019 về tội giết người mà chúng tôi đã phân tích, đánh giá. Qua nội dung hai vụ án này cho thấy, người phạm tội đã tự chế mìn với mục đích tước đoạt tính mạng của người khác nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng không đặt ra vấn đề xử lý trách nhiệm hình sự đối với hành vi chế tạo, tàng trữ mìn tự chế của người phạm tội. Vấn đề này là do các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đang có hiệu lực vào thời điểm hành vi phạm tội xảy ra chưa xác định các loại vũ khí tự chế có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng cũng được coi là vũ khí quân dụng, trong đó có mìn tự chế, như: Pháp lệnh Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2011 (văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực thi hành vào thời điểm hành vi phạm tội theo nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2017/HS-ST ngày 18/08/2017 về tội giết người (chuẩn bị phạm tội) xảy ra) và Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (chưa được sửa đổi, bổ sung) (văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực thi hành vào thời điểm hành vi phạm tội theo nội dung Bản án hình sự phúc thẩm số 382/2019/HS-PT ngày 25/11/2019 về tội giết người xảy ra). Hiện nay, vấn đề này đã được quy định trong Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ vào năm 2019, tạo cơ sở pháp lý cho việc xử lý trách nhiệm hình sự về tội độc lập đối với người chuẩn bị các loại vũ khí này với

mục đích thực hiện một tội phạm cụ thể.

## **2. Phạm tội chưa đạt**

### ***a. Xác định tội danh và khung hình phạt***

So với trường hợp chuẩn bị phạm tội, việc áp dụng các quy định của BLHS năm 2015, cũng như lý luận về phạm tội chưa đạt để định tội danh đối với hành vi phạm tội xảy ra trong thực tiễn phổ biến hơn. Ở giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự, khi có sự việc phạm tội xảy ra, cơ quan điều tra đã tiến hành đồng bộ các biện pháp để thu thập chứng cứ chứng minh về hành vi phạm tội, hậu quả thiệt hại xảy ra, lỗi, động cơ, mục đích phạm tội, các vấn đề liên quan đến độ tuổi, năng lực trách nhiệm hình sự của đối tượng phạm tội, cũng như nguyên nhân tội phạm không được thực hiện đến cùng ...; phân tích, đánh giá để xác định hành vi phạm tội xảy ra thuộc hành vi khách quan của tội phạm cụ thể nào, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt hay tội phạm hoàn thành để ra các quyết định tố tụng hình sự được chính xác. Kết quả chứng minh của cơ quan điều tra sẽ được đánh giá, xem xét một cách toàn diện, khách quan ở giai đoạn truy tố và xét xử, nhằm đảm bảo việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội chưa đạt đúng quy định của pháp luật. Thực tiễn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với trường hợp phạm tội chưa đạt thường áp dụng đối với một số tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội xâm phạm sở hữu và một số tội phạm khác.

Về phương diện lý luận, để khẳng định hành vi phạm tội được thực hiện có thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt hay không, đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định được hành vi phạm tội là hành vi khách quan của tội phạm cụ thể nào, tội phạm đó là cấu thành tội phạm vật chất hay cấu thành tội phạm hình thức; bởi vì, đối với tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp thường có trường hợp phạm tội chưa đạt, còn đối với tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức thường không xảy ra trường hợp phạm tội chưa đạt; đây là phương pháp suy luận ngược trong định tội danh (từ tội danh xác định hành vi phạm tội chưa đạt, không phải từ hành vi phạm tội chưa đạt để xác định tội danh). Thực tiễn định tội danh đối với trường hợp phạm tội chưa đạt cho thấy, về cơ bản các cơ quan tiến hành tố tụng, nhất là ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự đã sử dụng tốt phương pháp này, từ hành vi khách quan của tội phạm (lúc này chưa khẳng định hành vi phạm tội có thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt hay không) kết hợp với các dấu hiệu khác để xác định tội danh, điểm, khoản và điều được áp dụng đối với người phạm tội; ở giai đoạn truy tố, xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ xem xét, đánh giá lại về tội danh

mà cơ quan điều tra đã khởi tố dựa trên chứng cứ thu thập được, từ đó xác định có thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt hay không và áp dụng các quy định của BLHS có liên quan để truy tố, xét xử đối với người phạm tội. Nghiên cứu các vụ án có áp dụng quy định của BLHS về trường hợp phạm tội chưa đạt, các cơ quan tiến hành tố tụng đã thu thập, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ chứng minh về hành vi phạm tội chưa đạt và người phạm tội; xử lý đúng người, đúng tội danh, đúng khung hình phạt; việc xác định, đánh giá các hành vi liên quan đến tội phạm mà người phạm tội thực hiện chưa đạt có đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập khác hay không cũng được các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét kỹ càng, đảm bảo xác định tội danh đầy đủ, không bỏ lọt tội phạm. Đây là căn cứ quan trọng cho việc quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm tội chưa đạt được chính xác, khách quan, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

*Thứ nhất, xác định tội danh và khung hình phạt đối với các tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp trong trường hợp phạm tội chưa đạt*

Đối với các tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp như tội giết người, tội cướp giật tài sản, tội trộm cắp tài sản, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản... dấu hiệu hậu quả thiệt hại xảy ra có ý nghĩa quan trọng đối với việc xác định tội phạm được thực hiện thuộc trường hợp nào. Thực tiễn định tội danh đối với trường hợp phạm tội chưa đạt cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng đều đánh giá đúng tính chất của hành vi, dựa trên hậu quả có xảy ra hay chưa, đến mức độ nào, có thỏa mãn dấu hiệu hậu quả trong cấu thành tội phạm cụ thể đó hay không để xác định trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Về cơ bản, các cơ quan tiến hành tố tụng đã có sự nhận thức đúng về cấu thành tội phạm của các tội phạm cụ thể, phân biệt được hậu quả thực tế xảy ra với hậu quả là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm, từ đó áp dụng đúng các quy định của BLHS, cũng như lý luận về phạm tội chưa đạt trong việc xác định tội danh, khung hình phạt đối với các tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Điển hình như các ví dụ sau đây:

*Xác định đúng tội danh, khung hình phạt và truy cứu trách nhiệm về tội phạm độc lập đối với tội giết người thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt*

*Nội dung vụ án<sup>16</sup>: Khoảng 13 giờ 15 phút, ngày 17/3/2020 Nguyễn Xuân T (sinh năm 1983), tạm trú tại thôn X, thị trấn P, nhờ Phạm Văn H làm nghề lái*

---

<sup>16</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 368/2021/HS-PT ngày 27/09/2021 về tội giết người (phạm tội chưa đạt) và tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

xe dịch vụ dùng xe ô tô màu trắng BKS 73 A- 087.87, nhãn hiệu FORD ECOSPORT chở T đến nhà anh Nguyễn Đình Đ tại Quảng Bình để đòi nợ. Khi đến nơi, H và T xuống xe thấy anh Đ cùng vợ con đang ở trước sân nhà; H nhận ra người quen nên đi vào nằm trên phản gỗ chơi điện thoại, còn T ngồi ở bàn uống nước để ở sân có mái che nói chuyện và yêu cầu Đ trả tiền nợ trước đó nhưng Đ nói không có. Lời qua tiếng lại dẫn đến hai bên cãi nhau; T nói với Đ “Không trả thì ngồi ở đây không về”. Đ nhặt 01 cây dao bầu dài 43 cm đang để ở trong sân cầm trên tay trái, tay phải chỉ mặt dọa chém để đuổi T ra khỏi sân nhà. Thấy vậy, T lùi ra gần cổng, cách Đ khoảng 1,5m trong tư thế đứng đối diện, T dùng tay phải lấy khẩu súng giấu sẵn trong túi áo khoác bắn 01 phát về phía người của Đ, viên đạn trúng vào cổ trước của Đ. Sau khi bắn Đ, T chạy ra đường Hồ Chí Minh, Đ cầm dao đuổi ra giữa đường và ném dao về phía T nhưng không trúng. Đ quay vào nhà thì gục xuống ngay tại cổng, máu chảy ra nhiều. T quay lại nhặt cây dao Đ vừa ném rồi bỏ chạy về hướng Phong Nha khoảng 200 mét rồi tháo giày để lại trên đường và chạy vào khu vực rừng thuộc xã Phúc Trạch, ném cây dao bầu ở trong bãi ngô. Sau đó, T ném khẩu súng gây án cùng 01 viên đạn chưa sử dụng vào lề đường liên thôn, thuộc thôn 4 Phúc Đ cách nhà anh Đ khoảng 150 mét về phía Tây. Ngày 09/12/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm và thu giữ 01 súng tự tạo kiểu súng bút, bắn đạn cỡ 5,6mm tại nơi T ném. Về hậu quả, tại bản kết luận giám định pháp y số 93-20/TgT ngày 08/4/2020 của Trung tâm giám định Y khoa-Pháp y tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể 20%, vết thương do hỏa khí tầm gần, đầu vào tại vùng cổ trái từ trái sang phải, từ trước ra sau, từ trên xuống dưới tạo thành một đường hàm tổn thương, điểm cuối dị vật là kim loại nằm trong nhu mô đỉnh phổi trái, vết thương cổ ăn sâu vào lồng ngực gây tổn thương mạch máu lớn vùng cổ và phổi - màng phổi. Tính chất thương tích là rất nguy hiểm đến tính mạng. Tại bản kết luận số 1388/GĐ-PC09 ngày 21/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, kết luận: 01 khẩu súng được giám định là súng tự tạo kiểu súng bút, bắn đạn cỡ 5,6mm thuộc vũ khí quân dụng. Về nguồn gốc khẩu súng, Nguyễn Xuân T khai cuối năm 2017 T được một đối tượng có tên là Công, không rõ địa chỉ, ở thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh cho 01 khẩu súng bút và 02 viên đạn, T đưa về nhà cất giấu.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng:* Các cơ quan tiến hành tố tụng hai cấp xét xử đều thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 123, Điều 57 BLHS năm 2015 đối với Nguyễn Xuân T. Ngoài ra, các cơ quan tiến hành tố tụng căn cứ vào kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền để khẳng định vũ khí bị cáo sử dụng là vũ khí quân dụng và áp dụng khoản 1 Điều 304 BLHS năm 2015 để

xử phạt bị cáo về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

*Phân tích, đánh giá:* Các cơ quan tiến hành tố tụng đã xác định Nguyễn Xuân T phạm tội “Giết người” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại khoản 2 Điều 123 là có căn cứ, đúng quy định, phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội (hành vi tước đoạt tính mạng người khác trái pháp luật) và hậu quả thực tế xảy ra (nạn nhân chỉ bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 20%), hậu quả này nằm ngoài ý muốn chủ quan của đối tượng phạm tội. Việc xử lý trách nhiệm hình sự đối với đối tượng về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, thể hiện tính khách quan, toàn diện khi định tội danh đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, tránh bỏ lọt tội phạm; mặc dù vào thời điểm hành vi phạm tội xảy ra, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐTP ngày 09/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 304, Điều 305, Điều 306, Điều 307 và Điều 308 của BLHS chưa được ban hành, song các cơ quan tiến hành tố tụng đã vận dụng đúng tinh thần Thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 07/01/1995 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ hướng dẫn áp dụng điều 95, điều 96 BLHS, trong đó có nội dung hướng dẫn liên quan đến việc định tội danh đối với hành vi sử dụng trái phép vũ khí quân dụng để thực hiện tội phạm đối với trường hợp này.

*Xác định đúng tội danh, khung hình phạt đối với tội cướp giật tài sản thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt*

*Nội dung vụ án*<sup>17</sup>: Võ Hoàng Ph (sinh năm 1994) không có tiền trả nợ nên nảy sinh ý định cướp giật tài sản của người khác để bán lấy tiền trả nợ. Vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 28/4/2020, Ph điều khiển xe gắn máy màu xanh trắng hiệu Yamaha, loại Exciter biển số 59K1- 185.55 lưu thông từ nhà đến giao lộ tỉnh lộ 8 và đường Phạm Hữu Tâm thuộc thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thì nhìn thấy bà Lê Thị Kim L điều khiển xe gắn máy màu xanh trắng, hiệu Yamaha, loại Exciter biển số 74F1- 105.09 rẽ trái vào đường Phạm Hữu Tâm, trên cổ của bà L có đeo sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng. Lúc này, Ph điều khiển xe chạy bám theo sau trên đường Phạm Hữu Tâm. Khi đến trước nhà số 85A, đường Phạm Hữu Tâm, khu phố 3, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nhìn thấy đường vắng người, Ph vượt lên áp sát bên trái bà L, dùng tay trái để giật sợi dây chuyền trên cổ của bà L nhưng vừa chạm vào vai của bà L thì do phản xạ, bà L dùng tay phải giữ lại được sợi dây chuyền nên Ph không giật được. Ph thả tay côn bên trái làm xe giật

<sup>17</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 46/2022/HS-ST ngày 08/04/2022 về tội cướp giật tài sản (phạm tội chưa đạt).

và ngã xuống đường, Ph bị xây sát hai tay và bỏ xe chạy bộ đến đường Nguyễn Thị Rư thì Ph được một người thanh niên (chưa rõ lai lịch) điều khiển xe màu đỏ đen, hiệu Vision cho Ph đi nhờ xe về, rồi Ph bỏ trốn. Cùng ngày, bà L đến Công an thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi trình bày vụ việc và chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi thụ lý theo thẩm quyền. Đến ngày 21/9/2021, Cơ quan Công an huyện Củ Chi phối hợp với Công an xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi phát hiện Võ Hoàng Ph đang ở nhà tại ấp Tân Định, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi nên đã mời về trụ sở làm việc và Ph đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 141/KL-HĐĐGTS ngày 27/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng chất liệu hợp kim đồng, dài 50cm, tài sản thu hồi được, trị giá 252.000 đồng.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng:* Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 10/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố Võ Hoàng Ph về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS năm 2015 (áp dụng dấu hiệu định khung “dùng thủ đoạn nguy hiểm”); Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử bổ sung áp dụng khoản 3 Điều 57 của BLHS năm 2015 đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã thực hành vi cướp giật tài sản là sợi dây chuyền của bị hại, tuy nhiên khi vừa chạm vào vai của bị hại thì do phản xạ bị hại nắm lại được sợi dây chuyền; như vậy, mục đích chiếm đoạt sợi dây chuyền của bị cáo chưa đạt được là do bị hại phản kháng lại; do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị bổ sung áp dụng khoản 3 Điều 57 BLHS năm 2015 (phạm tội chưa đạt) đối với bị cáo để áp dụng hình phạt tù không quá 3/4 mức phạt tù mà điều luật quy định cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi áp dụng khoản 3 Điều 57 BLHS năm 2015 để xem xét cho bị cáo.

*Phân tích, đánh giá:* Quan điểm về tội danh, khung hình phạt và trường hợp phạm tội chưa đạt của các cơ quan tiến hành tố tụng là chính xác, có căn cứ và đúng pháp luật. Đối với tội cướp giật tài sản, hậu quả của tội phạm xảy ra (chiếm đoạt được tài sản) thường gắn liền với hành vi khách quan của tội phạm (giành, giật tài sản), không có ranh giới, khoảng cách về mặt thời gian rõ ràng để phân biệt giữa hành vi và hậu quả của tội phạm như tội giết người, tội trộm cắp tài sản hay tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; thông thường đối với tội cướp giật tài sản, khi người phạm tội thực hiện hành vi khách quan của tội phạm thì hậu quả của tội phạm cũng xảy ra và thuộc trường hợp tội phạm hoàn thành, tuy nhiên, thực tế vẫn có trường hợp người phạm tội đã bắt đầu thực hiện hành vi khách

quan của tội cướp giật tài sản nhưng chưa giành, giật được tài sản vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội; đối với trường hợp này cơ quan tiến hành tố tụng cần nhận thức đúng về dấu hiệu pháp lý của tội cướp giật tài sản, nhất là thời điểm được coi là chiếm đoạt được tài sản của tội phạm, từ đó đánh giá đúng hậu quả xảy ra để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Các quyết định về tội danh và khung hình phạt đối với người phạm tội trong vụ án cướp giật tài sản nêu trên của các cơ quan tiến hành tố tụng đã phản ánh được vấn đề trên.

*Xác định đúng tội danh, khung hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt*

*Nội dung vụ án*<sup>18</sup>: Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 13/01/2020 Nguyễn Hữu N (sinh năm 2000) cùng đối tượng tên Hậu (tên gọi khác là Mập, chưa rõ nhân thân, lai lịch) rủ nhau đi chiếm đoạt tài sản tại các phòng trọ vắng người. Khi đi, Hậu điều khiển xe mô tô biển số 75E1- 274xx chở N; N đem theo 01 cây đoản bằng kim loại hình chữ T; 03 mũi đoản bằng kim loại được mài đẹp một đầu; 01 cây tua vít bằng kim loại có cán bằng nhựa, dài 25cm; 01 viên nam châm; 01 viên đá mài là dụng cụ để phá khóa. Đối tượng Mập điều khiển xe chở N đến khu nhà trọ địa chỉ 150B/2, khu phố 1B, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương rồi dừng xe bên ngoài cảnh giới để Nghĩa đi bộ vào trong tìm tài sản lấy trộm. Tại đây, N phát hiện phòng trọ số 12 của bà Cao Thị KH có khóa cửa bên ngoài nên sử dụng cây tua vít đem theo sẵn mở ổ khóa cửa vào bên trong phòng phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển số 61B1 – 101xx. Chiếc xe này của ông Nguyễn Viết T gửi nhờ tại phòng trọ của bà KH đang dựng trong phòng trọ. Lúc này, N lấy cây tua vít đem theo cạy mở ổ khóa xe mô tô biển số 61B1 – 101xx nhưng chưa lấy được xe thì bị bà Nguyễn Thị L phát hiện, khóa cửa bên ngoài của phòng trọ số 12 nên N không ra ngoài được, đồng thời bà L báo Công an phường An Phú, riêng đối tượng Mập điều khiển xe bỏ chạy thoát. Công an phường An Phú lập hồ sơ và biên bản bắt người phạm tội quả tang, sau đó bàn giao đối tượng, vật chứng đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An xử lý. Tại kết luận định giá tài sản ngày 14/01/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Thuận An kết luận: 01 xe mô tô biển số 61B1-101.64 nhãn hiệu Honda loại Wave RSX, màu đỏ đen có trị giá 9.000.000 đồng.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng*: Hội đồng xét xử đã nhận định Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An truy tố bị cáo về

---

<sup>18</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 179/2022/HS-ST ngày 30/06/2022 về tội trộm cắp tài sản (phạm tội chưa đạt).

tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không oan sai đối với bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản là do sự cảnh giác của bà L; bà L phát hiện, dùng khóa để khóa cửa ngoài căn phòng trọ, nhốt bị cáo trong phòng và báo Công an phường An Phú nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại các điều 15, 57 của BLHS năm 2015.

*Phân tích, đánh giá:* Đối với tội trộm cắp tài sản, việc người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản hay chưa là yếu tố quan trọng để xác định tội phạm hoàn thành hay phạm tội chưa đạt. Dưới góc độ lý luận, để xác định người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản hay chưa đối với tội trộm cắp tài sản cần phải căn cứ vào đặc điểm của từng loại tài sản, đặc điểm của phạm vi quản lý đối với tài sản đó, nếu là tài sản nhỏ gọn, dễ cất giấu, chỉ cần người phạm tội cất giấu được tài sản (cất trong cốp xe, trong người...) thì tội phạm được xác định là hoàn thành; đối với tài sản to lớn, cồng kềnh thì người phạm tội phải đưa được tài sản ra khỏi khu vực quản lý của tài sản đó thì tội phạm mới được xác định là hoàn thành. Trong vụ án nêu trên, với mục đích chiếm đoạt tài sản, Nguyễn Hữu N đã đột nhập vào phòng trọ của bà Cao Thị KH, dùng cây tua vít đem theo cạy mở ổ khóa xe mô tô biển số 61B1 – 101xx nhưng chưa đưa được xe ra khỏi phòng trọ (khu vực quản lý tài sản) thì bị phát hiện, bắt giữ. Trường hợp này, mặc dù người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản nhưng tài sản mà người phạm tội hướng tới là chiếc xe mô tô có trị giá 9.000.000 đồng (theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Thuận An), nên các cơ quan tiến hành tố tụng xác định đối tượng phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 và thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt là có căn cứ, phù hợp với dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản. Các cơ quan tiến hành tố tụng đã đánh giá đúng hành vi khách quan của tội phạm, mục đích phạm tội, tài sản mà đối tượng định chiếm đoạt và nguyên nhân dẫn đến việc người phạm tội không thực hiện tội phạm được đến cùng để xác định chính xác tội danh, khung hình phạt và áp dụng đúng các quy định về phạm tội chưa đạt.

*Xác định đúng tội danh, khung hình phạt đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt*

*Nội dung vụ án 1<sup>19</sup>:* Do không có tiền tiêu xài, Nguyễn Anh Q nảy sinh ý định đi tìm bãi giữ xe và vào gửi xe mục đích tráo biển số để chiếm đoạt xe của người khác. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/01/2020, Nguyễn Anh Q chuẩn bị

---

<sup>19</sup> Phụ lục 1: Bản án 473/2020/HS-PT ngày 14/09/2020 về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (phạm tội chưa đạt).

các dụng cụ để bẻ ổ khóa xe mô tô và 02 biển số giả 59S2 – 801.35, 59T2-176.35 rồi bỏ tất cả vào túi đeo trên người, Nguyễn Anh Q điều khiển xe mô tô biển số 51N5 - 1837 đi từ khu vực quận Tân Phú đến cách Trung tâm thương mại Vicom; địa chỉ: 216 Võ Văn Ngân, Khu phố 2, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 20 met thì dừng xe lại và lấy biển số giả 59S2 – 801.35 dán chồng lên biển số 51N1-1837 rồi chạy xe vào tầng hầm khu vực gửi xe của Trung tâm thương mại Vincom. Quan sát phát hiện xe mô tô biển số 61D1-792.63 của anh Hoàng Quốc V đã lấy chìa khóa ra khỏi ổ cắm, xung quanh thấy vắng người nên Nguyễn Anh Q dùng chìa khóa mang theo mở được ổ khóa và lấy biển số giả 59S2-801.35 dán chồng lên biển số 61Na-792.63, khi điều khiển xe mô tô chạy đến chỗ kiểm soát thẻ xe thì bị Nguyễn Ngọc A là nhân viên giữ xe nghi vấn xe không đúng với thẻ xe nên không chế bắt giữ người và tang vật, bàn giao Công an phường Bình Thọ xử lý. Tại bản kết luận định giá tài sản số 95 ngày 17/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Thủ Đức, kết luận: xe mô tô hiệu Click biển số: 61D1-792.63 có trị giá: 36.000.000 đồng.

*Nội dung vụ án 2<sup>20</sup>*: Từ năm 2021, do không có tiền trả nợ nên thông qua ứng dụng Zalo, Nguyễn Văn M đã thuê người làm giả 01 Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) với giá 10.000.000 đồng mục đích để lừa đảo chiếm đoạt tài sản (các thông tin trên Giấy CNQSDĐ giả do M tự nghĩ ra và cung cấp cho người được thuê). Sau khi nhận được Giấy CNQSDĐ giả số CH765586 mang tên Nguyễn Văn M, ngày 20/9/2021 M đã sử dụng Giấy CNQSDĐ giả này để lừa anh Nguyễn Đức L làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh L để chiếm đoạt của anh L số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì M đã bị cán bộ địa chính của UBND xã KhK, huyện ĐT phát hiện Giấy CNQSDĐ số CH765586 của M là giả và anh L cũng không đưa tiền cho M.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng*: Trong hai vụ án nêu trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã xác định các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản nên phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Ngoài ra trong vụ án thứ 2, các cơ quan tiến hành tố tụng còn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 141 BLHS năm 2015.

*Phân tích, đánh giá*: Trong hai vụ án nêu trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã xác định các đối tượng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và thuộc

---

<sup>20</sup> Phụ lục 1: Bản án 102/2022/HS-PT ngày 29/09/2022 về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (phạm tội chưa đạt) và làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

trường hợp phạm tội chưa đạt là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và diễn biến của tội phạm xảy ra trong thực tiễn. Trường hợp này, các đối tượng đã thực hiện hành vi khách quan của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (thủ đoạn gian dối) nhưng bị hại chưa trao tài sản cho các đối tượng do bị phát hiện. Hành vi này phù hợp với đặc điểm của trường hợp phạm tội chưa đạt quy định tại Điều 15 BLHS năm 2015 (cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội) và cấu thành tội phạm của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất, nạn nhân tin và trao tài sản cho người phạm tội thì tội phạm được coi là hoàn thành). Các cơ quan tiến hành tố tụng căn cứ vào trị giá tài sản mà người phạm tội hưởng tới để xác định khung hình phạt là có cơ sở (trong vụ án 1, tài sản mà người phạm tội hưởng tới là chiếc xe mô tô hiệu Click có trị giá 36.000.000 đồng nên bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 174 BLHS năm 2015; trong vụ án 2, người phạm tội có mục đích chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của nạn nhân nên bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS năm 2015). Ngoài ra trong vụ án thứ 2, căn cứ vào hành vi thuê người làm giả 01 Giấy CNQSDĐ với mục đích để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cũng như các chứng cứ đã được làm rõ trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, việc các cơ quan tiến hành tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội về tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức theo khoản 1 Điều 141 BLHS năm 2015 là có cơ sở, đảm bảo yêu cầu khách quan, toàn diện, tránh bỏ lọt tội phạm trong quá trình định tội danh đối với trường hợp phạm tội chưa đạt. Tuy nhiên, nghiên cứu quá trình xét xử hai vụ án trên cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đều không áp dụng quy định về trường hợp phạm tội chưa đạt để xử lý trách nhiệm hình sự là có thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật, gây bất lợi cho bị cáo, dẫn đến kháng cáo, kháng nghị bản án sơ thẩm.

*Thứ hai, xác định tội danh và khung hình phạt đối với các tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức trong trường hợp phạm tội chưa đạt*

Khác với tội phạm có cấu thành tội phạm vật chất, đối với tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức, dấu hiệu hậu quả xảy ra không phải là căn cứ để xác định tội phạm đã được thực hiện có thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt hay không, bởi vì dấu hiệu hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc để định tội của cấu thành tội phạm loại này. Việc đánh giá về hành vi khách quan mà người phạm tội đã thực hiện là dấu hiệu quan trọng, mang tính quyết định đối với trường hợp này; nếu hành vi phạm tội mà người phạm tội đã thực hiện thỏa mãn dấu hiệu hành vi khách quan được mô tả trong cấu thành tội phạm của một tội

phạm cụ thể thì thuộc trường hợp tội phạm hoàn thành; trường hợp hành vi đó chỉ mới phản ánh một phần hành vi khách quan của tội phạm thì mới có thể xem xét xử lý trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Quá trình xác định tội danh và khung hình phạt đối với các tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức, các cơ quan tiến hành tố tụng cần có sự đánh giá một cách khách quan, toàn diện về hành vi mà người phạm tội đã thực hiện trên thực tế, kết hợp với ý thức chủ quan của người phạm tội để xem xét có thỏa mãn dấu hiệu hành vi khách quan của tội phạm đó hay chưa, từ đó xác định có phải là trường hợp phạm tội chưa đạt hay không. Nghiên cứu thực tiễn xác định tội danh và khung hình phạt đối với các tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng đã đảm bảo được các yêu cầu này. Cụ thể:

*Xác định đúng tội danh, khung hình phạt đối với tội hiếp dâm thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt*

*Nội dung vụ án*<sup>21</sup>: Ngày 17/9/2020 tại khu phố Suối Tre, thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Dương Văn T (sinh năm 1983) đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm đe dọa chị Thái Thị T1 (sinh năm 1980) để thực hiện hành vi hiếp dâm nhưng chưa thực hiện được, sau đó T đã chiếm đoạt 09 vòng vàng của chị T1 trị giá 19.530.000 đồng rồi tẩu thoát. Đến ngày 23/12/2020 tại khu phố 1, thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, T tiếp tục có hành vi dùng vũ lực đe dọa chị Nguyễn Thị Hồng L (sinh năm 1984) để thực hiện hành vi hiếp dâm nhưng cũng chưa thực hiện được, sau đó T chiếm đoạt của chị L 01 vòng đeo tay và 01 điện thoại đi động có tổng giá trị là 5.000.000 đồng rồi bỏ trốn thì bị phát hiện bắt giữ.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng*: Hội đồng xét xử nhận định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm” (chưa đạt) theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 141 của BLHS năm 2015 và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của BLHS năm 2015 và Cáo trạng số 35/CT - VKS - BTU ngày 17/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

*Phân tích, đánh giá*: Hành vi khách quan của tội hiếp dâm bao gồm 02 dạng: Dạng hành vi thứ nhất bao gồm hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác và dạng hành vi thứ hai là giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân; người phạm tội thực hiện một trong các

---

<sup>21</sup> Phụ lục 1: Bản án 43/2021/HS-ST ngày 29/6/2021 về tội hiếp dâm (phạm tội chưa đạt) và tội cướp tài sản.

hành vi ở dạng thứ nhất và dạng thứ hai (ví dụ: dùng vũ lực và giao cấu trái ý muốn của nạn nhân) thì tội phạm được coi là hoàn thành; nếu người phạm tội mới thực hiện một trong các hành vi ở dạng thứ nhất với mục đích để thực hiện một trong các hành vi ở dạng thứ hai và dừng lại thì được coi là chưa thỏa mãn dấu hiệu hành vi khách quan của tội phạm. Theo lý luận về tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức và phạm tội chưa đạt, đây là trường hợp đặc biệt tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức có giai đoạn phạm tội chưa đạt. Trong trường hợp này, người phạm tội đã 02 lần thực hiện hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực với mục đích giao cấu trái ý muốn của nạn nhân nhưng chưa thực hiện được hành vi giao cấu do bị nạn nhân chống cự quyết liệt và những nguyên nhân ngoài ý muốn khác của người phạm tội; người phạm tội đã thực hiện hành vi khách quan của tội hiếp dâm nhưng chưa thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu hành vi khách quan. Trong vụ án trên, các cơ quan tiến hành tố tụng đã đánh giá, xem xét toàn diện vấn đề này và quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với đối tượng phạm tội về tội hiếp dâm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 141 BLHS năm 2015 (áp dụng dấu hiệu định khung “phạm tội từ 02 lần trở lên”) và tội cướp tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015; đồng thời áp dụng các quy định về phạm tội chưa đạt tại Điều 15 và Điều 57 BLHS năm 2015 đối với tội hiếp dâm là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, phù hợp với nhận thức về trường hợp phạm tội chưa đạt đối với tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức.

*Xác định đúng tội danh, khung hình phạt đối với tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt*

*Nội dung vụ án*<sup>22</sup>: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 20/11/2020, Đinh Văn Đ (sinh năm 1989) điều khiển xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 11U1-167.65 đi từ thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên về phòng trọ tại khu phố 1, phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Khi Đ đi ngang qua nhà anh Lê Văn S. Đ nhìn thấy chị Lê Thị Kim T, cháu Lê Anh D, cháu Nguyễn Thị Thanh Q và cháu Nguyễn Huyền T đang chơi trước sân. Lúc này, Đ nảy sinh ý định dụ dỗ để bắt 02 cháu Duy và Quyền đưa về phòng trọ của Đ tại phường Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, sau đó Đ sẽ tìm cách liên lạc với cha mẹ của hai cháu đòi tiền chuộc với số tiền 6.000.000 đồng lấy tiền trả nợ. Thực hiện ý định này, Đ dừng xe bên lề đường ĐT747, đi bộ đến gần chỗ D và Q đang chơi hỏi xin cành của cây bông giấy mà anh S đang trồng phía trước nhà mục đích để tiếp cận được D và Q. Đ dụ dỗ các cháu bằng lời nói “Có đi chơi với chú không, chú

<sup>22</sup> Phụ lục 1: Bản án 49/2021/HS-ST ngày 17/9/2021 về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (phạm tội chưa đạt).

chở đi Hội Nghĩa mua kẹo” thì D trả lời “cháu không được rảnh”, đồng thời D và Q đi ra bên hông nhà để chơi. Nghe vậy, Đ biết không dụ dỗ được D và Q nên Đ dùng tay phải nắm chặt tay trái của Q, tay trái nắm tay trái của D rồi lôi, kéo cả hai đi ra vị trí Đ để xe. Đ kéo cả hai đi được khoảng 10,5m thì D giật tay tuột ra khỏi tay Đ chạy ra phía sau nhà điện thoại báo cho cha là anh Lê Văn S biết và vào nhà lấy 01 khúc cây gỗ để tự vệ. Đ tiếp tục kéo cháu Q đi thêm được 03m thì Q cũng giật tay tuột ra khỏi tay Đ và chạy theo D. Đ quay lại thì nhìn thấy D đang cầm khúc cây gỗ nên Đ tiếp tục dụ dỗ D bằng lời nói: “chú chở đi chơi, làm gì cháu cầm cây vậy”. Thấy không bắt được D và Q nên Đ đi ra xe định bỏ đi. Cùng lúc này, anh S về đến nhà phát hiện bắt giữ Đ và giao cho Công an xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên tiếp nhận.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng:* Hội đồng xét xử nhận định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 15 và điểm d, đ khoản 2 Điều 169 của BLHS năm 2015 (đối với người dưới 16 tuổi và đối với 02 người trở lên). Do đó, Cáo trạng số 50/CT - VKS - BTU ngày 15/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

*Phân tích, đánh giá:* Trong vụ án này, Hội đồng xét xử đã nhận định Đinh Văn Đ phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 BLHS năm 2015 và áp dụng Điều 57 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt đối với người phạm tội đã thể hiện sự đánh giá toàn diện, khách quan về tính chất của hành vi phạm tội, nhận thức đúng về dấu hiệu pháp lý của tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, cũng như sự linh hoạt trong việc áp dụng pháp luật và vận dụng lý luận luật hình sự trong thực tiễn xét xử. Đối với tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, chỉ cần người phạm tội thực hiện được hành vi bắt cóc người khác làm con tin, thể hiện bằng các hành vi cụ thể như: bắt, giữ, giam người khác trái pháp luật và yêu cầu người khác phải trao tài sản thì đã hoàn thành về hành vi và hoàn thành về tội phạm, không cần người phạm tội có chiếm đoạt được tài sản hay chưa. Diễn biến của hành vi phạm tội trong vụ án này cho thấy, Đ đã có hành vi bắt cóc 02 cháu Q và D (Đ dùng tay phải nắm chặt tay trái của Q, tay trái nắm tay trái của D rồi lôi, kéo cả hai đi ra vị trí Đ để xe; Đ kéo cả hai đi được khoảng 10,5m và kéo cháu Q đi thêm được 03m) nhưng chưa bắt được cháu Q và D do các cháu giật tay tuột ra khỏi tay Đ và bỏ chạy; Hội đồng xét xử đã nhận định đối tượng đã thực hiện hành vi bắt cóc nhưng chưa thực hiện được (chưa bắt được nạn nhân) do nguyên nhân khách quan là phù hợp với diễn biến của hành vi phạm tội xảy ra. Trong trường hợp này, người phạm tội đã thực hiện

hành vi khách quan của tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng chưa thực hiện được đầy đủ hành vi khách quan nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, nhận định này phù hợp với nhận thức về trường hợp phạm tội chưa đạt đối với tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức. Nội dung vụ án xảy ra và việc vận dụng quy định của BLHS năm 2015 về trường hợp phạm tội chưa đạt đối với người phạm tội đã bổ sung thêm một ví dụ thực tiễn sinh động về trường hợp đặc biệt cấu thành tội phạm hình thức có giai đoạn phạm tội chưa đạt trong lý luận luật hình sự.

Bên cạnh đó, việc áp dụng quy định của BLHS năm 2015 về phạm tội chưa đạt đối với tội phạm có cấu thành hình thức trong một số trường hợp chưa phù hợp với nhận thức lý luận về phạm tội chưa đạt đối với loại cấu thành tội phạm này. Để hiểu rõ hơn vấn đề, chúng ta cùng nghiên cứu các vụ án sau:

*Xác định không đúng trường hợp phạm tội chưa đạt đối với tội cướp tài sản*

*Nội dung vụ án*<sup>23</sup>: Cho rằng Trần Văn Đ là đối tượng thường chơi cờ bạc bịp, nên muốn bắt Đ phải nộp phạt tiền, Trần Văn H5, Đoàn Thanh H3, Trần Văn C1, Mai Văn D đã bàn bạc thống nhất tìm địa điểm đánh bạc, rồi dụ Trần Văn Đ đến đánh bạc, để đồng bọn vào đe dọa không ché, dùng vũ lực đánh Đ để chiếm đoạt tiền của Trần Văn Đ. Cụ thể như sau: Mai Văn D là người tìm địa điểm đánh bạc, gọi điện rủ Đ đến đánh bạc, bảo H5 bố trí thêm người vào đánh bạc, sau đó Đoàn Thanh H3 đã gọi điện cho Lê Văn H, cho H số điện thoại của D để H liên hệ sang đánh bạc cùng D, Đ; để tăng thêm lực lượng gây sức ép cho Đ phải sợ thì Trần Văn H5 gọi Nguyễn Mạnh H5 xuống tham gia; Nguyễn Mạnh H5 rủ thêm Lê Đức L1, Nguyễn Huy H7 đi cùng. Vào khoảng 20 giờ ngày 07/02/2021, khi được Mai Văn D thông báo địa điểm thời gian nơi Trần Văn Đ, Mai Văn D, Lê Văn H cùng một số đối tượng đang đánh bạc tại nhà ông Phan Văn H4 ở tổ dân phố Tây L1 - thị trấn Ninh Cường - huyện Trực Ninh - tỉnh Nam Đ; thì Nguyễn Mạnh H5, Đoàn Thanh H3, Lê Đức L1, Phạm Văn K, Nguyễn Huy H7 đã đến nơi các đối tượng đang đánh bạc, xông vào đe dọa không ché, dùng vũ lực đánh Đ để nhằm chiếm đoạt của Trần Văn Đ số tiền 400.000.000 đồng, trong đó đã bắt Đ phải đưa luôn 100.000.000 đồng - số tiền 300.000.000 triệu đồng thì Lê Văn H đã tát và bắt Đ phải viết giấy vay nợ Nguyễn Mạnh H5 và hẹn trong 3 ngày phải đưa hết. Số tiền 100.000.000 triệu đồng chiếm đoạt được của Đ, các đối tượng Trần Văn H5, Đoàn Thanh H3, Trần Văn C1, Mai Văn D, Nguyễn Mạnh H5, Lê Đức L1, Phạm Văn K, Lê Văn H đã cùng ăn tiêu và chia nhau chiếm hưởng.

<sup>23</sup> Phụ lục 1: Bản án 26/2022/HS-ST ngày 20/04/2022 về tội cướp tài sản (phạm tội chưa đạt).

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng: Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 01/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 BLHS năm 2015 và không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 15 và Điều 57 BLHS năm 2015 đối với bị cáo. Hội đồng xét xử đã nhận định: Các đối tượng Trần Văn H5, Đoàn Thanh H3, Trần Văn C1, Mai Văn D, Nguyễn Mạnh H5, Lê Đức L1, Phạm Văn K, Lê Văn H có hành vi cùng thống nhất tham gia vào việc dụ Trần Văn Đ đến đánh bạc, rồi đe dọa, khống chế, dùng vũ lực đánh Trần Văn Đ để nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của Trần Văn Đ. Hành vi của Trần Văn H5, Đoàn Thanh H3, Trần Văn C1, Mai Văn D, Nguyễn Mạnh H5, Lê Đức L1, Phạm Văn K, Lê Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Do số tiền mà các bị cáo nhằm chiếm đoạt của Trần Văn Đ là 400.000.000 đồng nên các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung quy định tại khoản 3 Điều 168 BLHS. Nhận thấy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội “Cướp tài sản” nhằm chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng của người bị hại, trong đó đã chiếm đoạt 100.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng bắt người bị hại viết giấy vay nợ. Khi hành vi phạm tội của các bị cáo bị phát hiện và vụ án được khởi tố, thì số tiền 300.000.000 đồng các bị cáo chưa lấy được của người bị hại. Vì vậy hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đã hoàn thành về hành vi phạm tội nhưng chưa hoàn thành về hậu quả; theo quy định của pháp luật, hành vi của các bị cáo được xác định là thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt đã hoàn thành theo quy định tại Điều 15 BLHS, do đó khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 3 Điều 57 BLHS để cá thể hóa hình phạt cho tất cả các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản””.*

*Phân tích, đánh giá: Đối với vụ án này, chúng tôi cho rằng, việc Hội đồng xét xử đánh giá hành vi cướp tài sản của người phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt đã hoàn thành là chưa phù hợp với quy định tại Điều 168 BLHS năm 2015 và nhận thức về cấu thành tội phạm của tội phạm này. Theo quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS năm 2015: “Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm”. Đối với tội cướp tài sản, đây là tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức, khi người phạm tội thực hiện hành vi khách quan của tội phạm nhằm chiếm đoạt tài sản và đã hoàn thành về hành vi, chưa cần chiếm đoạt được tài sản thì tội phạm đã được coi là hoàn thành, không thể xảy ra trường hợp phạm tội chưa đạt đã hoàn thành như nhận định của Hội đồng xét xử; về phương diện lý luận, tội cướp tài sản cũng có trường hợp phạm tội chưa đạt nhưng thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành và chỉ xảy ra đối với dạng hành*

vi khách quan thứ ba của tội phạm (hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được), trong trường hợp người phạm tội đã thực hiện hành vi khác nhưng chưa làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được (ví dụ: dùng thuốc mê bỏ vào ly nước của nạn nhân nhằm chiếm đoạt tài sản, nhưng nạn nhân chưa uống nước có thuốc mê hoặc đã uống nhưng do liều lượng thuốc mê không đủ làm cho nạn nhân bất tỉnh và bị phát hiện). Trong vụ án trên các đối tượng đã thực hiện hành vi dùng vũ lực với nạn nhân (hành vi khách quan của tội cướp tài sản) và thực tế đã chiếm đoạt được 100.000.000 đồng trong tổng số 400.000.000 đồng mà các đối tượng muốn chiếm đoạt nên thuộc trường hợp tội phạm hoàn thành.

Trong thực tế, một số trường hợp bị cáo đã thực hiện hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản, Hội đồng xét xử đều căn cứ vào quy định tại Điều 15 BLHS năm 2015 xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt và áp dụng Điều 57 BLHS năm 2015 khi quyết định hình phạt. Ngược lại, không ít trường hợp tương tự xảy ra các cơ quan tiến hành tố tụng không áp dụng các quy định của BLHS năm 2015 liên quan đến trường hợp phạm tội chưa đạt để truy tố, xét xử đối với bị cáo<sup>24</sup>, đơn cử như ví dụ sau đây<sup>25</sup>: *Vào khoảng 8 giờ 45 phút ngày 26/9/2021, khi đang uống cà phê tại quán “Ông Cường” bên trong kiệt 847 Ngô Quyền, phường An Hải Đông thì Nguyễn N đi bộ ra đầu kiệt hút thuốc. Lúc này, N nhìn thấy bà Thái Thị Y (sinh năm 1964; trú: Tổ 06, phường D, quận E) đang ngồi một mình trong phòng khách, tại số nhà K847/02 đường H, phường Đ nên N nảy sinh ý định đe dọa để chiếm đoạt tài sản của bà Y. N đi về phòng trọ của mình tại số 847 Ngô Quyền lấy 01 con dao Thái Lan (dao dài khoảng 20cm, cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại), bỏ vào túi quần phía trước bên trái rồi phủ áo che lại, mang khẩu trang y tế che mặt và đội mũ lưỡi trai màu trắng rồi đi qua nhà của bà Y. N vào phòng khách của nhà, đứng đối diện với bà Y, khoảng cách 1,5m (lúc này bà Y đang ngồi trên nệm), tay trái rút dao ra chỉ thẳng vào người bà Y (lưỡi dao cách người bà Y 1,3m) và đe dọa, uy hiếp “Đưa tiền đây”. Bà Y hoảng sợ nên nói “Để chị vào lấy tiền cho em”. Lúc này bà Y bắt đầu từ từ đứng dậy, hai tay chấp phía trước van xin N “Từ từ nha em” và lùi về sau (sát tường). N tiếp tục cầm dao chỉ vào hướng người bà Y và nói “Bước vào phòng”. Bà Y men theo bờ tường và đi ra hướng cửa chính, N tiếp tục đi theo và cầm dao chỉ về hướng người bà Y. Khi thấy khoảng cách giữa mình và N khá xa (1,8m) thì bà Y vụt chạy ra cửa chính rồi chạy qua nhà hàng xóm. Thấy vậy, N vứt dao và dấp lại nhà bà Y rồi bỏ chạy về*

<sup>24</sup> Xem Phụ lục 2: Các bản án hình sự về tội cướp tài sản.

<sup>25</sup> Xem Phụ lục 2: Bản án 50/2022/HS-PT ngày 21/06/2022 về tội cướp tài sản.

*nhà. Sau đó bà Y đến cơ quan công an trình báo sự việc.* Đối với vụ án này, cơ quan tiến hành tố tụng hai cấp đều không áp dụng quy định tại Điều 15 BLHS năm 2015 để xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Rõ ràng, trong thực tế đang có những quan điểm áp dụng quy định của BLHS năm 2015 khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng đối với trường hợp người phạm tội đã thực hiện hành vi khách quan của tội cướp tài sản nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản như mục đích đặt ra.

*Xác định không đúng trường hợp phạm tội chưa đạt đối với tội cưỡng đoạt tài sản*

*Nội dung vụ án<sup>26</sup>:* Vào các ngày 20/01/2022 đến ngày 25/01/2022, Phạm Phú N đã có hành vi nhắn tin đe dọa và hủy hoại tài sản mục đích buộc anh Trần Hữu T phải chuyển số tiền 5.000.000 đồng cho N. Do lo sợ nên vào khoảng 17 giờ ngày 24/01/2022 anh T đã chuyển cho N số 200.000 đồng nhưng N vẫn không đồng ý. Đến khoảng 03 giờ ngày 25/01/2022 N tiếp tục đến phá ổ khóa của cửa hàng anh N tại số 1109B đường Kha Vạn Cân, Khu phố 4, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức để yêu cầu anh T chuyển khoản cho N số tiền 5.000.000 đồng thì bị lực lượng Công an phường Linh Trung tuần tra phát hiện bắt giữ.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng:* Tại bản Cáo trạng số 262/CT - VKS ngày 12/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố bị cáo Phạm Phú N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 BLHS năm 2015; tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố và không đề nghị áp dụng quy định tại Điều 15, Điều 57 BLHS năm 2015 đối với bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định: “*Hành vi uy hiếp tinh thần và hủy hoại tài sản nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị nêu trên mà bị cáo thực hiện đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS năm 2015. Tuy nhiên, mục đích phạm tội của bị cáo không thực hiện được đến cùng vì nguyên nhân ngoài ý muốn nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt*”. Hội đồng xét xử cũng đã viện dẫn Điều 15 BLHS năm 2015 để xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

*Phân tích, đánh giá:* Chúng tôi cho rằng, việc Hội đồng xét xử xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt là chưa chính xác. Cũng giống như tội cướp tài sản thì tội cưỡng đoạt tài sản cũng là tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức, tội phạm được coi là hoàn thành khi thực hiện hành vi khách

---

<sup>26</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 304/2022/HS-ST ngày 17/08/2022 về tội cưỡng đoạt tài sản (phạm tội chưa đạt).

quan của tội phạm (đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản), không cần người phạm tội chiếm đoạt được tài sản. Trong vụ án trên, Phạm Phú N đã có hành vi uy hiếp tinh thần và hủy hoại tài sản nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác và thực tế N cũng đã chiếm đoạt được 200.000 đồng của bị hại nên thuộc trường hợp tội phạm hoàn thành; việc đối tượng chưa chiếm đoạt được số tiền như mong muốn đặt ra không ảnh hưởng đến việc xác định thời điểm hoàn thành của tội phạm và không dựa vào tình tiết đó để xác định đối tượng phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Vận dụng lý luận này trong một số trường hợp phạm tội cưỡng đoạt tài sản nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản vì những nguyên nhân ngoài ý muốn, các cơ quan tiến hành tố tụng đều không áp dụng quy định về trường hợp phạm tội chưa đạt đối với người phạm tội<sup>27</sup>.

*Xác định không đúng trường hợp phạm tội chưa đạt đối với tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*

*Nội dung vụ án*<sup>28</sup>: Ngày 08/10/2020, Thào Thị C2 sử dụng tài khoản Facebook tên “Ly Yang” nhắn tin vào tài khoản Facebook có tên “Idol P Kòy” của Thào A P và thuê P đòi nợ cho C2 số tiền 500.000.000 đồng vợ chồng Lừ Xuân V nợ C2. C2 bảo P sang nhà V tại thôn SC, xã BM, huyện C bắt cóc con của anh V đưa đi giấu để C2 ép vợ chồng anh V phải trả tiền cho C2. Nếu đòi được tiền, C2 sẽ trả công cho P 100.000.000 đồng, P đồng ý. Khoảng 11 giờ ngày 08/10/2020, P nhìn thấy cháu Lừ Đại D (con anh V) một mình đi bộ trên đường nên đã lại gần hỏi và nói dối cháu D mình là cậu của D và bảo D lên xe P đưa đi mua bánh kẹo và đưa sang nhà ngoại chơi. Cháu D tin và lên xe của P, P liền chở cháu D đi cất giấu tại nhà anh chị của mình tại thôn BH, xã NC, huyện Bát X, tỉnh Lào Cai. Đến giờ ăn cơm vợ chồng anh V tìm cháu D nhưng không thấy. Tối cùng ngày, thông qua mạng xã hội Facebook, Giàng A Th (chồng của C2) liên lạc với V và thông báo đã bắt cóc và giữ con của V, yêu cầu V phải chuẩn bị 500.000.000 đồng để trả cho Th chuộc con, nếu không Th sẽ đánh đập và bán cháu D sang Malayxia. Đồng thời, Th gửi ảnh cháu D cho V xem để xác định việc Th đang giữ con của V là đúng. Anh V đã đến Công an tỉnh Lào Cai trình báo, sau đó Công an tỉnh Lào Cai đã giải cứu được cháu D và bắt giữ P.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng*: Cáo trạng số 75/CT-VKS-P2 ngày 30/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố bị cáo Thào A P về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều

<sup>27</sup> Xem Phụ lục 2: Bản án 114/2021/HS-PT ngày 30/09/2021 và Bản án 185/2022/HS-ST ngày 29/09/2022 về tội cưỡng đoạt tài sản.

<sup>28</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 03/2021/HS-ST ngày 06/01/2021 về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (phạm tội chưa đạt)

169 BLHS năm 2015; tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và không đề nghị áp dụng quy định về trường hợp phạm tội chưa đạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử đã nhận định: “*Hành vi bắt cóc cháu Lưu Đại D nhằm gây áp lực chiếm đoạt tài sản của anh Lưu Xuân V, nhưng bị cáo chưa đạt được mục đích đã bị cơ quan công an bắt giữ. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm chưa đạt*” và Hội đồng xét xử cũng đã áp dụng Điều 15, Khoản 3 Điều 57 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

*Phân tích, đánh giá:* Về quyết định của Hội đồng xét xử trong vụ án này, chúng tôi có quan điểm đánh giá như sau, khác với nội dung vụ án trong Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2021/HS-ST ngày 17/9/2021 cũng về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản mà Hội đồng xét xử đã nhận định đối tượng phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt mà chúng tôi đã phân tích ở trên; đối với vụ án này, diễn biến hành vi phạm tội của đối tượng Thào A P đã được chứng minh, làm rõ cho thấy Thào A P đã thực hiện được hành vi bắt cóc nạn nhân nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản (P đã chở cháu D đi cất giấu tại nhà anh chị của mình tại thôn BH, xã NC, huyện Bát X, tỉnh Lào Cai), tức là hành vi bắt cóc đã hoàn thành nên tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản trong trường hợp này đã được coi là hoàn thành về mặt pháp lý, không thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, cho dù P chưa đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản.

Cùng trường hợp người phạm tội đã thực hiện hành vi bắt cóc người khác nhưng chưa đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản, cơ quan tiến hành tố tụng không xác định là trường hợp phạm tội chưa đạt<sup>29</sup>, ví dụ như vụ án sau đây<sup>30</sup>: *Trần Văn C1, Đỗ Văn C2 và Chu Đình H cùng làm nghề quản lý nhân viên các quán hát trên địa bàn xã L và 1 số xã lân cận trong huyện Hoàng Hóa, nên khoảng 1 giờ ngày 11/1/2019 sau khi biết Nguyễn Minh A và Ngân Khánh L là nhân viên của Lữ Duy T trên Thị trấn B xuống xã L hát với khách, Đỗ Văn C2 đã thông báo cho C1 biết và C1 cho rằng địa bàn của mình đã bị xâm phạm nên C1 và C2 đã không cho hai cô gái trên về, mà khống chế, bắt giữ hai cô gái để phạt tiền đối với Lữ Duy T; C1 nói với Chu Đình H trông coi hai cô gái, yêu cầu Minh A gọi điện cho anh T bắt anh T mang tiền xuống chuộc người, sau đó C1 nói H nhắn tin vào số máy của anh T với nội dung “1 là phạt các 5 triệu, 2 là giữ hai bé lại làm qua tết trả”, T soạn xong tin nhắn thì đưa cho C1 xem và xem xong nội dung C1 nhắn gửi cho anh T. Đến 14 giờ cùng ngày không thấy các cô gái trở về, nên anh N (là người chở các cô gái xuống xã L) đã báo công an và*

<sup>29</sup> Xem Phụ lục 2: Các bản án hình sự về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản.

<sup>30</sup> Xem Phụ lục 2: Bản án 72/2019/HS-ST ngày 10/9/2019 về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản.

*Trần Văn C1, Đỗ Văn C2 và Chu Đình H đã bị bắt.* Tại Bản cáo trạng số 61/CT-VKSHH ngày 12/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hoá và Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2019/HS-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hoá đều không xác định các đối tượng phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt và không áp dụng các quy định của BLHS năm 2015 về phạm tội chưa đạt khi quyết định hình phạt. Như vậy, cùng là những trường hợp tương tự về dấu hiệu pháp lý của một tội phạm cụ thể, các cơ quan tiến hành tố tụng đã có nhận định và áp dụng khác nhau.

***b. Vận dụng văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trong định tội danh đối với trường hợp phạm tội chưa đạt***

Ngoài quy định của BLHS năm 2015, các cơ quan có thẩm quyền cũng đã ban hành một số văn bản hướng dẫn, với tính chất là các văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến việc áp dụng quy định của BLHS đối với trường hợp phạm tội chưa đạt. Thực tiễn định tội danh đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, các cơ quan tiến hành tố tụng cũng đã vận dụng đúng quy định, cũng như tinh thần nội dung trong các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Qua đó giải quyết được những vấn đề vướng mắc về nhận thức trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, đảm bảo định tội danh và xác định khung hình phạt đối với người phạm tội được chính xác. Chúng ta cùng làm rõ vấn đề trên qua nghiên cứu, phân tích một số vụ án điển hình sau đây:

***Xác định đúng tội danh, khung hình phạt đối với tội tàng trữ trái phép chất ma túy thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt***

*Nội dung vụ án*<sup>31</sup>: Ngày 15/02/2023, thông qua trao đổi bằng điện thoại, chuyển tiền qua tài khoản và gửi Heroine qua xe khách tại Bản Pắc M, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh L, Lý Go C (sinh năm 1986) đã bán trái phép 0,24 gam Heroine cho Pờ Trung H (sinh năm 2002, đang ở tại tỉnh Thái Ng) với giá 200.000 đồng để H sử dụng. Hồi 17 giờ 15 phút, ngày 16/02/2023, khi xe khách mang BKS 20F-002xx chạy tuyến L - Thái N đi đến Bản M, xã San Th, thành phố L, tỉnh L thì bị cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ vật chứng là 0,24 gam Heroine được để trong 01 hộp bìa carton màu nâu hình chữ nhật, xung quanh được cuốn băng dính màu trắng, một mặt của hộp có dán mảnh giấy màu trắng kẻ ô ly có ghi chữ: “Người gửi A - Bộ Pắc Ma Người nhận Ánh Tuyết Bền Xe Thái Nguyên SĐT: 03622277xx”.

***Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng:*** Theo Bản cáo trạng số 38/CT-

---

<sup>31</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 49/2023/HS-ST ngày 18/08/2023 về tội mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy (phạm tội chưa đạt).

VKSTP ngày 20/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố Lý Go C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS năm 2015 và Pờ Trung H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 15 và Điều 57 BLHS năm 2015 đối với bị cáo Pờ Trung H. Hội đồng xét xử đã nhận định: Trong vụ án này, bị cáo Pờ Trung H cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì nguyên nhân ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo, do vậy cần áp dụng quy định về phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 và Điều 57 BLHS năm 2015 khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

*Phân tích, đánh giá:* Quyết định của Hội đồng xét xử là đúng người, đúng tội. Trường hợp này H đã cố ý thực hiện tội phạm tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng không thực hiện được đến cùng vì nguyên nhân ngoài ý muốn của H. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy là tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức, chỉ cần người phạm tội thực hiện hành vi khách quan của tội phạm và thỏa mãn dấu hiệu hành vi đó (tàng trữ được chất ma túy) thì tội phạm hoàn thành; trường hợp này người phạm tội đã bắt đầu thực hiện hành vi (liên hệ mua chất ma túy để sử dụng và đã trả tiền) nhưng chưa thỏa mãn dấu hiệu hành vi khách quan của tội phạm (chưa nhận được chất ma túy do bị cơ quan chức năng phát hiện); đây là một trong những trường hợp tội phạm có cấu thành hình thức có giai đoạn phạm tội chưa đạt. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H của các cơ quan tiến hành tố tụng là phù hợp với tinh thần hướng dẫn tại Mục 15, Công văn số 5442/VKSTC-V14, ngày 30/11/2020, về việc giải đáp một số khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy định của BLHS, BLTTHS năm 2015 và thi hành án hình sự. Đối với bị cáo Lý Go C, cơ quan tiến hành tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy và không áp dụng các quy định về phạm tội chưa đạt là đúng quy định, bởi vì C đã thực hiện xong hành vi mua bán trái phép chất ma túy (nhận tiền và chuyển ma túy cho người mua); đối với C việc mua bán trái phép chất ma túy đã được coi là đến cùng, thỏa mãn về mặt pháp lý cấu thành của tội phạm ở giai đoạn tội phạm hoàn thành.

*Xác định đúng tội danh, khung hình phạt đối với tội mua bán người thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt*

*Nội dung vụ án*<sup>32</sup>: Năm 2015, Tráng A L quen biết Sùng Seo D và Thào A L1. Năm 2017, L và L1 cùng sang Trung Quốc làm thuê, L1 có rủ L về Việt Nam tìm phụ nữ đưa sang Trung Quốc bán, L đồng ý. Đầu tháng 5/2019, D, L và L1 cùng thuê phòng trọ tại thành phố Lào Cai để ở. L1 bảo L tìm phụ nữ để

<sup>32</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án số 09/2020/HS-PT ngày 18/02/2020 về tội mua bán người (phạm tội chưa đạt).

đưa sang Trung Quốc bán sẽ được trả số tiền từ 5000CNY đến 9000CNY/1 người. Sau đó, L nói lại với D về việc tìm phụ nữ đưa sang Trung Quốc bán và D đồng ý. Tháng 02/2019, khi Sùng Seo D lái xe taxi tại Sa Pa có quen biết Cư Thị Đ (sinh ngày 16/6/2002). Khoảng tháng 5/2019, Đ nhắn tin qua Facebook nhờ D tìm việc làm tại thành phố Lào Cai. D đã nảy sinh ý định lừa bán Đ sang Trung Quốc. D nhắn tin cho Đ số điện thoại của L, D nói với Đ: ông chủ tên Dương đang cần thuê người bán quần áo, lương 6.000.000 đồng/tháng, nếu muốn đi làm thì liên lạc hỏi. Ngày 07/6/2019, Đ gọi điện thoại cho L và đồng ý đến thành phố C làm thuê. Ngày 09/6/2019, Đ báo cho L đón ở khu vực cầu Kim Tân. L thông qua Wechat cho L1 biết và bàn bạc với L1, thống nhất mượn Hầu Seo N số tiền 500.000 đồng và L1 bảo L lấy tiền của L1 được 70CNY để chi phí đi lại. L điều khiển xe mô tô Yamaha biển kiểm soát 24B1-838.42 đến đón và thuê phòng ở nhà nghỉ G cho Đ ở. L thông báo cho D biết nhưng D nói không ra mặt vì D và Đ quen biết nhau. L1 và L đã bàn bạc qua Wechat thống nhất khoảng 2 giờ sáng ngày 10/6/2019 sẽ đưa Đ sang Trung Quốc bán. L1 sẽ liên hệ với người lái đò và người mua bên Trung Quốc đón L và Đ ở khu vực thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Lào Cai. Khoảng 02 giờ ngày 10/6/2019 thì S (cháu của L1) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 24B1-838.42 chở L đến nhà nghỉ đón Đ, trên đường đi thấy có biển báo vào xã P, Đ có hỏi thì L nói đường Lào Cai tắc nên đi đường này. Khi đến thôn Q, xã P thì S để xe trước ngôi nhà hoang và thuê anh Nguyễn Trọng T1 chở cả 03 người sang sông, tuy nhiên do thuyền của anh T1 không nổ được máy nên anh T1 nhờ anh Trần Văn H1 chở đi. S lên thuyền trước, còn Đ không muốn đi nên L dùng tay đẩy Đ lên thuyền, ngay lúc đó thì tổ công tác Biên phòng đến bắt giữ, thu giữ đồ vật chứng có liên quan. Ngày 10/7/2019, Sùng Seo D đến công an đầu thú, quá trình điều tra, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng:* Các cơ quan tiến hành tố tụng hai cấp đều xác định các bị cáo Tráng A L và Sùng Seo D phạm tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 BLHS năm 2015 với tình tiết định khung “Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” và thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt quy định tại Điều 15 BLHS năm 2015.

*Phân tích, đánh giá:* Quan điểm của các cơ quan tiến hành tố tụng là có căn cứ, đúng pháp luật. Bởi vì, các đối tượng đã thực hiện hành vi khách quan của tội mua bán người (lừa gạt), nhưng chưa thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu hành vi khách quan (chưa chuyên giao được người để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác) được quy định tại Điều 150 BLHS năm 2015, vì nguyên nhân ngoài ý

muôn của người phạm tội (bị tổ công tác biên phòng đến bắt giữ). Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của BLHS thì tội mua bán người được coi là hoàn thành khi người phạm tội dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây: chuyển giao người để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác; tiếp nhận người để giao tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác; chuyển giao người để người khác bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; tuyên mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện hành vi chuyển giao người theo hướng dẫn tại điểm a và điểm c khoản này. Cũng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP, dấu hiệu định khung “Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 BLHS năm 2015 là trường hợp người phạm tội đã hoặc đang đưa nạn nhân ra khỏi biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam...; do đó, việc các cơ quan tiến hành tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng phạm tội theo điểm d khoản 2 Điều 150 BLHS năm 2015 là đúng với nội dung hướng dẫn. Ngoài ra, trong vụ án trên, các đối tượng đồng phạm đều bị áp dụng các quy định về phạm tội chưa đạt đảm bảo phù hợp với lý luận về phạm tội chưa đạt và đồng phạm.

Bên cạnh đó, việc vận dụng tinh thần của văn bản hướng dẫn các quy định của BLHS năm 1999 để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các trường hợp phạm tội chưa đạt xảy ra sau thời điểm BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành cũng đang có những quan điểm khác nhau. Có quan điểm cho rằng, các nội dung hướng dẫn trong các văn bản quy phạm pháp luật hình sự áp dụng cho BLHS năm 1999 đã hết hiệu lực nên không được áp dụng. Quan điểm khác cho rằng, vẫn có thể vận dụng tinh thần của các văn bản đó để định hướng cho việc xử lý các trường hợp tương tự xảy ra khi chưa có văn bản hướng dẫn mới thay thế. Về vấn đề này trong thực tế, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng vẫn vận dụng tinh thần hướng dẫn tại Nghị quyết của số 01/2000/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 4/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999 để xác định trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội chưa đạt. Theo nội dung Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP: Chỉ khi có đầy đủ căn cứ chứng minh rằng tội phạm mà

người phạm tội không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn chủ quan của họ thuộc khoản nào của điều luật tương ứng quy định về tội phạm đó, thì mới áp dụng khoản, điều luật tương ứng đó; trong trường hợp không xác định được tội phạm mà họ thực hiện không đạt thuộc khoản tăng nặng cụ thể nào của điều luật tương ứng quy định về tội phạm đó, thì áp dụng khoản nhẹ nhất của điều luật tương ứng đó. Chúng ta có thể thấy rõ thực tiễn vận dụng này thông qua vụ án cụ thể sau đây:

*Nội dung vụ án*<sup>33</sup>: Lê Văn H, sinh năm 1993, trú tại xóm N, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã 03 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” đều chưa được xóa án tích. Khoảng 03 giờ ngày 23/02/2020, H mang theo 01 con dao (chuôi bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 33cm, rộng 5cm) và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 35 B1 – 571.9... với mục đích đi tìm kiếm sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà vợ chồng anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1988, chị Tạ Thị H, sinh năm 1988 ở xóm T1, xã Khánh H, H nảy sinh ý thức đột nhập vào nhà anh Đ trộm cắp tài sản. H dựng xe ngoài đường, trèo qua tường rào vào sân rồi đi đến kéo cửa bên hông nhà anh Đ để mở nhưng cửa chốt trong nên không mở được. H trèo tường ra ngoài điều khiển xe mô tô tiếp tục đi. Khoảng 04 giờ cùng ngày, H quay lại nhà anh Đ quan sát thấy nhà anh Đ vẫn tắt đèn lên nảy sinh ý định đột nhập vào khuôn viên nhà anh Đ lần thứ 02 để tìm cách vào trong nhà hoặc tìm kiếm bên ngoài nếu có tài sản gì thì trộm cắp tài sản đó. Khi H trèo qua tường rào, đột nhập vào trong sân và đi đến vị trí cửa sổ phòng khách thì bị anh Đ phát hiện tri hô. H bỏ chạy, trèo qua tường rào đến mở khóa xe mô tô định tẩu thoát nhưng bị anh Đ đuổi theo đập đổ xe và người xuống mương nước. H rút dao chém buộc anh Đ phải lùi lại để tránh. Sau đó H để lại xe mô tô chạy bộ trốn thoát. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Yên Khánh đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng theo quy định. Kiểm tra khu vực sân trước, sân sau, khu chăn nuôi, phòng tắm bên trong tường rào bảo vệ nhà anh Đ, chị H (bên ngoài nhà ở) có các tài sản gồm: 27 chậu cây cảnh, cây hoa các loại; có 04 con gà, 01 bếp nướng nhãn hiệu Caution CTW 300 - 250V - 10A, 01 máy bơm nước Rollsar 50BE, 01 máy giặt Toshiba, 01 bình nóng lạnh Rossi và các nồi, xoong, chảo nấu ăn. Quá trình điều tra, Lê Văn H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như trên.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng*: Hành vi của bị cáo Lê Văn H đã lén lút, trèo tường vào bên trong nhà anh Đ để chiếm đoạt tài sản. Việc bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản của anh Đ là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo,

---

<sup>33</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 32/2021/HS-ST ngày 08/06/2021 về tội trộm cắp tài sản (phạm tội chưa đạt).

do vậy hành vi của H thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 15 BLHS năm 2015, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khi đang có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản, song lần phạm tội này thuộc trường hợp định tội nên không tính là tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 (phạm tội chưa đạt). Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

*Phân tích, đánh giá:* Việc định tội danh và xác định thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt đối với vụ án trên là chính xác, có cơ sở. Trong vụ án này, do chưa xác định được cụ thể tài sản mà đối tượng hướng tới, chưa xác định được khoản (khung) cụ thể nào của Điều 173 BLHS năm 2015, nhưng do đối tượng có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, nên cơ quan tiến hành tố tụng vận dụng điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Việc xác định trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong trường hợp này là phù hợp với tinh thần hướng dẫn tại Nghị quyết của số 01/2000/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao trước đây. Tuy nhiên, trong thực tiễn đối với trường hợp tương tự, một số cơ quan tiến hành tố tụng không xử lý trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản, vì chưa xác định được cụ thể tài sản mà đối tượng chiếm đoạt và không vận dụng tinh thần của Nghị quyết của số 01/2000/NQ-HĐTP để xử lý do văn bản quy phạm pháp luật này đã hết hiệu lực. Ngoài ra, qua nghiên cứu vụ án trên, chúng tôi thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng chưa xem xét đến tình tiết khi bị anh Đ phát hiện tri hô, H bỏ chạy, trèo qua tường rào đến mở khóa xe mô tô định tẩu thoát nhưng bị anh Đ đuổi theo đạp đổ xe và người xuống mương nước, H rút dao chém buộc anh Đ phải lùi lại để tránh có thuộc trường hợp “hành hung để tẩu thoát” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 hay không; chúng tôi cho rằng, trường hợp này có thể xử lý trách nhiệm hình sự đối với H theo điểm đ khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 (trường hợp phạm tội chưa đạt), vì tình tiết đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm đã được áp dụng là dấu hiệu định tội, thì tình tiết “hành hung để tẩu thoát” có thể được áp dụng là dấu hiệu định khung.

### ***c. Vấn đề áp dụng án lệ trong thực tiễn định tội danh đối với trường hợp phạm tội chưa đạt***

Cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp, trong đó có nội dung liên quan đến phát triển án lệ. Thời gian qua, Tòa án nhân dân tối cao đã thông qua và công bố 70 án lệ, trong đó có 17 án lệ về

hình sự, đáng chú ý có 02 án lệ liên quan trực tiếp đến việc xác định tội danh và áp dụng các quy định của BLHS năm 2015 về trường hợp phạm tội chưa đạt mà trong thực tiễn đang còn có những quan điểm khác nhau (Án lệ số 45/2021/AL và Án lệ số 47/2021/AL) để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng thống nhất trong xét xử đối với các vụ việc có tình huống pháp lý tương tự. Việc công bố các án lệ liên quan đến hình sự của Tòa án nhân dân tối cao không chỉ có ý nghĩa trong hoạt động xét xử, đây còn là nguồn tham khảo có giá trị đối với hoạt động định tội danh nói chung và định tội danh đối với trường hợp phạm tội chưa đạt nói riêng, nhằm đảm bảo thống nhất đường lối xử lý giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với những trường hợp quy định của pháp luật hình sự còn có cách hiểu khác nhau. Để thống nhất nhận thức trong việc áp dụng án lệ, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể, như: Công văn số 49/TANDTC-PC ngày 22/3/2023, Công văn số 100/TANDTC-PC ngày 13/6/2023 của TAND tối cao về việc áp dụng Án lệ số 47/2021/AL, Công văn số 721/V14 ngày 25/11/2022 của Vụ 14 VKSND tối cao về tham gia ý kiến đối với việc xử lý các vụ án xâm phạm sức khỏe liên quan đến Án lệ số 47/2021/AL và Công văn số 1751/C01-P2 ngày 21/4/2023 của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an về việc hướng dẫn áp dụng Án lệ số 47/2021/AL. Trong thực tiễn, khi có các vụ án với các tình huống pháp lý tương tự xảy ra, các cơ quan tiến hành tố tụng đều vận dụng tốt tinh thần của án lệ. Diễn hình như vụ án sau đây:

*Nội dung vụ án*<sup>34</sup>: Khoảng 23 giờ, ngày 28/5/2022, để giải quyết mâu thuẫn Hồ Văn D1, Hoàng Minh P, Nguyễn Văn T và Phan Văn Đ1 cùng thống nhất qua nhà của Nguyễn Văn S1 để đánh nhóm của S1. Khi đi đến nhà S1, Đ1 dựng xe phía xa và đứng ngoài trông xe để D1, P và T cầm hung khí đi đến trước cổng nhà S1. Trong nhà S1 lúc này có Nguyễn Văn S1, Lê Văn T1, Nguyễn Thành P1, Nguyễn Văn G, Nguyễn Thành L. Khi nghe nhóm của T gọi ra nói chuyện thì S1, G, P1 và L từ trong nhà đi ra. Trong lúc nói chuyện thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. D1 cầm dao tự chế tay phải, vung lên định chém P1 thì P1 đã bỏ chạy vào trong nhà của S1. Thấy vậy, S1, G và L quay lưng bỏ chạy vào trong nhà thì P đang đứng gần đó cầm dao tay phải, vung lên chém 01 (một) nhát từ phía sau, hướng từ trên xuống trúng vào vùng đỉnh chằm đầu của S1; cùng lúc này T đang đứng gần G đã cầm cây phóng lộn bằng hai tay, đâm về phía trước 01 (một) nhát trúng vào hông lưng phải của G. Sau khi bị đâm trúng G bỏ chạy được vào trong nhà. Lúc này, P và D1 đã rượt đuổi theo S1, D1 cầm dao tự chế tay phải, vung dao lên chém 01 (một) nhát từ trên xuống dưới trúng

<sup>34</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 61/2024/HS-PT ngày 24/01/2024 về tội giết người (phạm tội chưa đạt).

vào vai lưng trái và trượt xuống trúng vào vùng thắt lưng phải của S1. Còn P thì cầm dao tay phải, vung dao chém 01 (một) nhát từ trên xuống trúng vào vai lưng phải và trượt xuống trúng vào vùng lưng trái của S1. Cùng lúc này, T quay sang và cầm cây phóng lộn bằng hai tay, đâm liên tiếp 02 (hai) nhát về phía trước: 01 (một) nhát trúng vào vai phải và 01 (một) nhát trúng vào thắt lưng phải của S1. Sau đó S1 tiếp tục bỏ chạy được vào trong nhà. D1, P và T quay ra rồi cầm hung khí lên xe của Đ1 chờ sẵn bên ngoài để đi về. D1, P và T đem hung khí tới trạm bơm cát giầu rồi cả nhóm về nhà. Theo kết luận giám định pháp y về thương tích thì tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Văn S1 là 22%; cơ chế hình thành vết thương do vật sắc gây nên; các thương tích vùng đỉnh chẩm gây nứt sọ, vùng vai lưng trái, vùng vai lưng phải nếu không cấp cứu và điều trị kịp thời có thể gây nguy hiểm đến tính mạng.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng:* Trên cơ sở đánh giá các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã viện dẫn, áp dụng Án lệ số 47/2021/AL về việc xác định tội danh trong trường hợp bị cáo dùng hung khí nguy hiểm đâm vào vùng trọng yếu của cơ thể bị hại; Án lệ số 45/2021/AL về xác định bị cáo phạm tội “Giết người” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt và Án lệ số 17/2018/AL về tình tiết “Có tính chất côn đồ” trong tội “Giết người” để xác định các đối tượng phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS năm 2015 và thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

*Phân tích, đánh giá:* Quan điểm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong vụ án trên là có căn cứ, đúng pháp luật, vận dụng đúng tinh thần Công văn số 146/TANDTC-PC ngày 11/7/2017 về viện dẫn, áp dụng án lệ trong xét xử của Tòa án nhân dân tối cao. Trong vụ án trên, chỉ có mâu thuẫn xích mích nhỏ trong cuộc sống nhưng các bị cáo đã tụ tập băng nhóm, cùng rủ nhau chuẩn bị hung khí đi đánh nhau, các bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm, đâm, chém vào nhiều vị trí khác nhau trong đó có vùng đầu là vùng trọng yếu trên cơ thể của anh Nguyễn Văn S1 là nhằm tước đoạt tính mạng của anh S1, với cường độ tấn công quyết liệt, việc anh S1 không chết nằm ngoài ý thức chủ quan của các bị cáo, do được cấp cứu kịp thời; hành vi của các bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, thể hiện tính chất côn đồ, hung hãn. Đây là những tình huống pháp lý tương tự với nội dung các án lệ đã được các cơ quan tiến hành tố tụng phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện để viện dẫn, áp dụng đối với các bị cáo.

Tuy nhiên, thực tiễn vận dụng các án lệ trên cho thấy, vẫn còn một số trường hợp các cơ quan tiến hành tố tụng không viện dẫn, áp dụng án lệ hoặc có áp dụng tinh thần của án lệ nhưng không viện dẫn án lệ trong việc giải quyết các vụ việc có tình huống án lệ, giải pháp pháp lý tương tự như án lệ đã công bố hoặc vụ án có tình huống án lệ, giải pháp pháp lý không giống như án lệ đã công bố nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn áp dụng và viện dẫn án lệ để giải quyết vụ án, dẫn đến việc áp dụng các quy định của BLHS năm 2015 về trường hợp phạm tội chưa đạt để định tội danh đối với người phạm tội không đúng. Đây được đánh giá là có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, dẫn đến việc kháng cáo, kháng nghị nội dung bản án hoặc bị Hội đồng xét xử cấp cao hơn trả hồ sơ, điều tra, xét xử lại, như các vụ án sau là những ví dụ điển hình:

*Trường hợp không viện dẫn, áp dụng án lệ dẫn đến hủy bản án*

*Nội dung vụ án*<sup>35</sup>: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 08/5/2023, sau khi uống rượu xong, Hồ Văn Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, biển kiểm soát 95H1-X đến nhà ông Nguyễn Văn N1 (thuộc ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang) để đòi nợ số tiền ông N1 đã vay là 6.000.000 đồng. Khi đi, Đ mang theo một cây dao xếp bằng kim loại màu trắng, tổng chiều dài 24cm, phần lưỡi mũi nhọn dài 11cm, phần cán dao dài 13cm, sắc bén một bề, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 2,8cm. Khi đến nhà ông N1, Đ gặp ông N1 và đòi số tiền ông N1 còn thiếu cùng tiền lãi, ông N1 nói với Đ sẽ trả tiền cho Đ nhưng không thống nhất số tiền lãi, chỉ thống nhất trả lại vốn rồi bỏ đi vào nhà. Lúc này, anh Nguyễn Văn N (là con của ông N1) cùng với vợ là Nguyễn Tuyết M1 nói với Đ có bao nhiêu tiền mà đòi cho có dẫn đến hai bên có lời qua tiếng lại với nhau. Sau đó, Đ bỏ đi ra xe mô tô và tiếp tục cự cãi, anh N từ trong nhà chạy ra phóng qua xe mô tô, dùng chân đạp Đ nhưng không trúng, anh N tiếp tục nhào tới chỗ của Đ để đánh thì Đ rút cây dao xếp từ trong túi quần ra cầm tay phải đâm trúng vào vùng ngực trái của anh N. Thấy vậy, chị M1 chạy ra chửi và xông tới đánh Đ, Đ dùng tay xô chị M1 ra nhưng không được. Sẵn con dao đang cầm trên tay, Đ tiếp tục đâm trúng vào vùng bụng của chị M1 gây thương tích. Thấy anh N và chị M1 bị thương, nhiều người đi lại nên Đ bỏ chạy về hướng thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang thì bị lực lượng Công an tiến hành truy bắt và tạm giữ cây dao do Đ sử dụng gây thương tích cho anh N và chị M1. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với anh N tại thời điểm giám định là 13%, đối với chị M1 là 58%, vết thương trên cơ thể của các nạn nhân phù hợp với cơ chế do vật sắc

<sup>35</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 03/2024/HS-PT ngày 15/01/2024 về tội cố ý gây thương tích.

nhọn gây nên.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng:* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 64/2023/HS-ST ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tuyên bố bị cáo Hồ Văn Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa và Hội đồng xét xử đều thống nhất quan điểm, cho rằng: Hành vi của bị cáo, dùng dao là vật sắc bén, mũi nhọn đâm vào vùng ngực trái của bị hại N và vùng bụng của bị hại M1 là vùng trọng yếu trên cơ thể của các bị hại. Với các vết thương và tỷ lệ thương tích bị cáo gây ra cho các bị hại, nếu các bị hại không được cấp cứu kịp thời sẽ dẫn đến tử vong. Căn cứ Án lệ số 47/2021/AL, hướng dẫn tại Công văn số 100/TANDTC-PC ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân Tối cao thì hành vi trên của bị cáo có dấu hiệu cấu thành tội “Giết người” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt; tuy nhiên, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng chưa điều tra làm rõ tính chất, mức độ của hành vi, sự quyết liệt trong thực hiện hành vi, vị trí cơ thể bị hại mà bị cáo cố ý định tấn công để chứng minh ý thức chủ quan của bị cáo là cố ý thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho tính mạng của các bị hại hay không; những thiếu sót này có thể dẫn đến xét xử sai tội danh. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã quyết định hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang điều tra, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

*Phân tích, đánh giá:* Chúng tôi đồng ý với quan điểm viện dẫn và áp dụng Án lệ số 47/2021/AL của Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm. Các tình tiết về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vị trí tấn công trên cơ thể bị hại, hung khí nguy hiểm mà người phạm tội sử dụng, cơ chế hình thành vết thương, nguyên nhân nạn nhân không tử vong... đã được chỉ ra, phân tích, làm rõ một cách khách quan, toàn diện bằng các chứng cứ cụ thể được coi là những tình huống pháp lý tương tự như nội dung án lệ số 47/2021/AL và được đánh giá đúng tinh thần hướng dẫn tại Công văn số 100/TANDTC-PC ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân Tối cao. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng các tình tiết này, dẫn đến không vận dụng đúng tinh thần Án lệ số 47/2021/AL và văn bản hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao là sai lầm trong việc áp dụng pháp luật.

*Trường hợp viện dẫn, áp dụng án lệ không đúng*

*Nội dung vụ án*<sup>36</sup>: Vào khoảng năm 2020, Nguyễn Viết C và anh Hồ Ngọc U cùng làm chung công trình xây dựng (nhà ở) và thỏa thuận sẽ chia đôi lợi

<sup>36</sup> Xem Phụ lục 1: Bản án 412/2023/HS-PT ngày 27/06/2023 về tội cố ý gây thương tích.

nhuận sau khi hoàn thiện công trình. Sau đó, giữa anh U và C xảy ra mâu thuẫn do không thỏa thuận được với nhau về tiền chia lợi nhuận. C nhiều lần đe dọa đánh gia đình anh U. Khoảng 10 giờ ngày 02/7/2021, Nguyễn Việt C mang theo 01 cây búa dài 74cm cán gỗ, đầu gắn cục sắt và 01 thanh sắt dài 47cm, có một đầu nhọn, một đầu cong qua nhà anh U tại số 329/53 tổ 16, khu phố 4, phường L, thành phố B để đòi tiền. Khi đến nhà anh U, C tự ý mở cổng đi xuống tầng hầm gặp chị Trần Thị Liên H (vợ anh U). Gặp chị H, C hỏi “U đâu rồi” thì chị H trả lời “anh U đi vắng, không có nhà”. C nói với chị H “Nói thẳng U trả tiền cho tau, đó là tiền mồ hôi nước mắt của tau, đừng có tráo trở”. Lúc này, C dùng búa đánh chị H nhưng chị H tránh được nên không trúng. Nghe tiếng ồn, cháu Hồ Trúc N (sinh ngày 01/3/2009, con chị H) từ trên nhà chạy xuống thì bị C dùng búa đánh 01 cái trúng vào đầu gây thương tích. Chị H chạy lại giật lấy cây búa trên tay C. C tiếp tục dùng thanh sắt đâm 01 cái trúng vào vai trái và 01 cái trúng vào cẳng tay phải chị H gây thương tích. Thấy mẹ và em bị đánh, cháu Hồ Hương G (sinh năm 2004, con chị H) chạy đến can ngăn và dùng 01 cái ghế gỗ chống trả C nên C bỏ đi. chị H và cháu N được đưa đi phòng khám Đa khoa Y Sài Gòn điều trị. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Việt C đã khai nhận hành vi phạm tội như trên. Theo kết luận giám định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị H là 03% và của cháu N là 02%.

*Quan điểm của cơ quan tiến hành tố tụng:* Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã nhận định bị cáo dùng hung khí nguy hiểm tấn công vào đầu là vùng trọng yếu của cơ thể và đã gây thương tích cho bị hại hai người đều là nữ trong đó có một trẻ em nên đã xác định bị cáo phạm tội “Giết người” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo Điều 123 BLHS năm 2015 trên cơ sở tinh thần Án lệ số 47/2021/AL. Bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử thay đổi từ tội danh “Giết người” sang tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 BLHS năm 2015 do bị cáo không phạm tội giết người. Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng hành vi phạm tội của bị cáo và xét xử bị cáo phạm tội “Giết người” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt là có căn cứ, đúng tội danh. Bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ vào hành vi, vết thương để đánh giá mức độ phạm tội của bị cáo mà chỉ căn cứ vào lời khai của bị hại và người làm chứng; các kết quả giám định thể hiện cơ chế hình thành dấu vết của vết thương là do giằng co giữa bị hại và bị cáo; bị cáo không chủ đích đánh vào phần đầu của các bị hại mà chỉ cố ý dùng hung khí tấn công về phía các bị hại, lực tấn công cũng không mạnh, không nhằm tước đoạt

mạng sống của các bị hại. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm và tuyên bố bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

*Phân tích, đánh giá:* Nghiên cứu nội dung Bản án hình sự phúc thẩm xét xử vụ án nêu trên, để đưa ra quyết định thay đổi tội danh đối với bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã viện dẫn tinh thần hướng dẫn tại Công văn số 100/TANDTC-PC ngày 13/6/2023 hướng dẫn về việc áp dụng án lệ số 47/2021/AL, đồng thời phân tích, đánh giá, xem xét làm rõ nhiều yếu tố có liên quan, như: Xem xét cơ chế hình thành vết thương, hung khí gây thương tích đối với các bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm cho rằng tổn thương của chị H không phải là vùng trọng yếu của cơ thể con người, tổn thương của cháu N mặc dù là vùng đầu nhưng cơ chế hình thành vết thương tích này không thể do bị cáo dùng búa đánh thẳng vào đầu mà do có sự giằng co giữa bị cáo với chị H và cháu N như lời khai của bị cáo là phù hợp; đánh giá mục đích, động cơ và hành vi của bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, đặc biệt là “Giấy chứng nhận thương tích” lúc nhập viện của các bị hại và Kết luận giám định thương tích của cơ quan có thẩm quyền, thể hiện bị cáo không tấn công quyết liệt, không nhằm tước đoạt mạng sống của các bị hại mà chỉ cố ý gây thương tích cho các bị hại; về việc bị cáo trước đó có nhắn tin đe dọa anh U “Tau không đủ sức giết mày nhưng đủ sức giết vợ con mày” xuất phát từ việc bức xúc đòi nợ anh U không trả, trong lúc nóng giận bị cáo đã có những lời lẽ nêu trên chứ không có ý thức, mục đích tước đoạt tính mạng nạn nhân; Hội đồng xét xử cũng đã xem xét quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng, cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã 03 lần trả hồ sơ điều tra bổ sung và hai lần truy tố đầu tiên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đều giữ quan điểm truy tố về tội “Cố ý gây thương tích”, việc điều tra, thu thập chứng cứ cũng đã đảm bảo đầy đủ... Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã có sự đánh giá toàn diện về các tình tiết quan trọng, liên quan đến vụ án theo đúng tinh thần hướng dẫn tại Công văn số 100/TANDTC-PC, đó là *“không phải trường hợp nào bị cáo có hành vi dùng hung khí nguy hiểm tấn công vào vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại cũng áp dụng Án lệ số 47/2021/AL, mà chỉ xem xét áp dụng án lệ này trong trường hợp hành vi của bị cáo có đầy đủ các yếu tố nêu trên để xác định bị cáo phạm tội “Giết người” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt*”; điều này thể hiện tính khách quan, toàn diện trong việc áp dụng án lệ của tòa án trong thực tiễn xét xử, thể hiện đúng mục đích, yêu cầu khi xây dựng, ban hành và áp dụng các bản án lệ, góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự nói chung, áp dụng pháp luật hình sự về trường hợp phạm tội chưa đạt nói riêng.

Có thể khái quát một số lý do dẫn đến những sai sót trong việc vận dụng các án lệ liên quan đến việc áp dụng quy định của BLHS năm 2015 về trường hợp phạm tội chưa đạt trong thực tiễn như đã phân tích ở trên như sau: *Một là*, nội dung của các án lệ còn khá chung chung, chưa cụ thể trong khi các văn bản hướng dẫn về việc viện dẫn và áp dụng án lệ chưa đầy đủ, rõ ràng, nhất là đối với tình huống pháp lý tương tự trong án lệ, dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng, viện dẫn án lệ, như trường hợp Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng không đúng tinh thần Án lệ số 47/2021/AL trong vụ án đã phân tích là một ví dụ. Trong vụ án này, vào thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 30/11/2022) thì Công văn số 100/TANDTC-PC ngày 13/6/2023 hướng dẫn áp dụng Án lệ số 47/2021/AL chưa được ban hành, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm còn chủ quan, máy móc, rập khuôn khi áp dụng và khi Công văn số 100/TANDTC-PC được ban hành trước thời điểm xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã có cơ sở rõ ràng hơn trong việc phân tích, đánh giá các tình huống pháp lý tương tự của vụ án để quyết định việc áp dụng án lệ hay không. *Hai là*, thực tế cho thấy mỗi vụ án xảy ra có tính chất, tình tiết, điều kiện, hoàn cảnh khác nhau nên một số trường hợp còn có quan điểm khác nhau trong đánh giá chứng cứ, xác định tội danh... *Ba là*, việc chứng minh mục đích của người thực hiện hành vi phạm tội sẽ rất khó khăn vì hầu hết đối tượng phạm tội đều không thừa nhận có mục đích tước đoạt tính mạng người khác, nhất là trường hợp nạn nhân chưa chết, lúc này yêu cầu đặt ra đối với các cơ quan tố tụng là phải chứng minh ý thức chủ quan thông qua hành vi khách quan để xác định chính xác tội danh, đây là vấn đề không hề đơn giản. *Bốn là*, một số chủ thể tiến hành tố tụng còn nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ về nội dung án lệ và tinh thần các văn bản hướng dẫn áp dụng án lệ, việc nghiên cứu để áp dụng, viện dẫn án lệ chưa được chú trọng và còn thiếu những kỹ năng cần thiết trong việc nghiên cứu, áp dụng và viện dẫn án lệ.

## **II. THỰC TIỄN QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP TỘI PHẠM CHƯA HOÀN THÀNH**

### **1. Chuẩn bị phạm tội**

Nghiên cứu các bản án mà Tòa án áp dụng quy định của BLHS để quyết định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, có thể thấy, Hội đồng xét xử đã có sự đánh giá khách quan, toàn diện tất cả các tài liệu, chứng cứ thu thập được ở giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa để đảm bảo việc quyết định hình phạt đối với người chuẩn bị phạm tội được chính xác, khách quan, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đảm bảo được mục đích trừng trị, giáo dục, đấu tranh phòng, chống tội phạm của hình phạt. Hình phạt được áp dụng

đối với người chuẩn bị phạm tội chủ yếu là tù có thời hạn, một số trường hợp xét thấy không cần thiết cách ly người phạm tội ra khỏi xã hội, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc cho hưởng án treo và đảm bảo nguyên tắc đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, hình phạt được quyết định trong phạm vi khung hình phạt được quy định trong các điều luật cụ thể. Mức hình phạt được quyết định tương xứng với hành vi phạm tội, đảm bảo tính răn đe nhưng cũng thể hiện tính phân hóa, nhân đạo của nhà nước.

Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử các cấp cũng đã áp dụng đúng các quy định có lợi của BLHS năm 2015 đối với các hành vi phạm tội xảy ra trước khi BLHS năm 2015 có hiệu lực chính thức. Đơn cử như trường hợp quyết định hình phạt đối với bị cáo phạm tội giết người thuộc trường hợp chuẩn bị phạm tội tại Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2017/HS-ST ngày 18/08/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên mà chúng ta đã nghiên cứu, phân tích. Trong vụ án này, hành vi phạm tội của đối tượng được thực hiện vào tháng 9/2016, vụ án được đưa ra xét xử vào ngày 18/08/2017, Hội đồng xét xử đã áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017, của Quốc hội về việc thi hành BLHS số 100/2015/QH đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14... và khoản 3 Điều 123 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt đối với Nạ Văn N là đúng quy định, đảm bảo hiệu lực hồi tố của BLHS, bởi vì so với quy định về hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội của BLHS năm 1999 thì mức hình phạt được áp dụng đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội giết người của BLHS năm 2015 nhẹ hơn (có lợi hơn đối với người phạm tội).

Đối với việc áp dụng các quy định có lợi của BLHS năm 2015 so với BLHS năm 1999 về hình phạt đối với người chuẩn bị phạm tội, thực tế cho thấy việc nhận xét, đánh giá áp dụng không đúng trường hợp phạm tội như nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2018/HS-ST ngày 08/10/2018 về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản như chúng tôi đã phân tích, sẽ dẫn đến việc áp dụng không đúng hình phạt, nhất là các quy định có lợi của BLHS năm 2015, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người phạm tội. Trong vụ án này, thời điểm hành vi phạm tội được thực hiện và bị phát hiện là vào năm 2017. Căn cứ vào Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 về việc lùi hiệu lực thi hành của BLHS số 100/2015/QH13... thì các quy định có lợi của BLHS số 100/2015/QH3 vẫn được áp dụng kể từ ngày 01/07/2017. Theo quy định của BLHS số 100/2015/QH13, quy định về mức hình phạt áp dụng đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội của tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản có lợi hơn đối với người phạm tội. Nếu các cơ quan tiến hành tố tụng xác định hành vi phạm tội thuộc trường hợp chuẩn bị phạm tội thì hình phạt được áp dụng sẽ nhẹ hơn so với

quyết định trong nội dung bản án.

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự để làm căn cứ quyết định hình phạt đối với người chuẩn bị phạm tội được xem xét đầy đủ, chính xác, dựa trên chứng cứ thu thập được. Trong một số bản án, Hội đồng xét xử đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 để làm căn cứ quyết định hình phạt đối với người chuẩn bị phạm tội, như: Bản án hình sự phúc thẩm số 198/2021/HS-PT ngày 25/06/2021 về tội cố ý gây thương tích (chuẩn bị phạm tội), Hội đồng xét xử phúc thẩm đã áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 để làm căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo, trong khi Hội đồng xét xử sơ thẩm không áp dụng và đa số các bản án về trường hợp chuẩn bị phạm tội mà chúng tôi nghiên cứu, Hội đồng xét xử cũng không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này đối với người chuẩn bị phạm tội. Như vậy, đang có trường hợp áp dụng khác nhau về cùng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội. Về vấn đề này, chúng tôi có quan điểm như sau: Một trong những đặc điểm của trường hợp chuẩn bị phạm tội là hậu quả của tội phạm chưa xảy ra và có thể xem là dấu hiệu định tội danh đối với người chuẩn bị phạm tội, do đó, về nguyên tắc các tình tiết giảm nhẹ đã được quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt; mặt khác, khi xây dựng loại và mức hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội của các tội phạm cụ thể, các nhà làm luật đã xem xét đến dấu hiệu hậu quả của tội phạm chưa xảy ra để giảm nhẹ hình phạt đối với người chuẩn bị phạm tội so với các trường hợp phạm tội khác, cho nên không cần áp dụng các tính tiết giảm nhẹ cùng tính chất đối với người phạm tội một lần nữa nhưng vẫn đảm bảo được sự phân hóa trách nhiệm hình sự và nhân đạo; vấn đề này cần có hướng dẫn thống nhất trong nội bộ ngành Tòa án.

Việc viện dẫn các quy định của BLHS năm 2015 có liên quan để làm căn cứ quyết định hình phạt đối với người chuẩn bị phạm tội cơ bản đúng quy định. Tuy nhiên, nghiên cứu các bản án về trường hợp chuẩn bị phạm tội mà chúng tôi thu thập được cho thấy, Hội đồng xét xử không viện dẫn Điều 57 BLHS năm 2015 hoặc Điều 102 BLHS năm 2015 (đối với các đối tượng phạm tội chưa đủ 18 tuổi) để làm căn cứ quyết định hình phạt đối với người phạm tội; mặc dù loại và mức hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội trong các vụ án trên không trái các quy định của BLHS năm 2015, song chúng tôi cho rằng đây là các căn cứ pháp lý trực tiếp để quyết định hình phạt đối với người chuẩn bị phạm tội, cho nên cần viện dẫn các điều luật nêu trên trong phần quyết định của

bản án; vấn đề này cần được thống nhất trong nội bộ ngành tòa án nhằm đảm bảo tính chặt chẽ của căn cứ pháp lý khi quyết định hình phạt đối với người chuẩn bị phạm tội.

## **2. Phạm tội chưa đạt**

Nghiên cứu các bản án mà cơ quan tiến hành tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội chưa đạt, giống như trường hợp chuẩn bị phạm tội, việc quyết định hình phạt của Hội đồng xét xử các cấp đảm bảo đúng quy định, có căn cứ rõ ràng, đầy đủ thể hiện sự khách quan, toàn diện và tinh thần trách nhiệm cao.

*Thứ nhất, về hình phạt chính:* Mức hình phạt do Viện kiểm sát đề nghị trong bản cáo trạng phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử và đa số được chấp nhận, làm căn cứ để Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với bị cáo. Hình phạt chính được áp dụng đối với bị cáo chủ yếu là hình phạt tù có thời hạn, mức phạt tù được tòa án tuyên trong giới hạn mà BLHS năm 2015 quy định đối với người phạm tội chưa đạt, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đảm bảo tính trừng trị và giáo dục của hình phạt được tuyên. Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt thuộc khung tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng của tội giết người, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản... mức hình phạt tù được áp dụng đối với bị cáo tương đối cao, có trường hợp Hội đồng xét xử áp dụng mức cao nhất của khung hình phạt đối với người phạm tội chưa đạt (20 năm tù), thể hiện sự nghiêm khắc cần thiết trong việc quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm tội chưa đạt. Đối với trường hợp xâm phạm sở hữu thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt như lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trộm cắp tài sản... và tài sản mà bị cáo muốn chiếm đoạt có giá trị thấp, xét thấy việc không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội vẫn đảm bảo được mục đích giáo dục, răn đe phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta, Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo được hưởng án treo khi đảm bảo được các điều kiện theo luật định; ngược lại, một số trường hợp bị cáo, luật sư kháng cáo đề nghị cho bị cáo hưởng án treo nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận vì không đủ các điều kiện để cho hưởng án treo.

*Thứ hai, về hình phạt bổ sung:* Việc quyết định hình phạt bổ sung đối với bị cáo cũng được Hội đồng xét xử xem xét kỹ càng dựa trên quy định của pháp luật và mục đích của việc áp dụng hình phạt này, nhất là hình phạt tiền. Một số trường hợp, dựa trên quy định về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền có thể được áp dụng đối với tội phạm mà người phạm tội chưa đạt thực hiện, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung này đối với bị cáo, nhưng Hội đồng xét xử

sau khi xem xét các điều kiện như: bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị... nên quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền theo kiến nghị của Viện kiểm sát; quyết định này phù hợp với pháp luật và thể hiện tính nhân đạo sâu sắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự. Đối với một số hình phạt bổ sung như cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, phạt quản chế, cấm cư trú, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản được quy định ở một số tội phạm như tội giết người, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, tội mua bán người, tội tàng trữ trái phép chất ma túy... mà người phạm tội bị xét xử trong trường hợp phạm tội chưa đạt, qua nghiên cứu các bản án cho thấy, kiến nghị của Viện kiểm sát và quyết định của Hội đồng xét xử đều không áp dụng các hình phạt bổ sung này đối với bị cáo do không đảm bảo các điều kiện để áp dụng.

Bên cạnh đó, thực tiễn quyết định hình phạt đối với người phạm tội chưa đạt đang còn tồn tại một số hạn chế nhất định, như:

*Một là*, vấn đề áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt đối với các trường hợp phạm tội chưa đạt cũng chưa có sự thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Vấn đề này thường xảy ra đối với các trường hợp xâm phạm sở hữu, tài sản chưa bị chiếm đoạt, ví dụ: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2019/HS-ST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo phạm tội cướp giật tài sản thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, Hội đồng xét xử đã áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt đối với các bị cáo; ngược lại, cùng trường hợp phạm tội cướp giật tài sản nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản tương tự, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2022/HS-ST ngày 08/04/2022 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử lại không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 để làm căn cứ quyết định hình phạt đối với người phạm tội<sup>37</sup>.

*Hai là*, một số trường hợp do thiếu sót trong việc áp dụng quy định tại Điều 57 BLHS năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội chưa đạt, dẫn đến kháng cáo, kháng nghị bản án và giảm hình phạt đối với bị cáo, ví dụ: Về trường hợp Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 15 và Điều 57 BLHS năm 2015 đối với bị cáo như nội dung Bản án hình sự phúc thẩm số 473/2020/HS-PT ngày 14/09/2020 về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà chúng

---

<sup>37</sup> Xem nội dung các bản án tại Phụ lục 1.

tôi đã đề cập phân tích; sau khi xem xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã áp dụng Điều 57 BLHS năm 2015, giảm mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng tù xuống 02 năm 03 tháng tù đối với bị cáo; hoặc theo nội dung Bản án hình sự phúc thẩm số 166/2022/HS-PT về tội giết người (thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt), Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 57 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt đối với bị cáo, dẫn đến quyết định loại hình phạt không đúng quy định (áp dụng hình phạt chung thân đối với bị cáo), Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã xem xét kháng cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát, áp dụng Điều 57 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo 20 năm tù.

Ngược lại, một số trường hợp Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng không đúng quy định tại Điều 15 và Điều 57 BLHS năm 2015, dẫn đến kháng cáo, kháng nghị, thay đổi tội danh và thay đổi hình phạt đối với bị cáo, ví dụ: Nghiên cứu nội dung Bản án hình sự phúc thẩm số 412/2023/HS-PT ngày 27/06/2023 về tội cố ý gây thương tích mà chúng tôi đã đề cập phân tích. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo phạm tội “Giết người” và thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo khoản 1 Điều 123 BLHS năm 2015, áp dụng Điều 15 BLHS năm 2015 và xử phạt bị cáo 07 năm tù. Sau đó bị cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị thay đổi từ tội danh “Giết người” sang tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 BLHS năm 2015, do bị cáo không phạm tội giết người. Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi đánh giá toàn bộ tính tiết của vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không cần thiết hủy án sơ thẩm để điều tra, xác định lại tội danh mà chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm, chuyển tội danh từ tội “Giết người” sang tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 và xử phạt bị cáo 03 năm tù.

*Ba là*, vẫn còn xảy ra trường hợp Hội đồng xét xử áp dụng không đúng quy định tại khoản 3 Điều 102 BLHS năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt. Đây là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật và đã được chỉ ra trong quá trình thực hành quyền công tố và xét xử của Viện kiểm sát nhân dân các cấp, ví dụ: Nghiên cứu nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HSST ngày 06/01/2022 của TAND tỉnh K xét xử bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ cùng các đồng phạm về tội “Giết người” (thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt) cho thấy, vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ chỉ mới 15 tuổi 9 tháng 07 ngày, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã viện dẫn quy định tại khoản 2 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 năm 2015 để quyết định hình phạt là đúng. Tuy nhiên, nội dung quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ là có sai lầm trong việc quyết định hình phạt tù

đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt; bởi vì, căn cứ các quy định tại khoản 2 Điều 101, đoạn 1 khoản 3 Điều 102 BLHS năm 2015 thì mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá 04 năm tù, trong khi Hội đồng xét xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ 06 năm 06 tháng tù. Sau đó, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 66/2022/HS-PT ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Việt Đ, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 01/2022/HSST ngày 06/01/2022 của TAND tỉnh K và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo còn 04 năm tù. Vấn đề này đã được Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thông báo đề các Viện kiểm sát trong khu vực rút kinh nghiệm chung<sup>38</sup>.

Sai lầm nghiêm trọng này không chỉ xảy ra ở cấp sơ thẩm mà còn cả ở cấp phúc thẩm, dẫn đến quyết định kháng nghị giám đốc thẩm hủy bản án hình sự phúc thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo để xét xử phúc thẩm lại và được chấp nhận, ví dụ: Sai lầm của các cấp xét xử về vấn đề này đã được chỉ ra tại Thông báo số 102/TB-VKSTC-P7 ngày 22/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao<sup>39</sup>, thông báo rút kinh nghiệm vụ án hình sự Hội đồng giám đốc thẩm Tòa án nhân dân tối cao hủy Bản án hình sự phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt, rút kinh nghiệm tới toàn thể Kiểm sát viên, Kiểm tra viên làm công tác Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự, đảm bảo áp dụng đúng quy định của pháp luật khi quyết định hình phạt trong giải quyết các vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi như sau: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2021/HS-ST ngày 20/01/2021 và Bản án hình sự phúc thẩm số 489/2021/HS-PT ngày 25/10/2021 xét xử các bị cáo Nguyễn Quốc A, Nguyễn Văn M, Nguyễn Hồng Đ về tội giết người (thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt), Hội đồng xét xử hai cấp đã áp dụng hình phạt chưa đúng pháp luật, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn M, thời điểm phạm tội mới có 17 tuổi 09 tháng 21 ngày, bị cáo Nguyễn Hồng Đ, thời điểm phạm tội mới có 17 tuổi 10 tháng 03 ngày nhưng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 10 năm tù là vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật khi quyết định hình phạt đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt (theo quy định tại khoản 1 Điều 101 và đoạn 2 khoản 3 Điều 102 BLHS năm 2015, mức hình phạt cao nhất được áp dụng đối với các bị cáo là không quá 09 năm tù); bị cáo Nguyễn Quốc A, thời điểm phạm tội mới

<sup>38</sup> Xem Phụ lục 1: Thông báo rút kinh nghiệm số 38/TB-VC2-V3 ngày 30/5/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

<sup>39</sup> Xem Phụ lục 1.

chỉ 15 tuổi 06 tháng 15 ngày nhưng Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử phạt Nguyễn Quốc A 07 năm tù là vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật khi quyết định hình phạt đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt (căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 101, đoạn 1 khoản 3 Điều 102 BLHS năm 2015, mức hình phạt cao nhất được áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Quốc A là không quá 04 năm tù). Bên cạnh sai lầm của Hội đồng xét xử thì kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa sơ thẩm chưa nắm chắc các quy định của pháp luật về vấn đề quyết định hình phạt đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi và phạm tội chưa đạt để đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đúng pháp luật; kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa phúc thẩm cũng không phát hiện vi phạm nghiêm trọng của Tòa án cấp sơ thẩm để đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm khắc phục vi phạm. Những sai phạm nêu trên ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo và nguyên tắc xử lý trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 91 BLHS năm 2015.

### **III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

#### **1. Kết quả đạt được**

Trong thời gian qua, các cơ quan tiến hành tố tụng đã khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử không ít các vụ án hình sự thuộc trường hợp tội phạm chưa hoàn thành đối với các tội phạm cụ thể như tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, tội cướp giật tài sản, tội trộm cắp tài sản, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản..., nhất là đối với trường hợp phạm tội chưa đạt. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; đa số các đối tượng phạm tội đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Các chứng cứ được thu thập đầy đủ, khách quan và hợp pháp, đảm bảo yêu cầu chứng minh ngay ở giai đoạn điều tra và được xem xét, đánh giá toàn diện ngay tại phiên tòa. Quá trình xác định tội danh và định khung hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành được các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng đúng quy định của BLHS năm 2015, văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, cũng như sự vận dụng đúng đắn các quy định có lợi của BLHS năm 2015 đối với các

trường hợp phạm tội xảy ra trước khi BLHS năm 2015 có hiệu lực thi hành, vận dụng linh hoạt nội dung các án lệ và những vấn đề lý luận của luật hình sự về định tội danh nói chung và định tội danh trong trường hợp tội phạm chưa hoàn thành đối với các tội phạm cụ thể nói riêng trong thực tiễn. Căn cứ quyết định hình phạt đối với người phạm tội chưa hoàn thành được xem xét đầy đủ, rõ ràng; loại và mức hình phạt được áp dụng trong phạm vi luật định đối với từng trường hợp tội phạm chưa hoàn thành cụ thể, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đảm bảo tính răn đe nhưng cũng thể hiện tính nhân đạo sâu sắc. Ngoài ra, qua công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử, Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã kịp thời phát hiện những sai sót trong việc áp dụng pháp luật của Hội đồng xét xử và kịp thời kháng nghị phù hợp, đúng quy định; thông qua hoạt động xét xử, Hội đồng xét xử cấp trên cũng đã kịp thời phát hiện, khắc phục những sai sót của Hội đồng xét xử cấp dưới nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của bị cáo.

Những kết quả đạt được trong thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành thể hiện trình độ nhận thức, hiểu biết đúng đắn, khả năng áp dụng quy định của BLHS năm 2015 và lý luận về luật hình sự linh hoạt, sáng tạo, cũng như tinh thần trách nhiệm cao của các chủ thể tiến hành tố tụng. Đây là các yếu tố quan trọng, cần được phát huy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự nói chung và các quy định đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành nói riêng.

## **2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế**

Thực tiễn áp dụng quy định của BLHS năm 2015 về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành vẫn còn một số hạn chế nhất định, như: Các cơ quan tiến hành tố tụng chưa đánh giá đúng, đầy đủ, toàn diện về hành vi phạm tội xảy ra, còn có sự nhầm lẫn giữa đặc điểm các giai đoạn cố ý thực hiện tội phạm, dẫn đến việc xác định không đúng tội danh, khung hình phạt và các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành đối với một số tội phạm cụ thể; việc truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh độc lập liên quan đến hành vi phạm tội chưa hoàn thành trong một số trường hợp còn gặp khó khăn về mặt pháp lý; thực tiễn viện dẫn và áp dụng nội dung các án lệ có liên quan còn khó khăn, lúng túng; việc áp dụng một số quy định của BLHS năm 2015, cũng như vận dụng tinh thần của các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn BLHS năm 1999 trước đây liên quan đến việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành còn có những cách hiểu khác nhau, dẫn đến áp dụng thiếu tính thống nhất; trong một số bản án, Hội đồng xét xử viện dẫn các quy định của BLHS

năm 2015 về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành để làm căn cứ quyết định hình phạt chưa đúng, chưa đầy đủ; loại và mức hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội chưa hoàn thành trong một số vụ án được đưa ra xét xử chưa tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; vẫn còn xảy ra những trường hợp sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng quy định của BLHS năm 2015 về quyết định hình phạt, đặc biệt là đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, dẫn đến việc kháng nghị, kháng cáo, sửa hoặc hủy bản án để điều tra, xét xử lại.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, cả nguyên nhân chủ quan và khách quan.

*Một là*, các quy định của BLHS năm 2015 về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung phù hợp hơn so với trước đây, nhưng tình hình tội phạm diễn biến ngày càng phức tạp, nhiều vấn đề mới phát sinh chưa được quy định, điều chỉnh; thực tiễn cho thấy các quy định trên đang dần bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng khi áp dụng, trong khi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về các quy định này, cũng như các án lệ có liên quan còn thiếu hoặc chưa cụ thể, rõ ràng, dẫn đến chưa thống nhất trong việc áp dụng. Điều này đòi hỏi, cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật hình sự có liên quan để giải quyết được những khó khăn, vướng mắc về mặt pháp lý đang đặt ra.

*Hai là*, trình độ nhận thức, hiểu biết, nắm vững các quy định của BLHS năm 2015, cũng như lý luận về luật hình sự của một số chủ thể tiến hành tố tụng còn hạn chế, chưa đầy đủ; năng lực áp dụng pháp luật chưa tốt; phương pháp, lề lối làm việc, tinh thần trách nhiệm chưa cao; sự chỉ đạo, kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới chưa được sâu sát... là những nguyên nhân chủ quan dẫn đến hạn chế, sai lầm trong việc áp dụng pháp luật hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành trong thực tiễn thời gian qua.

*Ba là*, một trong những nguyên nhân dẫn đến việc áp dụng không đúng các quy định của pháp luật hình sự trong việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành mà chúng ta cần phải thừa nhận, đó là xuất phát từ chính bản lĩnh, đạo đức nghề nghiệp của một số chủ thể tiến hành tố tụng; họ có thể vì động cơ vụ lợi hay động cơ cá nhân khác hoặc chịu sức ép, tác động ngoài ý muốn từ các yếu tố nhạy cảm dẫn đến những quyết định sai lầm, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Do đó, việc nâng cao bản lĩnh, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ trực tiếp áp dụng pháp luật hình sự là vấn đề cần được quan tâm đúng mức.

### **Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TRƯỜNG HỢP TỘI PHẠM CHƯA HOÀN THÀNH VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN**

#### **I. ĐỊNH HƯỚNG NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TRƯỜNG HỢP TỘI PHẠM CHƯA HOÀN THÀNH**

##### **1. Hoàn thiện pháp luật hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành**

###### ***a. Hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành***

Đảm bảo tính thống nhất trong việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự vào thực tiễn khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử người phạm tội là một yêu cầu bắt buộc và mang tính nguyên tắc chung. Có thể thấy, các quy định của BLHS năm 2015 về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành đã thực sự phát huy được hiệu quả trong thực tiễn áp dụng, tạo điều kiện pháp lý thuận lợi để các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết tốt các khó khăn, vướng mắc đang tồn tại trong quá trình định tội danh, quyết định hình phạt, từ đó đảm bảo được các yêu cầu đặt ra, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Bên cạnh những thuận lợi mang lại, BLHS năm 2015 về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành cũng bộc lộ một số hạn chế, gây ra những khó khăn, vướng mắc nhất định cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực tiễn áp dụng.

Trước yêu cầu đó, để tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, thống nhất cho việc định tội danh, quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, cần tiến hành rà soát, đánh giá lại các quy định của BLHS năm 2015 liên quan đến vấn đề này một cách toàn diện. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định của BLHS về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành phải được tiến hành trên cơ sở mục tiêu, quan điểm chỉ đạo chung đã được xác định khi xây dựng BLHS năm 2015, đồng thời tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc khi áp dụng các quy định này trong thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đang đặt ra.

Trên cơ sở thực tiễn và tham khảo một số quan điểm về những kiến nghị để hoàn thiện BLHS năm 2015 liên quan đến tội phạm chưa hoàn thành, chúng tôi có một số kiến nghị như sau:

*Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung Điều 14 BLHS năm 2015*

Một trong những vấn đề cần lưu ý khi xác định trách nhiệm hình sự đối

với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, đó là tội phạm dừng lại ở trường hợp nào thì xác định trách nhiệm hình sự tương ứng trường hợp đó; tội phạm dừng lại ở trường hợp chuẩn bị phạm tội thì mới áp dụng quy định của BLHS về chuẩn bị phạm tội để xử lý trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, Điều 14 BLHS năm 2015 chưa quy định về nguyên nhân tội phạm dừng lại như trường hợp phạm tội chưa đạt. Nhằm đảm bảo tính chặt chẽ, thống nhất giữa các quy định về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc xác định trách nhiệm hình sự đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội và để phân biệt với trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, chúng tôi cho rằng việc bổ sung nguyên nhân tội phạm dừng lại trong trường hợp chuẩn bị phạm tội là vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội là cần thiết. Về vấn đề này, có thể tham khảo quy định của BLHS Liên Bang Nga để có những sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, theo Khoản 1 Điều 30 BLHS Liên bang Nga: “*Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn phương tiện, công cụ phạm tội, tìm kiếm những người đồng phạm, bàn bạc thực hiện việc phạm tội hoặc cố ý tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm nhưng tội phạm không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội*”<sup>40</sup>.

Theo đó, chúng tôi đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung khoản 1 Điều 14 BLHS năm 2015 như sau: “*1. Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm, trừ trường hợp thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 của Bộ luật này, thì dừng lại vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội*”.

*Thứ hai, sửa đổi, bổ sung Điều 57 và Điều 102 BLHS năm 2015*

Khoản 3 Điều 57 BLHS năm 2015: “*Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định*”. Nghiên cứu quy định trên của BLHS năm 2015 cho thấy một số vấn đề cần đặt ra để trao đổi và có định hướng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, như:

*Một là*, theo quy định trên thì BLHS năm 2015 chỉ mới quy định về mức hình phạt cao nhất được áp dụng trong trường hợp phạm tội chưa đạt đối với điều luật có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình và tù có thời hạn, chưa quy định về mức hình phạt cao nhất được áp dụng trong trường

---

<sup>40</sup> Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên Bang Nga*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

hợp phạm tội chưa đạt đối với các điều luật có quy định các hình phạt khác như phạt tiền, cải tạo không giam giữ; trong khi đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt thì tại Điều 102 BLHS năm 2015 có quy định về mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với các điều luật có quy định các hình phạt loại này. Như vậy, trường hợp người phạm tội chưa đạt từ đủ 18 tuổi trở lên, bị tòa án áp dụng hình phạt phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ (hình phạt được quy định tại điều luật mà họ bị truy tố, xét xử) thì mức hình phạt cao nhất bị áp dụng không được giới hạn như trường hợp tù có thời hạn, họ có thể bị áp dụng mức hình phạt cao nhất đối với phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ như trường hợp tội phạm hoàn thành, ví dụ: Khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 (tội trộm cắp tài sản) quy định 02 hình phạt chính có thể được áp dụng đối với người phạm tội là cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; trường hợp tòa án lựa chọn hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người phạm tội, nếu tội phạm hoàn thành thì mức hình phạt cao nhất có thể bị áp dụng là 03 năm, nếu là phạm tội chưa đạt thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 3/4x3 năm (theo Điều 57 BLHS năm 2015); trường hợp tòa án lựa chọn hình phạt cải tạo không giam giữ thì kể cả trường hợp tội phạm hoàn thành hay phạm tội chưa đạt đều có thể bị áp dụng mức hình phạt cao nhất là 03 năm. Chúng tôi cho rằng vấn đề trên cần được nghiên cứu chỉnh sửa cho phù hợp theo hướng nên bổ sung quy định mức hình phạt cao nhất được áp dụng trong trường hợp phạm tội chưa đạt đối với điều luật có quy định hình phạt chính là phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ, nhằm đảm bảo sự thống nhất về chính sách hình sự giảm nhẹ đối với trường hợp phạm tội chưa đạt giữa các đối tượng phạm tội, giữa các loại hình phạt được áp dụng.

*Hai là*, theo quy định tại khoản 3 Điều 57 BLHS năm 2015, đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định. Tuy nhiên, BLHS năm 2015 lại chưa quy định rõ mức hình phạt “*không quá ba phần tư mức phạt tù*” là của mức phạt tù cao nhất hay mức phạt tù thấp nhất hay chia trung bình chung; mặc dù thực tiễn áp dụng pháp luật hiện nay, các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn hiểu là không quá ba phần tư mức phạt tù cao nhất mà điều luật quy định, song dưới góc độ lập pháp, để đảm bảo tính chặt chẽ, rõ ràng, thống nhất của quy phạm pháp luật hình sự, có thể sửa đổi quy định này theo hướng mức phạt tù được hiểu chính là không quá ba phần tư mức phạt tù cao nhất mà điều luật quy định. Vấn đề này cũng cần được nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi nội dung quy định tại Điều 102 BLHS năm 2015 cho phù hợp.

Trên cơ sở đó, theo chúng tôi, nội dung quy định tại khoản 3 Điều 57 và Điều 102 BLHS năm 2015 cần sửa đổi, bổ sung như sau:

- Đối với khoản 3 Điều 57 BLHS năm 2015 cần sửa đổi, bổ sung như sau:  
*“3. Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù **cao nhất** mà điều luật quy định; **nếu áp dụng hình phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt cao nhất mà điều luật quy định**”.*

- Tương tự, đối với khoản 2, 3 Điều 102 BLHS năm 2015 cần sửa đổi, bổ sung như sau:

*“2. Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần ba mức hình phạt **cao nhất** được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng.*

*Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá một phần hai mức hình phạt **cao nhất** được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng.*

*3. Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần ba mức hình phạt **cao nhất** quy định tại Điều 100 và Điều 101 của Bộ luật này.*

*Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội chưa đạt không quá một phần hai mức hình phạt **cao nhất** quy định tại các điều 99, 100 và 101 của Bộ luật này”.*

***b. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành***

Để áp dụng thống nhất các quy định của BLHS năm 1999 trước đây về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP, ngày 4/8/2000, hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và được đánh giá cao về hiệu quả áp dụng; hiện nay tinh thần các nội dung hướng dẫn đó vẫn được các cơ quan tiến hành tố tụng vận dụng như là một quan điểm (đã từng

được thừa nhận như một quy phạm pháp luật) trong thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, nhất là đối với các quy định không có sự thay đổi so với BLHS năm 1999 như phạm tội chưa đạt.

Tuy nhiên, văn bản quy phạm pháp luật này đã hết hiệu lực thi hành theo Quyết định số 355/QĐ-TANDTC, ngày 8/10/2021, về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực của Tòa án nhân dân tối cao, mặc dù có thể vận dụng tinh thần của Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP đối với các trường hợp tương tự nhưng thực tế cho thấy việc vận dụng này còn hạn chế, chưa có sự thống nhất, một số cơ quan tiến hành tố tụng không vận dụng tinh thần nội dung Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP vì không còn là văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, việc sớm xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, trên tinh thần kế thừa những quy định còn phù hợp và sửa đổi, bổ sung những quy định mới, hợp lý hơn của Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP là cần thiết.

Khi xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn thay thế cho Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP, bên cạnh việc kế thừa những quy định còn phù hợp, cơ quan có thẩm quyền cần có những hướng dẫn cụ thể về các trường hợp phạm tội chưa đạt như phạm tội chưa đạt chưa hoàn thành, phạm tội chưa đạt đã hoàn thành và vấn đề quyết định hình phạt đối với hai trường hợp cụ thể này. Các trường hợp này trước đây đã được quy định tại Nghị quyết số 02/1986/HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, ngày 05/01/1986, hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS và trong thực tiễn quyết định hình phạt đối với người phạm tội chưa đạt, Tòa án cũng đã vận dụng tinh thần nội dung hướng dẫn này trong một số trường hợp, song việc vận dụng này chưa được thống nhất về mặt nhận thức, xuất phát từ hiệu lực pháp lý của Nghị quyết số 02/1986/HĐTP. Để tạo cơ sở pháp lý cho việc vận dụng các trường hợp phạm tội chưa đạt cụ thể vào trong thực tiễn quyết định hình phạt, nhằm đảm bảo sự phân hóa trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, chúng tôi cho rằng, việc hướng dẫn cụ thể về vấn đề này bằng văn bản quy phạm pháp luật là cần thiết.

Ngoài ra, các cơ quan có thẩm quyền cần có hướng dẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 (phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn) để làm cơ sở phân biệt với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành khi hậu quả của tội phạm chưa xảy ra, tránh tình trạng áp dụng chưa thống nhất tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này đối với người phạm tội như thực tiễn hiện nay.

Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về các tội phạm cụ thể, cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu, hướng dẫn truy cứu trách nhiệm hình sự về các trường hợp phạm tội cụ thể liên quan đến chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt để áp dụng thống nhất trong thực tiễn.

***c. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng và ban hành án lệ liên quan đến vấn đề áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành***

Không ai phủ nhận được vai trò của án lệ trong thực tiễn xét xử, vì thực tế cho thấy không hệ thống pháp luật nào có thể bao trùm hết mọi tình huống pháp lý xảy ra, nên dùng án lệ bổ sung cho quy định pháp luật là cần thiết. Mặc dù không phải là văn bản quy phạm pháp luật nhưng việc phát triển án lệ được thực hiện theo chủ trương, quan điểm về cải cách tư pháp trong các Nghị quyết của Đảng và Nhà nước. Quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ được tiến hành chặt chẽ, khoa học; các bản án lệ được lựa chọn phải đảm bảo được các tiêu chí cụ thể (có giá trị làm rõ quy định của pháp luật còn có cách hiểu khác nhau, phân tích, giải thích các vấn đề, sự kiện pháp lý và chỉ ra nguyên tắc, đường lối xử lý, quy phạm pháp luật cần áp dụng trong một vụ việc cụ thể hoặc thể hiện lẽ công bằng đối với những vấn đề chưa có điều luật quy định cụ thể, có tính chuẩn mực, có giá trị hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử). Một yêu cầu bắt buộc khi áp dụng án lệ trong xét xử, đó là: “*Khi xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm phải nghiên cứu, áp dụng án lệ, bảo đảm những vụ việc có tình huống pháp lý tương tự thì phải được giải quyết như nhau. Trường hợp vụ việc có tình huống pháp lý tương tự nhưng Tòa án không áp dụng án lệ thì phải nêu rõ lý do trong bản án, quyết định của Tòa án*”. Khi xét xử, các Tòa án được khuyến khích viện dẫn án lệ của Tòa án nhân dân tối cao.

Các vấn đề nêu trên cho thấy, việc nghiên cứu, vận dụng án lệ để giải quyết những vụ việc có tình huống pháp lý tương tự trong xét xử là một yêu cầu quan trọng, cần thiết. Không chỉ giới hạn trong hoạt động xét xử, việc vận dụng án lệ vào thực tiễn khởi tố, điều tra, truy tố không những thể hiện sự tôn trọng tính thống nhất trong áp dụng pháp luật giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, đảm bảo tính chặt chẽ và tính có căn cứ trong quyết định của mình, mà còn là sự cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp. Dựa vào án lệ giúp việc vận dụng pháp luật hình sự có cơ sở, mang tính chuẩn mực, không cảm tính, hạn chế tình trạng áp dụng pháp luật hình sự mỗi nơi một kiểu, tránh lãng phí về thời gian, công sức của chủ thể có

thẩm quyền tiến hành tố tụng. Án lệ không chỉ giúp giải quyết được những vấn đề vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự mà còn là nguồn quan trọng để các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu xây dựng thành các quy phạm pháp luật hình sự chung.

Hiện nay, trong 70 án lệ do Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành, chỉ có 02 án lệ về hình sự liên quan đến việc áp dụng quy định của BLHS năm 2015 đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành và đều là án lệ liên quan đến tội giết người thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Thực tiễn vận dụng nội dung của hai bản án lệ này đã giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết được những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng quy định của BLHS năm 2015 đối với các tình huống pháp lý tương tự xảy ra, từ đó việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội giết người thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt được thống nhất và đúng quy định pháp luật, đảm bảo được các yêu cầu đặt ra. Trong thời gian tới, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần nghiên cứu, xây dựng và ban hành thêm các án lệ có liên quan đến vấn đề áp dụng BLHS năm 2015 về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành đối với một số tội phạm khác, như tội cướp tài sản thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt; án lệ về hành vi chuẩn bị phạm tội hay như vấn đề quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành...

## **2. Nâng cao năng lực áp dụng pháp luật hình sự; đạo đức nghề nghiệp đối với đội ngũ cán bộ thực tiễn**

Bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành như đã phân tích, một giải pháp mang tính lâu dài và không kém phần quan trọng giúp hạn chế những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự nói chung và hoạt động định tội danh, quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành nói riêng trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, đó là phải nâng cao trình độ nhận thức, kiến thức pháp luật hình sự cho đội ngũ cán bộ thực tiễn trực tiếp áp dụng pháp luật hình sự, đặc biệt là nhận thức về mặt lý luận liên quan đến vấn đề định tội danh, quyết định hình phạt và các quy định của BLHS năm 2015 đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành.

Trình độ nhận thức, kiến thức pháp luật hình sự là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu, có tính chất nền tảng, là yêu cầu bắt buộc mà đội ngũ cán bộ thực tiễn phải có. Cán bộ thực tiễn cho dù có đạo đức tốt, ý thức trách nhiệm, tinh thần nhiệt huyết với công việc, nhưng nếu hạn chế về kiến thức thì

khó có thể làm tốt công tác chuyên môn của mình.

Chỉ trên cơ sở có kiến thức chuyên môn vững vàng, độc lập, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng mới có thể độc lập trong quan điểm và dám bảo vệ quan điểm của mình, không bị chi phối bởi quan điểm của cấp trên hoặc đồng nghiệp. Nâng cao trình độ nhận thức, kiến thức pháp luật hình sự không chỉ giúp cho đội ngũ cán bộ thực tiễn có thể giải quyết vụ án được đảm bảo đúng quy định của pháp luật, có những quan điểm định tội danh và quyết định hình phạt phù hợp, thuyết phục đối với những vấn đề chưa được quy định thống nhất; mà còn là tiền đề quan trọng để mở rộng nghiên cứu khoa học, góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận về vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, cũng như hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự có liên quan.

Để phục vụ tốt cho hoạt động áp dụng pháp luật hình sự đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, ngoài kiến thức cơ bản cần phải có theo yêu cầu công việc, đội ngũ cán bộ thực tiễn phải thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật, bổ sung kiến thức mới, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm một cách nghiêm túc, cầu thị.

Thực tế định tội danh và quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành cho thấy, trong các trường hợp có sự xung đột quan điểm về nhận thức do chưa có văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn cụ thể, các cơ quan tiến hành tố tụng thường có văn bản thỉnh thị ý kiến của cơ quan cấp trên; tổ chức họp liên ngành giữa cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án để thống nhất quan điểm áp dụng; tham khảo các văn bản giải đáp nghiệp vụ trong nội bộ ngành tòa án hoặc viện kiểm sát, các quan điểm về tội danh, quyết định hình phạt của các nhà nghiên cứu, cán bộ thực tiễn... để định hướng cho việc định tội danh, quyết định hình phạt. Các quan điểm về định tội danh và quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành thông qua các hình thức này không phải là cơ sở pháp lý, mang tính quy phạm pháp luật nhưng do được đánh giá, giải thích trên cơ sở khoa học nên có giá trị tham khảo nhất định, giúp thống nhất, nâng cao nhận thức về các quy định của BLHS đối với các vấn đề có liên quan. Trong một số trường hợp, chủ thể tiến hành tố tụng coi đây là các cơ sở quan trọng để củng cố quan điểm của mình về vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt đối với vụ án xảy ra. Trong khi chờ các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thống nhất áp dụng BLHS năm 2015 đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, các cơ quan tiến hành tố tụng cần kịp thời có những trao đổi nghiệp vụ để giải quyết các khó

khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự liên quan đến vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành. Việc trao đổi nghiệp vụ có thể trong nội bộ ngành hoặc liên ngành. Hình thức trao đổi có thể bằng văn bản thể hiện quan điểm của cơ quan cấp trên về vấn đề mà cơ quan cấp dưới thỉnh thị ý kiến; có thể thông qua hình thức giải đáp các vấn đề vướng mắc hoặc trao đổi rút kinh nghiệm từ các bản án đã truy tố, xét xử của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao. Mặc dù các quan điểm trao đổi nghiệp vụ không mang tính pháp lý nhưng đây sẽ là những định hướng quan trọng để các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương nghiên cứu, vận dụng phù hợp vào thực tiễn. Các quan điểm trao đổi này cũng là nguồn tham khảo có giá trị để các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu xây dựng thành các quy phạm pháp luật cụ thể. Để đảm bảo giá trị tham khảo và tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc, các quan điểm trao đổi nghiệp vụ của cơ quan cấp trên, của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao cần phải cụ thể, rõ ràng, tránh nêu ra quan điểm chung chung hoặc gây khó hiểu.

Lãnh đạo đơn vị cần tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ được tham gia học tập, nâng cao trình độ, kiến thức chuyên môn thuộc lĩnh vực công tác. Tiếp tục có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ trực tiếp áp dụng pháp luật hình sự. Thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng theo hướng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ thực tiễn để trang bị thêm những kiến thức mới về chính trị, nghiệp vụ, pháp luật nói chung và việc áp dụng pháp luật hình sự liên quan đến các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành nói riêng; nội dung các chuyên đề tập huấn, bồi dưỡng cần thiết thực, đi sâu vào lĩnh vực áp dụng pháp luật hình sự, tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt trong thực tiễn đang đặt ra. Chẳng hạn, để nâng cao chất lượng, hiệu quả việc vận dụng án lệ vào thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử, cần có chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng về kỹ năng nghiên cứu, áp dụng và viện dẫn án lệ... Tổ chức các hội thảo, hội nghị trao đổi kinh nghiệm thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành để phát hiện những vướng mắc, khó khăn, lĩnh hội những kinh nghiệm hay và đưa ra những phương hướng, giải pháp mang tính thiết thực giúp cho việc áp dụng pháp luật hình sự đạt hiệu quả cao, đảm bảo xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm.

Bên cạnh kiến thức chuyên môn, đội ngũ cán bộ thực tiễn phải là người có đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp; không ai khác ngoài chính bản thân họ phải tự

rèn luyện cho mình những phẩm chất cần thiết này. Nếu phát hiện mình có sai sót trong quá trình định áp dụng pháp luật, thì phải dám nhận sai sót về mình và tìm mọi cách để khắc phục sai sót đó. Không bảo thủ, cứng nhắc, nhưng phải có quan điểm riêng, biết bảo vệ cái đúng, dám đấu tranh vì sự công bằng xã hội, chỉ tuân theo pháp luật, không chịu sức ép của bất cứ cá nhân, tổ chức nào trong quá trình đưa ra và bảo vệ quan điểm của mình về tội danh và quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Quá trình áp dụng pháp luật hình sự trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử, đội ngũ cán bộ thực tiễn bị áp lực và chi phối bởi nhiều yếu tố, từ quan điểm của lãnh đạo, đồng nghiệp, cơ chế kiểm tra, giám sát trong hoạt động tố tụng hình sự, thậm chí từ các phương tiện truyền thông, dư luận xã hội quan tâm đến vụ án; trước những áp lực đó, việc rèn luyện cho mình bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và thể hiện nó vào trong thực tiễn công tác sẽ giúp cho đội ngũ cán bộ thực tiễn vượt qua được những khó khăn, từ đó đảm bảo áp dụng có hiệu quả các quy định của BLHS năm 2015 về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành trong thực tiễn.

## **II. TRÁCH NHIỆM CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN TRONG VIỆC NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TRƯỜNG HỢP TỘI PHẠM CHƯA HOÀN THÀNH**

### **1. Trách nhiệm của lực lượng Cảnh sát nhân dân trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành**

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước ta ban hành nhiều chủ trương, đường lối về xây dựng, hoàn thiện pháp luật như: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Đề án “Chiến lược xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”; Kết luận số 19-KL/TW ngày 14-10-2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Đề án số 292-ĐA/ĐĐQH15 của Đảng đoàn Quốc hội về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14-10-2021 của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV...; trong đó, Bộ Công an được giao rất nhiều nhiệm vụ trọng tâm, đột phá về xây dựng, hoàn thiện pháp luật nói chung, pháp luật về an ninh, trật tự nói riêng tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong thời kỳ mới. Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong thời kỳ mới,

Đảng ủy Công an Trung ương ban hành Nghị quyết Số 09-NQ/ĐUCA ngày 29/3/2022 về tiếp tục hoàn thiện pháp luật về an ninh, trật tự đến năm 2026, định hướng đến năm 2030. Bên cạnh những định hướng hoàn thiện pháp luật về an ninh, trật tự theo chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân, Nghị quyết Số 09-NQ/ĐUCA còn đặt ra yêu cầu phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh khác theo chương trình xây dựng pháp luật của Chính phủ, Quốc hội, trong đó có BLHS.

Như vậy, cùng với xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật hình sự nói riêng, trong đó có quy định về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành cần được các đơn vị, cá nhân trong lực lượng Cảnh sát nhân dân xác định đây là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, góp phần cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và Đảng ủy Công an trung ương về xây dựng, hoàn thiện pháp luật; góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đáp ứng được yêu cầu công tác trong tình hình mới.

Từ nhận thức đó, trong hoạt động nghiên cứu, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật hình sự cần phải có sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp lãnh đạo, trong đó thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức tốt công tác nghiên cứu, xây dựng hoàn thiện các quy định của BLHS theo yêu cầu đặt ra; đồng thời phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc về tiến độ thực hiện, hướng dẫn tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong việc tổng hợp ý kiến đề xuất các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung. Mỗi cá nhân được giao nhiệm vụ phải luôn đề cao kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng pháp luật; phải có tinh thần trách nhiệm, đầu tư nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các ý kiến sửa đổi, bổ sung hợp lý, khoa học khắc phục được những khó khăn, vướng mắc đang tồn tại trong thực tiễn áp dụng.

Bản thân mỗi cán bộ, chiến sĩ của lực lượng Cảnh sát nhân dân, nhất là chủ thể có thẩm quyền tiến hành điều tra của các cơ quan điều tra hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức pháp luật hình sự, trau dồi lý luận về khoa học pháp lý hình sự để phục vụ hiệu quả cho công tác, cũng như hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật hình sự. Tích cực tham gia các buổi hội thảo, tọa đàm khoa học do các đơn vị giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong và ngoài ngành tổ chức, qua đó đề xuất các ý kiến mang tính thực tiễn từ hoạt động áp dụng pháp luật hình sự của lực lượng Cảnh sát nhân dân đối với việc sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định của BLHS, trong đó có quy định về các trường

hợp tội phạm chưa hoàn thành. Nghiên cứu, trao đổi ý kiến về các bản dự thảo án lệ liên quan đến việc áp dụng quy định của BLHS về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, giúp các cơ quan có thẩm quyền có thêm nhiều thông tin trong việc lựa chọn xây dựng và ban hành các án lệ. Khi có những vướng mắc trong việc áp dụng quy định của BLHS nói chung và quy định về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành nói riêng, lực lượng Cảnh sát nhân dân cần kịp thời tham mưu cho các cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời hướng dẫn, điều chỉnh chung; khi có những khó khăn, vướng mắc trong phạm vi nội bộ ngành, cơ quan điều tra cấp dưới cần kịp thời thỉnh thị ý kiến của cơ quan điều tra cấp trên; cơ quan điều tra cấp trên cần trao đổi, giải thích rõ ràng những vướng mắc bằng văn bản để áp dụng thống nhất.

## **2. Trách nhiệm của lực lượng Cảnh sát nhân dân trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành**

Để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật, việc nâng cao vai trò, trách nhiệm của các chủ thể áp dụng pháp luật là vấn đề quan trọng. Một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, nhưng khả năng áp dụng pháp luật của các chủ thể không đảm bảo yêu cầu thì cũng không đạt được hiệu quả; ngược lại, cho dù hệ thống pháp luật chưa thực sự hoàn chỉnh, còn có những hạn chế, vướng mắc, song các chủ thể áp dụng pháp luật có trình độ, tinh thần trách nhiệm, có khả năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo các quy định của pháp luật vào thực tiễn thì cũng phát huy được hiệu quả nhất định, đảm bảo được các yêu cầu đặt ra. Quán triệt vấn đề này trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, đội ngũ cán bộ, chiến sĩ của lực lượng Cảnh sát nhân dân, nhất là các chủ thể có thẩm quyền điều tra trong các cơ quan điều tra cần chú ý một số vấn đề sau đây:

*Thứ nhất*, không ngừng nâng cao trình độ, thường xuyên trau dồi kiến thức pháp luật hình sự, hiểu đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành. Để đảm bảo được yêu cầu này, bên cạnh việc nắm vững quy định của BLHS, cần thường xuyên cập nhật hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, cũng như nội dung hướng dẫn nội bộ trong ngành Tòa án, Viện kiểm sát về vấn đề có liên quan; hiểu đúng nội dung các án lệ về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành đã được ban hành để vận dụng đối với các tình huống tương tự xảy ra; nghiên cứu, trau dồi, hoàn thiện lý luận về tội phạm, về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành để làm cơ sở khoa học trong việc phân tích, luận giải việc áp

dụng quy định của pháp luật hình sự đối với những trường hợp còn vướng mắc chưa có hướng dẫn thống nhất.

*Thứ hai*, ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự, việc định tội danh đúng, áp dụng chính xác khoản (khung) đối với người phạm tội trong các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành vừa đảm bảo được pháp chế, vừa là căn cứ quan trọng để Tòa án quyết định hình phạt đối với người phạm tội chính xác, khách quan. Ngay tại giai đoạn điều tra vụ án hình sự, đòi hỏi các chủ thể có thẩm quyền tiến hành điều tra phải vận dụng đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành khi có hành vi phạm tội xảy ra; việc áp dụng không đúng các quy định của pháp luật hình sự đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành, dẫn đến oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Việc áp dụng đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật hình sự có liên quan một phần do trình độ chuyên môn, kiến thức, tinh thần trách nhiệm của chủ thể có thẩm quyền tiến hành điều tra quyết định, song một yếu tố không thể thiếu và có ảnh hưởng không nhỏ đến tính đúng đắn của các hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, đó là vấn đề bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp; chủ thể có thẩm quyền tiến hành điều tra của lực lượng Cảnh sát nhân dân phải luôn nêu cao tinh thần đạo đức cách mạng, thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, không chịu sự tác động, chi phối bởi các yếu tố bên ngoài đối với hành vi, hoạt động tố tụng của mình; hệ quả của các vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra vụ án hình sự, có thể trả giá bằng chính sinh mệnh chính trị của các chủ thể áp dụng pháp luật.













*Thứ ba*, thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành không phải lúc nào cũng thuận lợi; có những khó khăn, vướng mắc xuất phát từ quy định của BLHS thiếu tính cụ thể, rõ ràng nhưng chưa có văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thống nhất. Đối với các trường hợp này, việc trao đổi nghiệp vụ trong nội bộ cơ quan điều tra, thỉnh thị ý kiến cơ quan điều tra cấp trên, trao đổi, thống nhất quan điểm xử lý với viện kiểm sát là những vấn đề cần thiết phải được tiến hành, nhằm kịp thời giải quyết các vấn đề đặt ra. Một số trường hợp cơ quan điều tra không đồng ý vận dụng các quan điểm trao đổi nghiệp vụ trong công văn hướng dẫn nội bộ của Viện kiểm sát, Tòa án vì cho rằng các quan điểm trên không mang tính quy phạm. Về vấn đề này, chúng tôi cho rằng: Đối với cơ quan điều tra, các quan điểm thể hiện trong hệ thống văn bản hướng dẫn của nội bộ ngành tòa án hoặc viện kiểm sát thông qua hình thức giải đáp nghiệp vụ có liên quan đến vấn đề định tội danh đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành không chỉ có ý nghĩa về mặt nhận thức, mà còn mang tính thực tiễn đối với hoạt động định tội danh của cơ quan có















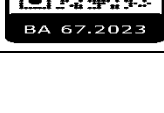

thẩm quyền điều tra. Với chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động điều tra của viện kiểm sát, có thẩm quyền phê chuẩn hay không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của cơ quan có thẩm quyền điều tra (trong đó có nội dung liên quan đến tội danh của bị can) hay Tòa án là cơ quan duy nhất đại diện cho nhà nước quyết định cuối cùng về tội danh đối với chủ thể phạm tội, thì quan điểm về tội danh của cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra phải đảm bảo tính thống nhất với quan điểm của chủ thể tiến hành tố tụng này. Mặc dù không mang tính quy phạm pháp luật, nhưng nếu cơ quan có thẩm quyền điều tra xác định tội danh không thống nhất với quan điểm đã được hướng dẫn trong văn bản nội bộ ngành tòa án hoặc viện kiểm sát thường sẽ không được chấp nhận, từ đó ảnh hưởng đến quá trình điều tra. Do đó, việc vận dụng các quan điểm trao đổi nghiệp vụ trong nội bộ ngành Tòa án, Viện kiểm sát vào thực tiễn hoạt động điều tra được coi là một hình thức áp dụng sáng tạo, linh hoạt quy định của BLHS; đồng thời thể hiện mối quan hệ phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

















*Thứ tư, đối với việc áp dụng án lệ đối với tội giết người thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra chú ý vận dụng đúng hướng dẫn tại Công văn số 1751/C01-P2 ngày 21/4/2023 của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an về việc hướng dẫn áp dụng Án lệ số 47/2021/AL, theo đó: Đề áp dụng Án lệ số 47/2021/AL, trong từng vụ án cụ thể, Cơ quan điều tra phải thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, trong đó cần đánh giá toàn diện, xem xét mọi dấu hiệu pháp lý của hành vi như: Vị trí tấn công; công cụ, phương tiện sử dụng; cường độ, mức độ tấn công, cơ chế hình thành vết thương, tính chất quyết liệt trong thực hiện hành vi; mối quan hệ giữa hành vi và hậu quả; động cơ, mục đích, ý thức chủ quan của đối tượng về hành vi và hậu quả... và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án (tài liệu, chứng cứ có được đến đâu thì xử lý đến đó, không để xảy ra oan, sai). Do đó, không phải trường hợp nào, đối tượng có hành vi dùng hung khí nguy hiểm tấn công vào vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại cũng áp dụng Án lệ số 47/2021/AL, mà chỉ xem xét áp dụng án lệ này đối với những vụ án có tình huống, tình tiết diễn ra tương tự, có đầy đủ các yếu tố nêu trên để xác định đối tượng thực hiện hành vi “Giết người” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, không “cắt khúc” thời điểm, khoảnh khắc hành vi xảy ra để áp dụng xử lý. Quan điểm vận dụng Án lệ số 47/2021/AL cũng đã được thể hiện tại Công văn số 100/TANDTC-PC ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng Án lệ số 47/2021/AL.*







## Phụ lục 1

### BẢN ÁN HÌNH SỰ VỀ CÁC TRƯỜNG HỢP TỘI PHẠM CHƯA HOÀN THÀNH

STT	BẢN ÁN	NỘI DUNG BẢN ÁN
<b>Chuẩn bị phạm tội</b>		
1	Bản án 163/2020/HS-PT ngày 06/5/2020 về tội phá rối an ninh (chuẩn bị phạm tội)	 BA 163.2020
2	Bản án 83/2017/HS-ST ngày 18/08/2017 về tội giết người (chuẩn bị phạm tội)	 BA 83.2017
3	Bản án 02/2021/HS-ST ngày 04/01/2021 về tội cố ý gây thương tích (chuẩn bị phạm tội)	 BA 02.2021
4	Bản án 190/2021/HS-PT ngày 28/04/2021 về tội cố ý gây thương tích (chuẩn bị phạm tội)	 BA 190.2021
5	Bản án 198/2021/HS-PT ngày 25/06/2021 về tội cố ý gây thương tích (chuẩn bị phạm tội)	 BA 198.2021
6	Bản án 03/2022/HS-ST ngày 05/01/2022 về tội cố ý gây thương tích (chuẩn bị phạm tội)	 BA 03.2022
7	Bản án 188/2022/HS-ST ngày 10/05/2022 về tội cố ý gây thương tích (chuẩn bị phạm tội)	 BA 188.2022
8	Bản án 144/2022/HS-PT ngày 19/05/2022 về tội cố ý gây thương tích (chuẩn bị phạm tội)	 BA 144.2022
9	Bản án 461/2022/HS-ST ngày 29/09/2022 về tội cố ý gây thương tích (chuẩn bị phạm tội)	 BA 461.2022
10	Bản án 151/2019/HS-ST ngày 17/05/2019 về tội cướp tài sản (chuẩn bị phạm tội)	 BA 151.2019
11	Bản án 206/2019/HS-ST ngày 15/11/2019 về tội cướp tài sản (chuẩn bị phạm tội)	 BA 206.2019
<b>Phạm tội chưa đạt</b>		
12	Bản án 18/2018/HS-ST ngày 09/05/2018 về tội giết người (phạm tội chưa đạt)	 BA 18.2018











13	Bản án 382/2019/HS-PT ngày 25/11/2019 về tội giết người (phạm tội chưa đạt)	
14	Bản án 368/2021/HS-PT ngày 27/09/2021 về tội giết người (phạm tội chưa đạt) và tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng	
15	Bản án 166/2022/HS-PT ngày 25/3/2022 về tội giết người (phạm tội chưa đạt)	
16	Bản án 22/2023/HS-ST ngày 07/03/2023 về tội giết người (phạm tội chưa đạt)	
17	Bản án 61/2024/HS-PT ngày 24/01/2024 về tội giết người (phạm tội chưa đạt)	
18	Bản án 412/2023/HS-PT ngày 27/06/2023 về tội cố ý gây thương tích	
19	Bản án 03/2024/HS-PT ngày 15/01/2024 về tội cố ý gây thương tích	
20	Bản án 43/2021/HS-ST ngày 29/6/2021 về tội hiếp dâm (phạm tội chưa đạt) và tội cướp tài sản	
21	Bản án 124/2022/HSST ngày 26/9/2022 về tội hiếp dâm (phạm tội chưa đạt)	
22	Bản án số 09/2020/HS-PT ngày 18/02/2020 về tội mua bán người (phạm tội chưa đạt)	
23	Bản án 10/2018/HS-ST ngày 07/03/2018 về tội cướp tài sản (phạm tội chưa đạt)	
24	Bản án 153/2018/HS-ST ngày 15/11/2018 về tội cướp tài sản (phạm tội chưa đạt)	
25	Bản án 15/2021/HS-ST ngày 06/04/2021 về tội cướp tài sản (phạm tội chưa đạt)	
26	Bản án 26/2022/HS-ST ngày 20/04/2022 về tội cướp tài sản (phạm tội chưa đạt)	
27	Bản án 532/2022/HS-PT ngày 11/08/2022 về tội cướp tài sản (phạm tội chưa đạt)	
28	Bản án 67/2023/HS-ST ngày 04/08/2023 về tội cướp tài sản (phạm tội chưa đạt)	

29	Bản án 304/2022/HS-ST ngày 17/08/2022 về tội cưỡng đoạt tài sản (phạm tội chưa đạt)	
30	Bản án 96/2018/HS-ST ngày 20/04/2018 về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (phạm tội chưa đạt)	
31	Bản án 63/2018/HS-ST ngày 08/10/2018 về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (phạm tội chưa đạt)	
32	Bản án 03/2021/HS-ST ngày 06/01/2021 về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (phạm tội chưa đạt)	
33	Bản án 49/2021/HS-ST ngày 17/9/2021 về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (phạm tội chưa đạt)	
34	Bản án 413/2022/HS-PT ngày 26/9/2022 về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (phạm tội chưa đạt)	
35	Bản án 46/2022/HS-ST ngày 08/04/2022 về tội cướp giật tài sản (phạm tội chưa đạt)	
36	Bản án 10/2019/HS-ST ngày 27/02/2019 về tội cướp giật tài sản (phạm tội chưa đạt)	
37	Bản án 142/2018/HS-PT ngày 22/11/2018 về tội trộm cắp tài sản (phạm tội chưa đạt)	
38	Bản án 32/2021/HS-ST ngày 08/06/2021 về tội trộm cắp tài sản (phạm tội chưa đạt)	
39	Bản án 179/2022/HS-ST ngày 30/06/2022 về tội trộm cắp tài sản (phạm tội chưa đạt).	
40	Bản án 43/2022/HS-ST ngày 20/12/2022 về tội trộm cắp tài sản (phạm tội chưa đạt)	
41	Bản án 04/2023/HS-PT ngày 12/01/2023 về tội trộm cắp tài sản (Phạm tội chưa đạt)	
42	Bản án 473/2020/HS-PT ngày 14/09/2020 về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (phạm tội chưa đạt)	
43	Bản án 21/2022/HS-PT ngày 22/04/2022 về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (phạm tội chưa đạt)	
44	Bản án 102/2022/HS-PT ngày 29/09/2022 về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (phạm tội chưa đạt) và làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức	

45	Bản án 09/2019/HS-ST ngày 11/07/2019 về tội vi phạm quy định khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản (phạm tội chưa đạt) và tội chống người thi hành công vụ	 BA 09.2019
46	Bản án 49/2023/HS-ST ngày 18/08/2023 về tội mua bán trái phép chất ma túy, tội tàng trữ trái phép chất ma túy (phạm tội chưa đạt)	 BA 49.2023
47	Bản án 04/2019/HS-PT ngày 23/01/2019 về tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài (phạm tội chưa đạt)	 BA 04.2019
48	Thông báo số 03/TB-VC2-V1 ngày 13/12/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút kinh nghiệm vụ án hình sự phúc thẩm bị hủy do áp dụng không đúng pháp luật	 TB 03
49	Thông báo số 38/TB-VC2-V3 ngày 30/5/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút kinh nghiệm vụ án hình sự bị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm	 TB 38
50	Thông báo số 102/TB-VKSTC-P7 ngày 22/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, rút kinh nghiệm vụ án hình sự Hội đồng giám đốc thẩm Tòa án nhân dân tối cao hủy Bản án hình sự phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại	 TB 102

## Phụ lục 2

### MỘT SỐ BẢN ÁN HÌNH SỰ KHÔNG ÁP DỤNG TRƯỜNG HỢP PHẠM TỘI CHƯA ĐẠT

STT	BẢN ÁN	NỘI DUNG BẢN ÁN
1	Bản án 323/2020/HS-ST ngày 22/12/2020 về tội cướp tài sản	 BA 323.2020
2	Bản án 21/2021/HS-ST ngày 29/01/2021 về tội cướp tài sản	 BA 21.2021
3	Bản án 90/2021/HS-ST ngày 19/05/2021 về tội cướp tài sản	 BA 90.2021
4	Bản án 50/2022/HS-PT ngày 21/06/2022 về tội cướp tài sản	 BA 50.2022
5	Bản án 73/2023/HS-ST ngày 25/8/2023 về tội cướp tài sản	 BA 73.2023
6	Bản án 72/2019/HS-ST ngày 10/9/2019 về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản	 BA 72.2019
7	Bản án 36/2021/HS-PT ngày 02/04/2021 về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản	 BA 36.2021
8	Bản án 830/2022/HS-PT ngày 10/11/2022 về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản	 BA 830.2022
9	Bản án 114/2021/HS-PT ngày 30/09/2021 về tội cưỡng đoạt tài sản	 BA 114.2021
10	Bản án 185/2022/HS-ST ngày 29/09/2022 về tội cưỡng đoạt tài sản	 BA 185.2022

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Cẩm (2002), *Một số vấn đề chung về định tội danh*, Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Lê Cẩm (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Lê Cẩm, Vũ Trung, Nông Thị Như Quỳnh (2021), “Các giai đoạn phạm tội và tiếp tục hoàn thiện điều khoản có liên quan trong pháp luật hình sự tương lai”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 01/2021, trang 23.
4. Ngô Ngọc Diễm, Ngô Ngọc Trà (2021), “Tội phạm chưa hoàn thành theo luật hình sự Việt Nam và một số giải pháp hoàn thiện”, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*.
5. Cục Đào tạo, Bộ Công an (2021), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần những quy định chung và Phần các tội phạm)*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
6. Lê Văn Đệ (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
7. Trần Văn Hà (2023), *Hệ thống các nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hình sự và tố tụng hình sự từ năm 1986 đến 2023*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
8. Nguyễn Ngọc Hòa (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) - Phần chung và Phần các tội phạm*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
9. Nguyễn Ngọc Hòa (2015), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb Tư Pháp, Hà Nội.
10. Dương Tuyết Miên (2021), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
11. Đinh Văn Quế (2018), *Bình luận Bộ luật hình sự năm 2015 (Phần thứ nhất – Những quy định chung)*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
12. Quốc hội (2017), *Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
13. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

14. Trịnh Tiến Việt (2009), “Về phạm tội chưa đạt và một số hình thức phạm tội khác trong quá trình thực hiện tội phạm”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học* 25 (2009) 125-133.

15. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên Bang Nga*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

16. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

17. Tòa án nhân dân tối cao (2012), *Quyết định số 74/QĐ-TANDTC, ngày 31/10/2012, Quyết định phê duyệt đề án “phát triển án lệ của tòa án nhân dân tối cao”*, Hà Nội.

18. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2019), *Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP, ngày 18/6/2019, về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ*, Hà Nội.

# MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>LỜI NÓI ĐẦU</b>	
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TRƯỜNG HỢP TỘI PHẠM CHƯA HOÀN THÀNH TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM</b>	1
I. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của việc quy định các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành	1
II. Định tội danh và quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành	8
<b>Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TRƯỜNG HỢP TỘI PHẠM CHƯA HOÀN THÀNH</b>	39
I. Thực tiễn định tội danh đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành	39
II. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành	83
III. Nhận xét, đánh giá	90
<b>Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TRƯỜNG HỢP TỘI PHẠM CHƯA HOÀN THÀNH VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN</b>	93
I. Định hướng nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành	93
II. Trách nhiệm của lực lượng Cảnh sát nhân dân trong việc nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự về các trường hợp tội phạm chưa hoàn thành	102
<b>PHỤ LỤC</b>	
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	